

ĐẤT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, phát triển các cơ sở kinh tế, văn hóa xã hội và an ninh quốc phòng ...

Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật.”

Luật Đất đai năm 2024 tại Chương 2 Điều 13 quy định "Quyết định mục đích sử dụng đất thông qua quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất" và tại Chương 5 Điều 72 Khoản 4 quy định "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện".

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 62 Luật Đất đai 2024 thì kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được lập hằng năm nên việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Quảng Hòa là cần thiết, phù hợp quy định pháp luật.

Hơn nữa, công tác lập kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Theo quy định tại Điều 78, 79, 80 Luật đất đai năm 2024, thực hiện kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện nhằm định hướng căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Thực hiện Văn bản số 3576/STNMT-QLĐĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng về việc Triển khai và hướng dẫn xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện. Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng tiến hành thực hiện lập “**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng**”.

Mục tiêu của kế hoạch sử dụng đất:

- Tạo lập cơ sở để quản lý thống nhất đất đai trong lãnh thổ và làm căn cứ để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất... theo đúng thẩm quyền.

- Cụ thể hoá quy hoạch sử dụng đất huyện Hà Quảng và làm căn cứ định hướng cho quy hoạch của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Hà Quảng, tránh tình trạng chồng chéo quy hoạch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, phục vụ cho công tác quản lý đất đai một cách khoa học, tiết kiệm và có hiệu quả. Tạo tiền đề để xây dựng cơ sở tin học hóa các nguồn dữ liệu quy hoạch phục vụ quản lý, sử dụng đất.

- Làm cơ sở để UBND huyện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế có liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

1.1. Cơ sở pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật di sản văn hóa số 10/VBHN-VPQH ngày 23/7/2013;
- Luật Xây dựng – Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Lâm Nghiệp – Luật số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Luật xây dựng – Luật số 62/20/QH14 ngày 17/06/2020 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng);
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quy hoạch;
- Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;
- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010, của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch. Quy định tiêu chí của Trung tâm văn hóa - thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010, của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch. Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm văn hóa - thể thao xã;

- Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011, của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch. Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn;

- Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010, Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm văn hóa - thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011, Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015, của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/ND-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, của Chính phủ;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017, của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 53/2017/TT-BTNMT ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định ngưng hiệu lực thi hành Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21 tháng 12 năm 2016, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quy định tiêu chí của trung tâm văn hóa - thể thao phường, thị trấn;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

1.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ lập kế hoạch sử dụng đất

- Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 1 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng Nghị quyết kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2);

- Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 55/NQ- HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3);

- Nghị quyết 72/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023;

- Nghị quyết 96/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023;

- Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 3);

- Nghị quyết 66/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 3);

- Nghị quyết 102/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024;

- Nghị quyết 103/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024;

- Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 01);

- Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 01);

- Nghị quyết 52/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 02);

- Nghị quyết 53/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 02);

- Nghị quyết 75/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 03);

- Nghị quyết 76/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 03);

- Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của HĐND huyện Hà Quảng về việc Phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương do huyện bố trí;

- Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định 295/QĐ-TTg ngày 02/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040;

- Quyết định số 415/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Hà Quảng;

- Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt bổ sung địa chỉ bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Hà Quảng (đợt 1);

- Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt bổ sung danh mục công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Hà Quảng (đợt 2);

- Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hà Quảng;

- Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt bổ sung địa chỉ đấu giá quyền sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hà Quảng (đợt 1);

- Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hà Quảng (đợt 2);

- Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hà Quảng (đợt 3);

- Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt bổ sung công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hà Quảng (đợt 4);

- Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 26 tháng 2 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Cao Bằng năm 2023;
- Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng V/v Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng;
- Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Điều chỉnh diện tích công trình, dự án đã được phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng (đợt 1);
- Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng;
- Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Điều chỉnh công trình, dự án tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng;
- Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 13/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng" sử dụng vốn vay Nhật Bản; Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;
- Quyết định 2541/QĐ-BQP ngày 27/7/2021 của Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt danh mục dự án mở mới thuộc Kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2021 - 2025 nguồn NSQP (Công trình phổ thông) và Văn bản số 674/BCH-TM ngày 02/10/2021 của Ban chỉ huy quân sự huyện Hà Quảng;
- Quyết định số 3797/QĐ-QK ngày 19/12/2022 của Quân Khu I quyết định phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng/Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng đến năm 2035 và những năm tiếp theo;
- Quyết định số 3141/QĐ-BQP ngày 20/8/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ĐTXD doanh trại BCHQS huyện Hà Quảng/Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng/Quân Khu 1;
- Quyết định số 1390/QĐ-BQP ngày 26/4/2022 của Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ĐTXD công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế Quốc phòng Thông Nông - Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng/Quân Khu 1;
- Quyết định số 2628/QĐ-BQP ngày 18/7/2022 của Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt "Điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế - quốc phòng Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng/Quân Khu 1 đến năm 2025";

- Quyết định số 351/QĐ-BQP ngày 31/01/2023 của Bộ Quốc phòng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế Quốc phòng Thông Nông - Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1. Văn bản ghi vôn: Thông báo số 3131/TB-KHĐT ngày 18/5/2023 của Cục Kế hoạch đầu tư, Bộ Quốc phòng;

- Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình trong căn cứ chiến đấu huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 945/QĐ-BTP ngày 03/16/2021 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 3271/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục khu tỉnh Cao Bằng, vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu và Văn bản số 277/BNN-KH ngày 13/1/2022 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Về Thông báo kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 dự án: Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục khu tỉnh Cao Bằng, vùng núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu; Văn bản số 182/NS ngày 09/8/2022 của Trung tâm quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất cho dự án "xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục khu tỉnh Cao Bằng, vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu" tại tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 389/QĐ-BNN-TCTL ngày 31/01/2023 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án thành phần số 2: Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu, tỉnh Cao Bằng thuộc dự án Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu tỉnh Cao Bằng, vùng núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 5522/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Hà Quảng Về việc xin thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất, tự nguyện trả lại đất của ông Đàm Trọng Vĩnh, thường trú tổ 15, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch thu từ đất, tài sản gắn liền với đất năm 2022;

- Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 23/2/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt Kế hoạch thu từ đất, tài sản trên đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp

thuận nhà đầu tư và Công văn số 655/UBND-NĐ ngày 22/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Chấp thuận việc Công ty TNHH 336 Cao Bằng nhận chuyển nhượng, góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp;

- Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về chủ trương đầu tư Dự án: Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Báo cáo số 3096/BC-UBND ngày 17/11/2021 của UBND huyện Hà Quảng về việc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án: Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch số 1444/KH-UBND ngày 11/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc Kế hoạch đầu tư công năm 2021 huyện Hà Quảng;

- Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư dự án Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về việc Phê duyệt dự án Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của UBND huyện Hà Quảng về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 - Tiêu dự án 2;

- Quyết định số 5326/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Hà Quảng về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Quyết định số 5329/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện Hà Quảng về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Đường giao thông Khuổi Diều, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 1045/KH-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Hà Quảng về việc kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

- Kế hoạch số 2170/KH-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 2217/KH-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (Dự kiến lần 1);

- Kế hoạch số 2024/KH-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Hà Quảng năm 2025 (Dự kiến lần 1);
- Kế hoạch số 2027/KH-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Dự kiến lần 1);
- Kế hoạch số 3059/KH-UBND ngày 30/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Dự kiến lần 2);
- Công văn số 3504a/BTM-DQTV ngày 16/10/2023 của Quân khu 1 về việc xây dựng chốt chiến đấu dân quân tự vệ biên giới đất liền;
- Công văn số 2478/UBND-KT ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng đầu tư xây dựng công trình Cải tạo mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng (Cơ sở 2);
- Công văn số 3271/UBND-KT ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc gia hạn thời gian chấp thuận địa điểm thực hiện đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng (Cơ sở 2); Tờ trình số 2350/TTr-CAT-PH10 ngày 19/9/2023 của Công an tỉnh Cao Bằng Về việc xin phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng thuộc công an tỉnh Cao Bằng;
- Văn bản số 2454/BQP-TM ngày 26/7/2022 của Bộ Quốc Phòng về việc chuyển giao đất quốc phòng của QK1 và BDBP cho UBND tỉnh Cao Bằng quản lý, sử dụng; Văn bản số 3633/BDBP-TM ngày 31/8/2022 của Bộ đội biên phòng về việc chuyển giao đất quốc phòng của bộ đội biên phòng tỉnh Cao Bằng cho UBND tỉnh Cao Bằng quản lý, sử dụng và Văn bản số 2345/UBND-TH ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc chuyển giao đất quốc phòng của Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng;
- Văn bản số 3576/STNMT-QLĐĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng về việc Triển khai và hướng dẫn xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;
- Công văn số 632/CV-TNMT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hà Quảng về việc Rà soát công trình, dự án năm 2024 và đăng ký các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất để lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng;
- Báo cáo Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, 2023, 2024 huyện Hà Quảng;
- Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch SDD đến năm 2030 huyện Hà Quảng;
- Thống kê đất đai năm 2023 (đến ngày 31/12/2023) huyện Hà Quảng;
- Các loại bản đồ có liên quan trên địa bàn huyện Hà Quảng;

- + Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch SĐĐ đến năm 2030 huyện Hà Quảng.
- + Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, 2023, 2024 huyện Hà Quảng.
- + Bản đồ địa chính 21 xã, thị trấn (tỷ lệ 1/500 và 1/1000).
- + Bản đồ địa chính lâm nghiệp 21 xã, thị trấn (tỷ lệ 1/10.000).
- + Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của 21 xã, thị trấn và bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Hà Quảng.
- + Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện Hà Quảng.
- + Bản đồ quy hoạch chung xây dựng các xã, thị trấn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Hà Quảng.
- Báo cáo số 2022/BC-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024 (*Báo cáo phục vụ phiên họp thường kỳ UBND huyện tháng 6 năm 2024*);

- Nội dung báo cáo.

Bố cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng, ngoài phần đặt vấn đề, kết luận và kiến nghị, được bố cục thành các phần chính sau:

- I: Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội;**
- II: Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội;**
- III: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;**
- IV: Lập kế hoạch sử dụng đất;**
- V: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất;**

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Hà Quảng là huyện miền núi, vùng cao, biên giới, nằm về cực bắc của tỉnh Cao Bằng, có diện tích tự nhiên là: 81.117,52 ha, gồm 19 xã và 02 thị trấn.

- Tọa độ địa lý:

+ Vĩ độ bắc: 22°45'00" đến 22°59'00"

+ Kinh độ đông: 105°57'00" đến 106°16'00"

- Vị trí địa lý tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp: tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

+ Phía Nam giáp huyện: Nguyên Bình, Hòa An.

+ Phía Đông giáp huyện: Trùng Khánh.

+ Phía Tây giáp huyện: Bảo Lạc, Nguyên Bình.

Huyện Hà Quảng cách trung tâm thành phố Cao Bằng khoảng 40 km về phía Tây Bắc, huyện có tuyến đường Hồ Chí Minh (tỉnh lộ 203 cũ) chạy qua nối liền giữa hai huyện Hà Quảng, huyện Hòa An ra thành phố Cao Bằng.

Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng. Huyện Thông Nông sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và các đơn vị hành chính vào huyện Hà Quảng. Sau sáp nhập, huyện Hà Quảng có 21 đơn vị hành chính, gồm 19 xã và 02 thị trấn, gồm các xã, thị trấn: Ngọc Đào, Sóc Hà, Trường Hà, Quý Quân, Lũng Nặm, Cải Viên, Nội Thôn, Tổng Cột, Hồng Sỹ, Mã Ba, Thượng Thôn, thị trấn Xuân Hòa, Thanh Long, Cần Yên, thị trấn Thông Nông, Lương Can, Cần Nông, Yên Sơn, Ngọc Động, Đa Thông, Lương Thông.

Huyện Hà Quảng có 8 xã biên giới giáp biên với Trung Quốc, với tổng chiều dài đường biên giới là 74,871 km, bao gồm các xã: Sóc Hà, Trường Hà, Lũng Nặm, Cải Viên, Nội Thôn, Tổng Cột, Cần Nông, Cần Yên. Huyện có cửa khẩu Sóc Giang (thuộc xã Sóc Hà) và nhiều đường mòn dân sinh.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

- Huyện Hà Quảng có đặc điểm là vùng núi cao, có nhiều núi đá vôi và đồi chiếm phần lớn diện tích tự nhiên với độ dốc lớn và đổ xuống phía Nam và Đông Nam.

- Về vùng địa lý, toàn bộ diện tích của huyện có thể chia làm 2 vùng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội như sau:

+ Tiểu vùng thấp: Đây là tiểu vùng có các thung lũng tương đối bằng phẳng, đất canh tác chủ yếu là đất trồng lúa, có hệ thống sông suối cơ bản đáp ứng được nhu cầu về nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

+ Tiểu vùng cao: Đây là tiểu vùng hầu như không có sông suối, không đủ nước cho sinh hoạt và sản xuất, đất canh tác chủ yếu là đất trồng hoa màu, kết cấu hạ tầng cũng chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hóa của nhân dân.

1.1.3. Khí hậu

Nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với đầy đủ 4 mùa, bị ảnh hưởng nhiều của tiểu vùng khí hậu phía Bắc, có núi đá. Nhiệt độ trung bình năm từ 22°C đến 24°C, tối cao lên đến 38°C (tháng 7) và tối thiểu là 0°C (tháng 12). Lượng mưa trung bình năm thấp, đạt khoảng 1.800 mm, tập trung cao nhất vào tháng 7, tháng 8, chiếm 80% (mùa mưa) và thấp nhất vào tháng 1.

1.1.4. Thủy văn

Trên địa bàn huyện có 3 con sông, suối chính là: sông Bằng Giang, suối Lê Nin và suối Phù Ngọc cùng với rất nhiều nhánh tạo thành mạng lưới thủy văn và cảnh quan thiên nhiên rất đẹp.

Hệ thống hồ thừa thớt, có 2 hồ chính là hồ Bản Nura, hồ Kẻ Hiệt cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. Các xã phân bố ở vùng cao tuy đã được quan tâm làm bể chứa nước nhưng hiện nay việc cấp nước sinh hoạt còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống cũng như sản xuất của nhân dân.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện theo số liệu hiện trạng năm 2023 là 81.117,52 ha, chủ yếu là núi đá vôi chiếm 2/3 tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện, hệ số sử dụng đất đai là 1,7 thấp hơn mức bình quân của tỉnh, trong đó bao gồm những loại đất sau:

- Đất nông nghiệp có diện tích 76.011,72ha; chiếm 93,71% diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp có diện tích 2.639,42ha; chiếm 3,25% diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng có diện tích 2.466,38ha; chiếm 3,04% diện tích tự nhiên.

Tổng hợp từ bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1: 25.000 đất đai trên địa bàn huyện có các loại đất chính sau:

- Đất feralit nâu đỏ phát triển trên núi đá vôi, phân bố trên vùng đồi và chân núi đá vôi.
- Đất feralit màu đỏ phát triển trên đá mắcma bazơ trung tính, phân bố ở vùng đồi núi.
- Đất phù sa trung tính ít chua phân bố ở thung lũng hẹp và vùng trũng giáp các sông suối lớn.
- Đất feralit màu xám phát triển trên đá phiến thạch sét và đá biến chất, phân bố ở vùng đồi núi thấp.

- Đất xám trên đá cát, phân bố ven suối.
- Đất nâu vàng trên đá vôi, phân bố dưới chân núi đá vôi.

Loại đất như đất feralit nâu đỏ, đỏ, xám và đất phù sa là các loại đất thích hợp phát triển cây trồng như thuốc lá, đậu tương, lạc và ngô, lúa nước.

1.2.2. Tài nguyên nước

- Nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong huyện được lấy từ hai nguồn chính là nước mặt và nước ngầm.

- Nguồn nước mặt: Nguồn cung cấp nước cho huyện Hà Quảng chủ yếu do các con suối chính là: suối Giẻ Rào, suối Bằng Giang, suối Lê Nin, suối Phù Ngọc và một số hồ, ao phân bố rải rác trên địa bàn huyện. Cụ thể:

+ Hệ thống suối từ Trung Quốc – xã Càn Yên – xã Lương Thông – xã Đa Thông – thị trấn Thông Nông – xã Lương Can.

+ Hệ thống suối Lênin dài 27 km chảy từ Pác Bó qua thị trấn Xuân Hòa đến xã Quý Quân.

+ Hệ thống suối Bằng Giang dài 15 km chảy từ Sóc Giang xã Sóc Hà qua xã Quý Quân.

+ Hệ thống suối Nà Giàng dài 15 km là suối nước của hai nguồn là nguồn Nà Dầm và Nà Giàng chảy về xã Nam Tuấn huyện Hòa An.

Toàn huyện có 02 hồ nước ở xã Ngọc Đào sức chứa khoảng 30.000m³. Ngoài ra còn một số nguồn nước chảy từ khe lạch rừng núi vào mùa mưa.

Vùng lục khu chỉ có suối nhỏ, nước chỉ chảy vào mùa mưa. Toàn bộ nước sản xuất và sinh hoạt của toàn vùng phụ thuộc chủ yếu vào nước mưa.

- Nguồn nước ngầm: Tài nguyên nước ngầm ở Hà Quảng chưa được khảo sát đánh giá đầy đủ, song qua tình hình khai thác phục vụ sinh hoạt của nhân dân cho thấy, trữ lượng nước ngầm ở các vùng thấp, ven sông suối là khá dồi dào.

1.2.3. Tài nguyên rừng

Với thảm thực vật rừng khá phong phú tạo thành quần thể tự nhiên, có vai trò quan trọng trong việc phòng hộ cũng như có một vai trò kinh tế nhất định, tuy nhiên trong thời gian 5 năm trở lại đây chưa có vụ cháy nào xảy ra tại rừng đặc dụng, mà chỉ cháy rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Rừng là nơi cung cấp nguyên liệu phục vụ đời sống, góp phần tô đẹp cảnh quan khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Pác Bó. Trong giai đoạn vừa qua rừng mới được phục hồi nên chưa có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong tương lai cần chú ý tăng cường diện tích rừng khoanh nuôi, bảo vệ rừng, tăng độ che phủ rừng trong toàn huyện đảm bảo cân bằng sinh thái và bảo vệ tài nguyên đất, chống xói mòn, bảo vệ sự đa dạng sinh học và điều hoà nguồn nước.

Những năm qua, Hạt Kiểm lâm huyện tham mưu cho UBND huyện triển khai kế hoạch trồng rừng, phối hợp với chính quyền các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động bà con đăng ký trồng rừng mới nhằm đẩy nhanh tiến độ phủ

xanh đất trồng, đồi núi trọc, các loại cây chủ yếu được đưa vào trồng rừng như: Cây Thông, cây Lát, cây Keo... Cây keo sinh trưởng phù hợp với địa hình các xã của huyện Hà Quảng, nếu trồng và chăm sóc tốt có thể cho thu hoạch sau 5 - 7 năm. Nhân dân đã khai thác và trồng lại rừng sản xuất đảm bảo không để diện tích đất trống sau khai thác, góp phần vào việc nâng cao giá trị rừng, đem lại thu nhập cho người dân. Ngoài các xã, thị trấn vùng đồng thấp, đến nhiều xã vùng cao, vùng biên giới cũng có phong trào trồng rừng phát triển rừng tốt như: Nội Thôn, Cần Yên, Cần Nông...

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Quặng Bôxít là nguồn tài nguyên quan trọng nhất, theo điều tra ban đầu ước tính tổng thể lên khoảng 50 triệu tấn, chiếm 45% tổng trữ lượng toàn tỉnh. Các mỏ quặng phân bố tại các nơi như Sóc Giang (7 triệu tấn), Rải Tổng (7 triệu tấn), Tổng Cánh (2 triệu tấn), Nà Ràng (5 triệu tấn)... Bôxít nguồn gốc trầm tích tồn tại ở phần thấp nhất, phủ lên mặt bào mòn của đá vôi. Quặng Bô-xít với nhiều loại màu sắc, cấu tạo khác nhau. Quặng có thành phần chủ yếu là diaspo, boemit, ít gipxit. Hàm lượng Al_2O_3 thay đổi từ 34-59%; SiO_2 =7-35%; Fe_2O_3 =5,8-34,6%; TiO_2 =0,5-4,5%. Cần lưu ý rằng trong cùng một mỏ và ngay cùng 1 thân quặng cũng có nhiều thấu kính quặng không đạt chỉ tiêu Bôxít.

Đá vôi là nguyên liệu tiềm năng để sản xuất vật liệu xây dựng, phân bố ở một số xã vùng cao. Đất thịt pha sét là nguyên liệu sản xuất gạch ngói, phân bố tập trung ở vùng thung lũng. Từ năm 2013 đến nay trên địa bàn huyện đã cấp phép và khai thác 4 điểm khai thác đá vật liệu xây dựng cụ thể: Điểm khai thác đá vật liệu xây dựng “Ngườm Mẩn, xã Nà Sác nay là xã Trường Hà sau khi sáp nhập” diện tích 0,30 ha với trữ lượng 17.400m³, điểm khai thác đá mỏ đá Nà Tọ xã Sóc Hà diện tích 0,50 ha với trữ lượng cấp phép 35.000 m³, công suất khai thác là 5.000 m³/năm, điểm khai thác đá Tân Thoong - Bản Giàng, thị trấn Xuân Hòa diện tích 0,65 ha với trữ lượng 28.100 m³, điểm khai thác đá mỏ Nậm Thuôm, thị trấn Xuân Hòa diện tích 1,00 ha với trữ lượng 402.126 m³. Tuy nhiên, đến nay chỉ còn Mỏ đá Nà Tọ xã Sóc Hà giấy phép hoạt động còn hiệu lực.

Theo quy hoạch thăm dò các điểm khai thác, sử dụng khoáng sản đã được cơ quan Trung ương bàn giao cho tỉnh quản lý gồm các điểm Bauxit Cáy Tắc, xã Lũng Nậm, xã Tổng Cột, xã Thượng Thôn, Đại Tổng (xã Nội Thôn), Sóc Giang (xã Sóc Hà), bản Phia Deng (xã Ngọc Đào), Lũng Khoản (xã Mã Ba). Ngoài ra, còn các điểm đá vôi xi măng xã Thượng Thôn, đá vôi ốp lát Kéo Quển, xã Lũng Nậm và Bauxit Cốc Lùng (xã Yên Sơn), Bauxit Tản Pung (xã Lương Can), Bauxit Cốc Pảng (xã Lương Can).

Ngoài ra huyện còn có mỏ Antimon nhưng đến nay chưa được điều tra đánh giá trữ lượng để đưa vào khai thác.

1.2.5. Tài nguyên nhân văn

Huyện Hà Quảng đã tồn tại và phát triển lâu đời, có nhiều dân tộc anh em sinh sống như: Tày, Nùng, Mông, Kinh, Dao và các dân tộc anh em khác, mỗi dân tộc đều có bản văn hóa riêng tạo nên một nền văn hóa phong phú và đa dạng cần được giữ gìn bảo vệ phát triển.

Trong các thời kỳ chống Pháp và chiến tranh biên giới, nhân dân huyện Hà Quảng đã đóng góp nhiều sức người, sức của để đánh giặc ngoại xâm xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ và bảo vệ biên giới Trung Quốc. Trên địa bàn huyện hiện nay vẫn còn nhiều di tích mang dấu ấn lịch sử văn hóa như: Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Pác Bó, Mộ liệt sỹ Kim Đồng.

1.2.6. Các nguồn tài nguyên khác

Hà Quảng là huyện nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Cao Bằng, có nhiều di tích lịch sử cách mạng như: Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó, Khu di tích lịch sử Kim Đồng, điểm di tích Hang Phia Nội, di tích Lũng Loong... Những năm gần đây, bên cạnh việc phát huy truyền thống cách mạng, địa phương còn chú trọng, nâng cao ý thức bảo vệ, phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa truyền thống dân tộc trong cộng đồng. Tham gia những chuyến du lịch về nguồn nơi đây, du khách có thể cảm nhận được tình đoàn kết, vẻ đẹp nông hậu của người dân miền non nước hữu tình.

Chia sẻ về giải pháp bảo tồn bản sắc văn hóa và phát huy tiềm năng phát triển du lịch, huyện Hà Quảng đã quy hoạch các vùng, điểm du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong đó, lợi thế Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó, địa chỉ đỏ giáo dục truyền thống cách mạng và các điểm đến hấp dẫn trong Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, điểm du lịch sinh thái Bãi Tình, thác Nặm Ngùa... là những điểm nhấn quan trọng. Theo đó, trọng điểm sẽ tập trung đầu tư, tôn tạo các khu, điểm du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, cộng với truyền thống thân thiện, mến khách của người dân tạo ra ấn tượng khó quên của du khách khi đến với Hà Quảng. Ngoài ra, để du lịch từng bước phát triển bền vững, nâng cao thu nhập của người dân thì kế hoạch cụ thể khâu thương mại, dịch vụ cũng được quan tâm sâu sát hơn.

Nhiều làng nghề truyền thống của huyện Hà Quảng đang hoạt động sản xuất ổn định, hiệu quả. Trong số đó phải kể đến những điển hình như: làng Dệt thổ cẩm Luống Nội, làng khâu sli Nà Giàng, làng làm hương Nà Mạ, làng giấy dó Nà Kéo... có thể phát triển du lịch trải nghiệm làng nghề, xuất khẩu sản phẩm, giúp người dân có nguồn thu nhập ổn định, tinh thần phấn khởi, hăng say lao động. Nắm bắt tiềm năng này, huyện Hà Quảng đang tập trung xúc tiến, triển khai xây dựng các khu homestay, phát triển du lịch cộng đồng tại hai xóm Nà Mạ và Nà Kéo của xã Trường Hà.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

a) Phân tích hiện trạng môi trường

Hà Quảng là một huyện miền núi vùng cao, địa hình bị chia cắt cùng với thảm thực vật phong phú. Hà Quảng là huyện nghèo, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Môi trường sinh thái nói chung còn tương đối trong lành. Các loại chất thải tại thị trấn và các nơi tập trung đông dân cư hàng ngày được thu gom, xử lý, công tác vệ sinh môi trường được thực hiện khá tốt. Nguồn tài nguyên đất bị xói mòn, rửa trôi, việc sử dụng phân bón và hoá chất bảo vệ thực vật chưa đúng theo quy trình cũng đã ảnh hưởng đến chất lượng đất đai.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội thì vấn đề bảo vệ môi trường, cải tạo đất, nguồn nước và bảo vệ sự đa dạng sinh học là hết sức cần thiết. Việc áp dụng các mô hình canh tác trên đất dốc nhằm hạn chế xói mòn và rửa trôi đất, việc thâm canh tăng vụ, luân canh, xen canh để tăng hệ số sử dụng đất cần được áp dụng rộng rãi. Bố trí cây trồng hợp lý, khai thác có hiệu quả quỹ đất, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh việc trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Đối với các khu dân cư, khu đô thị cần có giải pháp để nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh chung, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp.

b) Hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất

Cao Bằng là một tỉnh thuộc vùng miền núi và trung du Bắc Bộ, nằm sâu trong lục địa, có địa hình phức tạp với độ cao trung bình so với mặt nước biển trên 300m. Do vậy tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất trên địa bàn tỉnh chủ yếu là ảnh hưởng sự biến đổi của thời tiết. Biến đổi khí hậu của Cao Bằng có mối liên hệ chặt chẽ tới biến đổi khí hậu của Việt Nam, trong đó có thể nêu ra hai nhóm hiện tượng biến đổi thời tiết tiêu cực quan trọng nhất đó là bão, lũ lụt và hạn hán kéo dài.

Hà Quảng là một huyện miền núi cao, do đó ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là khó tránh khỏi, tác động xấu đến việc sử dụng đất của nhân dân trên toàn huyện. Hiện tượng thời tiết bất thường, trên địa bàn thường xảy ra mưa lũ, gây thiệt hại về kinh tế - xã hội rất lớn, đồng thời gây thiệt hại về tài nguyên đất nghiêm trọng, mưa lũ, lũ quét làm phá huỷ các công trình, vùi lấp hàng trăm hecta đất canh tác tại các vùng lũ quét tràn qua.

Trong vòng 5 năm trở lại đây, thiên tai diễn biến phức tạp và gây thiệt hại ngày càng lớn. Theo thống kê của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Hà Quảng, ảnh hưởng của thiên tai gây thiệt hại chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp, đường giao thông và hư hỏng nhà cửa của nhân dân.

1.4. Đánh giá chung

a. Những thuận lợi: Huyện có diện tích tự nhiên tương đối lớn 81.117,52 ha, đất đai phù hợp với nhiều loại cây trồng. Được thiên nhiên ưu đãi về điều kiện khí hậu, thực vật, vật nuôi đa dạng sinh trưởng và phát triển nhanh, thuận lợi cho phát triển nông lâm kết hợp, hình thành các vùng cây trồng tập trung

như: Mía, cây ăn quả, rừng nguyên liệu, dược liệu... Cung cấp nguyên liệu cho chế biến hàng hoá, thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng Công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

- Có nguồn tài nguyên khoáng sản là cơ sở cho phát triển các ngành công nghiệp và khai thác.

- Điều kiện khí hậu, địa hình, đất đai huyện đa dạng cho phép có thể phát triển một nền nông nghiệp đa dạng từ các cây trồng nước đến cây trồng cạn ngắn ngày, cây lâu năm. Từ các cây trồng, vật nuôi nhiệt đới đến cây trồng, vật nuôi Á nhiệt đới và ôn đới. Chế độ nhiệt đảm bảo đủ điều kiện để gieo trồng 2-3 vụ cây trồng cạn trong năm.

- Quỹ đất chưa sử dụng của huyện chỉ còn 2.464,83 ha, song tiềm năng về tăng vụ và tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai của huyện còn nhiều. Trong những năm tới có thể khai thác tiềm năng này để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở ngoài việc khai thác khoảng hơn 500 ha đất đồi chưa sử dụng vào trồng rừng và các loại cây có lợi thế so sánh trong sản xuất hàng hoá (cây chè, cây ăn quả,...), thực hiện tăng vụ trên đất cây hàng năm đưa một số cây rau, đậu, cây công nghiệp có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để tăng giá trị sản xuất trên một ha đất canh tác.

c. Những khó khăn, hạn chế: Hà Quảng là huyện miền núi, địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, diện tích dốc trên 25° chiếm 55% diện tích của huyện. Đây là một hạn chế đối với giao lưu hàng hoá và bảo vệ đất, một khi không có các giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái phù hợp dẫn đến gây khó khăn cho phát triển sản xuất trên địa bàn huyện.

- Do ảnh hưởng của mưa bão đã tạo ra úng ngập, lũ quét, sạt lở, xói mòn đất trong mùa mưa và gây ra cạn kiệt nước khô hạn trong mùa khô, đã làm cho sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn.

- Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng nhỏ, nằm rải rác không thuận lợi cho việc đầu tư khai thác và chế biến quy mô lớn.

Nhìn chung, bên cạnh những thuận lợi huyện Hà Quảng cũng còn có nhiều khó khăn và hạn chế. Đó là thách thức to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung và tới việc sử dụng đất nói riêng.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cụ thể, quyết liệt của Huyện Ủy, HĐND, UBND huyện, sự phối hợp chặt chẽ của UBMT TQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các xã, thị trấn và các tầng lớp nhân dân nên tình hình kinh tế - xã hội của huyện đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Kinh tế ổn định và có bước tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng

hướng, nhiều chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, Quốc phòng – an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống của người dân cơ bản ổn định và từng bước cải thiện.

Căn cứ nguồn số liệu phát triển kinh tế xã hội được đánh giá tại Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024. Kết quả một số chỉ tiêu kinh tế xã hội của huyện 6 tháng đầu năm 2024 đạt được như sau:

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: Đạt 21.276 tấn/33.987 tấn, bằng 62,6% so kế hoạch.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp/ha: Theo KH đặt ra là 42,8 triệu đồng. Trong đó: Vùng thấp 64,8 triệu đồng và Vùng cao 28,4 triệu đồng.

- Giá trị thu nhập bình quân đầu người/năm: Theo KH đặt ra 27,5 triệu đồng.

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện: 19.345 triệu đồng/19.330 triệu đồng. Đạt 100,08% so kế hoạch.

- Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều: Theo KH đặt ra 6,00%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em SDD dưới 5 tuổi: Theo KH đặt ra thể thấp còi 0,10% và thể nhẹ cân 0,10%.

- Xây dựng các danh hiệu và thiết chế văn hóa:

- + Danh hiệu gia đình văn hóa: Theo KH đặt ra 85,00%;

- + Danh hiệu làng văn hóa: Theo KH đặt ra 60,00%;

- + Danh hiệu cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa: Theo KH đặt ra 95,00%;

- + Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây mới nhà văn hoá xóm: Theo KH đặt ra 10 nhà văn hoá.

- Duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, xoá mù chữ mức độ 2. Phân đầu trường chuẩn Quốc gia: 01 trường.

- Giữ vững các xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế là 21/21 xã, thị trấn.

- Tỷ lệ che phủ rừng: 52,47%/52,00% đạt 100,9% so với KH.

(Nguồn số liệu: Báo cáo số 2022/BC-UBND ngày 28/06/2024 của UBND huyện Hà Quảng về Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024).

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết để chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân 2023-2024, chủ động các phương án phòng, chống thiên tai, nhất là rét đậm, rét

hại, sương muối, mưa đá, phòng chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đặc biệt là Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục ở bò để hạn chế thiệt hại; tăng cường công tác quản lý chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản; bảo đảm nguồn cung các mặt hàng lương thực, thực phẩm để ổn định giá, nhất là gạo, thịt lợn và các mặt hàng nông sản, thực phẩm thiết yếu trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2024.

a) Trồng trọt: Chỉ đạo các địa phương tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế của các vùng, địa phương, nhu cầu thị trường và điều kiện biến đổi khí hậu, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng cây trồng, đẩy mạnh cơ giới hóa để giảm chi phí, nâng cao thu nhập, tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, gắn với bao tiêu sản phẩm, tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng vụ Đông xuân năm 2023 - 2024 thực hiện được 7.539,49/7.483ha, đạt 101,49% kế hoạch. Chỉ đạo làm tốt công tác chuẩn bị, triển khai kế hoạch sản xuất vụ hè thu đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Chỉ đạo thực hiện cung ứng giống, vật tư nông nghiệp cho Nhân dân kịp thời vụ, đảm bảo chất lượng, kết quả: Cung ứng được 7,385 kg giống và 463,1 tấn phân bón thuốc lá; 16.736,3kg giống ngô, lúa các loại (trong đó: Giống lúa cung ứng được 7.319 kg, giống ngô cung ứng được 9.417,3 kg).

Kết quả thực hiện đạt được: Cây thuốc lá diện tích trồng được 1.123,15ha/1.100ha, đạt 102,1% kế hoạch, năng suất đạt 28,55/28,04 tạ/ha, đạt 101,8% kế hoạch, sản lượng đạt 3.206,69/3.084,1 tấn, đạt 103,98% kế hoạch. Cây Lạc trồng được 115,66/150 ha đạt 77,11% kế hoạch, năng suất ước đạt 10,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 121,3/158 tấn đạt 76,77% kế hoạch. Cây Ngô trồng được 5.809,1/5.615 ha, đạt 103,5% kế hoạch, năng suất ước đạt 34,91 tạ/ha, sản lượng ước đạt 20.279,1/19.778,9 tấn, đạt 102,5% kế hoạch, “trong đó Ngô ruộng trồng được 392,3/369 ha, đạt 106,3% kế hoạch, năng suất ước đạt 49 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1.922,3/1.800 tấn đạt 106,8 % kế hoạch và Ngô rẫy trồng được 5.416,8/5.246ha, đạt 103,26% kế hoạch, năng suất ước đạt 34 tạ/ha, sản lượng ước đạt 18.356,8/17.978,9 tấn đạt 102,1% kế hoạch”. Cây lúa xuân cấy được 198,2/235 ha, đạt 84,3% kế hoạch, năng suất ước đạt 50,3tạ/ha, sản lượng ước đạt 996,9/1.182,1 tấn, đạt 84,33 % kế hoạch. Cây đỗ tương trồng được 150,1/187 ha, đạt 80,3% kế hoạch, năng suất ước đạt 11,4 tạ/ha, sản lượng ước đạt 171,1/213,6 tấn đạt 80,11% kế hoạch. Cây Gừng trâu diện tích trồng được 183,29/180ha, đạt 101,83% kế hoạch. Cây mía trồng được 15,1/16ha, đạt 94,4% kế hoạch.

b) Chăn nuôi: Trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình chăn nuôi phát triển ổn định, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của thị trường, giá thịt lợn hơi có xu hướng gia tăng là nguồn thúc đẩy cho người chăn nuôi; các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ giống trâu, bò, lợn nái sinh sản cho người dân đã

đi vào ổn định và góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành chăn nuôi; số liệu đàn vật nuôi cụ thể như sau: Đàn trâu 12.597/12.188 con, đạt 103,4% kế hoạch, xuất bán 509 con, trị giá 11.707 triệu đồng; đàn bò 19.268/19.966 con, đạt 96,5% kế hoạch, xuất bán 1.369 con, trị giá 27.380 triệu đồng; đàn lợn 56.287/54.694 con, đạt 102,9% kế hoạch, xuất bán 25.152 con, trị giá 113.184 triệu đồng; đàn gia cầm 446.747/436.240 con đạt 102,4% kế hoạch.

Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; vận động nhân dân tăng cường công tác phòng chống đói rét cho đàn vật nuôi. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2024, do tình hình dịch bệnh và rét đậm, rét hại, tổng đàn gia súc bị chết 158 con. Công tác kiểm soát giết mổ thực hiện được 4.737 con lợn, 48 con trâu, bò. Triển khai thực hiện kế hoạch tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm theo kế hoạch năm 2024. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện công tác di dời chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm thiểu gia súc chết do dịch bệnh và thời tiết rét đậm, rét hại, trong 6 tháng đầu năm 2024, thực hiện được 24/275 hộ, đạt 8,73% kế hoạch, kết quả thực hiện đạt thấp so với chỉ tiêu giao do đầu năm các hộ gia đình tập trung vào sản xuất vụ đông xuân 2023-2024, một số hộ thiếu lao động, điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thiếu mặt bằng.

Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 02/02/2024 của UBND huyện Hà Quảng về việc tổ chức Hội thi Bò đẹp và chọi bò huyện Hà Quảng trong chuỗi các sự kiện Lễ hội về nguồn Pác Bó năm 2024, kết quả: Khen thưởng Bò chọi vòng chung kết Hội thi Bò đẹp và Bò chọi năm 2024 (02 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba, 02 giải tư, 24 giải khuyến khích, 01 giải phụ (cặp bò chọi có nhiều miếng đánh đẹp và chọi lâu nhất)); Khen thưởng Bò đẹp vòng chung kết Hội thi Bò đẹp và Bò chọi năm 2024 (Bò đực: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba, 07 giải khuyến khích; Bò mẹ + bê con: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba, 07 giải khuyến khích).

d) *Lâm nghiệp*: Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng, quản lý, bảo vệ rừng, chăm sóc rừng trồng; đấu tranh, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm Luật lâm nghiệp. Trong 6 tháng đầu năm 2024, xảy ra 10 vụ vi phạm Luật lâm nghiệp; thực hiện trồng rừng mới tập trung được 231,7 ha (trong đó trồng rừng sản xuất được 231,2 ha, trồng rừng phòng hộ được 0,5 ha, trồng lại rừng saukhai thác được 1,5 ha); khai thác gỗ được 76,499 m³ (trong đó: khai thác rừng phòng hộ tại xã Lũng Nặm, diện tích khai thác (tỉa thưa) 0,6 ha với khối lượng 26,58 m³; khai thác rừng trồng sản xuất tại xã Tổng Cọt, diện tích khai thác 0,56 ha, khối lượng 26,1 m³, khai thác cây trồng phân tán tại xã Lũng Nặm, Hồng Sỹ với khối lượng 23,819 m³).

Ban hành Kế hoạch số 253/KH-UBND, ngày 25/01/2024 về việc Ra quân “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” Xuân Giáp Thìn năm 2024; Phát huy truyền thống tốt đẹp của nhân dân huyện Hà Quảng về việc thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “Mùa Xuân là tết trồng cây, làm cho đất nước càng ngày càng xuân”, nhằm tạo không khí thi đua sôi nổi, phấn khởi, vui tươi trong toàn huyện vào những ngày đầu xuân Giáp Thìn năm 2024. Kết quả: Toàn huyện trồng được 11.531 cây (trong đó: Cấp huyện trồng được 900 cây Hoa anh đào nhật Bản tại Vườn hoa Thanh niên khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó (đỉnh dốc Km0 đường Hồ Chí Minh); các xã, thị trấn trồng được 400 cây Keo; 1.292 cây Lát; 400 Cây Thông; 40 cây Xoan ta; 3.900 cây Bạch Đàn và 4.599 cây ăn quả các loại).

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp

Chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, huy động mọi nguồn lực để thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh; các đơn vị kinh doanh duy trì hoạt động, đảm bảo nguồn cung hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến. Tình hình hoạt động của các chợ trên địa bàn huyện các mặt hàng tiêu dùng vẫn phong phú và đa dạng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Tình hình sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (SXCN-TTCN) ước đạt 22.229/34.446 đồng, đạt 64,5% kế hoạch, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2023 (các sản phẩm CN-TTCN chủ yếu là khai thác đá, sản xuất gạch xi măng, chế biến thực phẩm - đồ uống, sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản xuất giấy bản, hương...).

2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Chỉ đạo phòng chuyên môn chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi sát diễn biến thị trường hàng hóa và triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường, kích cầu tiêu dùng; chủ động có phương án chuẩn bị nguồn cung các mặt hàng thiết yếu, các mặt hàng có nhu cầu tiêu dùng tăng cao, đảm bảo chất lượng, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của người dân, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống Nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2024, cấp được 11 giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực ngành công thương; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Sóc Giang 3.926.815 USD, đạt 33,85% kế hoạch năm 2024.

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

2.3.1. Dân số

Năm 2023, dân số toàn huyện là 61.029 người, cư trú tại 21 xã, thị trấn. Trong đó: dân số nam là 30.679 người, dân số nữ: 30.350 người, mật độ dân số trung bình 74,47 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,02 %. Trên địa bàn

huyện có nhiều dân tộc như: Tày, Nùng, Mông, Kinh, Dao và các dân tộc anh em khác. (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2023 huyện Hà Quảng).

2.3.2. Lao động, việc làm và thu nhập

Công tác Lao động - Việc làm: Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động việc làm trên địa bàn huyện; triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu thực thi các cam kết quốc tế về lao động giai đoạn 2023 - 2030” và triển khai kế hoạch tuyển dụng lao động đi học nghề và bố trí việc làm tại công ty trong nước và nước ngoài năm 2024. Tỷ lệ lao động qua đào tạo theo kế hoạch đặt ra tăng 1,2% trở nên. Thu nhập bình quân đầu người: Theo KH đặt ra 27,5 triệu đồng/người/năm.

2.3.3. Tập quán có liên quan đến sử dụng đất

Huyện Hà Quảng là huyện miền núi, vùng cao, biên giới, nằm về phía Tây Bắc của tỉnh Cao Bằng, đời sống của đại bộ phận dân cư vẫn là sản xuất nông lâm nghiệp là chính.

- Về sản xuất nông nghiệp trong những năm qua đã có nhiều thay đổi, việc đầu tư cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp. Địa hình của huyện tương đối phức tạp, có nhiều đồi núi xen kẽ với các thung lũng hình lòng máng phù hợp với nhiều loài cây ăn quả, cây công nghiệp và cây lương thực nên việc sản xuất của nhân dân vẫn chủ yếu là sức người.

- Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào trong công tác trồng trọt, chăn nuôi được đẩy mạnh nhưng vẫn gặp phải những khó khăn nhất định là do trình độ dân trí của nhân dân các dân tộc không được đồng đều nên hiệu quả trong sản xuất có sự khác nhau.

- Do hệ thống giao thông không thuận lợi nên sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp gặp bất lợi trong cạnh tranh với những sản phẩm cùng loại với các vùng ở gần khu trung tâm, gần các đô thị lớn.

- Tập quán sinh hoạt và sản xuất và đời sống văn hóa của nhân dân vẫn mang những đặc trưng riêng, theo thời gian nên được hướng dẫn để thay đổi áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào trong lao động sản xuất và đời sống sinh hoạt.

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị

Hiện nay, huyện có 02 thị trấn: Thị trấn Xuân Hoà, thị trấn Thông Nông. Trong đó:

- Thị trấn Xuân Hoà là trung tâm chính trị của huyện, đồng thời là trung tâm mua bán, giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện.

- Thị trấn Thông Nông là thị trấn đang trong quá trình xây dựng và phát triển. Cùng với sự quan tâm của Chính phủ và tỉnh Cao Bằng xây dựng khu kinh tế và du lịch, trong tương lai sẽ hình thành một thị trấn sầm uất với các ngành dịch vụ thương mại, du lịch...

Trong những năm gần đây, kinh tế - xã hội của các thị trấn đã có những bước phát triển tiến bộ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng đồng bộ, bước đầu đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển, sản xuất, dân sinh, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống rõ rệt; đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên, hệ thống giáo dục, y tế được đầu tư xây dựng, từng bước đáp ứng nhu cầu của nhân dân; tốc độ đô thị hóa trên địa bàn ngày một tăng...góp phần thay đổi đáng kể diện mạo, quy hoạch xây dựng kiến trúc, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư. Huyện đã triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thông Nông (cũ), huyện Hà Quảng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Phối hợp hoàn thành lập Chương trình phát triển đô thị Xuân Hoà, đô thị Thông Nông đến năm 2030. Quy hoạch chung xây dựng 2 thị trấn Xuân Hòa và thị trấn Thông Nông đã được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt tại: Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2019-2030, tỷ lệ 1/2000; Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/2000.

Trong thời gian tới, huyện sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội như đường, trường, trạm và các công trình phúc lợi xã hội để xây dựng khu trung tâm huyện lỵ xứng tầm vị thế, đồng thời cũng tạo cho huyện có nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, nâng cao hơn nữa đời sống nhân dân trên địa bàn.

2.4.2. Thực trạng phát triển nông thôn

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, đời sống nhân dân khu vực nông thôn được cải thiện, diện mạo nông thôn nhất là cơ sở hạ tầng có nhiều đổi mới. Xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch đề ra trong năm 2024: Mỗi xã đạt thêm từ 01 tiêu chí trở nên và xã Trường Hà, xã Quý Quân đạt từ 02 tiêu chí trở lên. Các xã còn lại vẫn đang trong quá trình thực hiện theo 19 tiêu chí NTM. Năm 2023 trên địa bàn huyện Hà Quảng đã tổ chức triển khai lập quy hoạch chung xây dựng 19 xã và đã được UBND huyện phê duyệt.

Các khu dân cư nông thôn thường được hình thành và phát triển một cách tự phát, ổn định qua nhiều thế hệ. Tập quán cư trú và phân bố rải rác với quy mô nhỏ tạo thành các quần cư làng, bản gần nguồn nước, dọc các thung lũng, ven các sườn đồi kín gió có thể khai thác đất để trồng trọt, chăn nuôi.

Một số điểm dân cư của người Kinh, Tày, Nùng quy mô khá nằm gần các đầu mối giao thông, gần chợ...

Do đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện được tập trung thành các làng xóm, các trung tâm kinh tế, văn hoá của các xã, do đặc điểm kinh tế thị trường cho nên xu thế phát triển của các khu dân cư vươn ra sát các trục đường giao thông chính thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa và đi lại của nhân dân.

2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng của huyện Hà Quảng trong những năm qua có sự thay đổi đáng kể, hệ thống giao, thủy lợi, điện, đường, trường, trạm ... được mở rộng, nâng cấp và cả xây mới khang trang. Cụ thể như sau:

2.5.1. Giao thông

Toàn huyện có 21/21 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm các xã. Cụ thể thực trạng hệ thống giao thông như sau:

- Đường Hồ Chí Minh (tỉnh lộ 203 cũ) với tổng chiều dài là 30,00 km, hiện trạng là đường cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, gồm hai tuyến:

- Nhánh chính: Từ Pác Bó (xã Trường Hà) đến xóm Khau Mất (xã Ngọc Đào): chiều dài 23,00 km.

- Nhánh phụ: Từ Đôn Chương (Thị trấn Xuân Hòa) đến cửa khẩu Sóc Giang (xã Sóc Hà): chiều dài 7,0 km.

- Quốc lộ 4A gồm: (tỉnh lộ 210 cũ) Từ Đôn Chương (Thị trấn Xuân Hòa – huyện Hà Quảng) đến xóm Bó Hoạt (xã Quang Hán – huyện Trùng Khánh) với tổng chiều dài là 30,5 km, hiện trạng là đường cấp V miền núi, kết cấu mặt đường nhựa và (Đường tỉnh 201 cũ): đoạn qua địa phận huyện Hà Quảng dài 7 km từ Sóc Giang - Lũng Pươi, hiện trạng đạt tiêu chuẩn đường cấp V MN, kết cấu mặt đường nhựa.

- Đường tỉnh 204: từ Mỏ Sắt - đèo Mã Quynh - Thị trấn Thông Nông - cửa khẩu Càn Yên, dài 41 km, cấp V miền núi, đã trải nhựa toàn bộ, đã có những phát sinh hư hỏng và rạn nứt nhỏ.

- Đường tỉnh 214 từ xã Ngọc Đào đến xã Mã Ba dài 10,5km.

- Đường tỉnh 215 từ Thông Nông đến Hồng An dài 25,0 km.

- Đường tỉnh 216 từ Thông Nông đến Bình Lãng dài 20,0 km.

Tại Quyết định số 1691/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Bộ Giao thông - Vận tải thì đường tỉnh 210 và đường tỉnh 201 đoạn qua huyện Hà Quảng được chuyển thành Quốc lộ 4A.

- Đường huyện: Tất cả các tuyến đường huyện đã được bê tông xi măng và trải nhựa.

- Đường giao thông nông thôn: Hệ thống đường giao thông nông thôn

21/21 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã. Mùa khô xe ô tô có thể đến nhiều bản làng kể cả bản làng người Mông nhưng so với yêu cầu vẫn còn cần đầu tư phát triển mạnh trong giai đoạn quy hoạch.

Nhìn chung, mạng lưới giao thông của Hà Quảng trong thời gian gần đây đã được tăng cường đầu tư, công tác duy tu bảo dưỡng được thực hiện tốt và thường xuyên góp phần bảo vệ kết cấu đường, đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả các công trình đường giao thông nông thôn sau đầu tư, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của người dân.

2.5.2. Thủy lợi

Các công trình thủy lợi đã góp phần đáng kể trong việc khai hoang mở rộng diện tích, thâm canh tăng vụ và tăng năng suất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đồng thời góp phần giải quyết nước sinh hoạt cho một bộ phận đồng bào vùng thiếu nước. Trong năm 2023 toàn huyện đã làm mới được nhiều công trình thủy lợi, cùng với các công trình cấp nước sạch.

Các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện hiện có:

- Hệ thống thủy lợi của 7 xã vùng thấp: Hiện có 4 trạm bơm điện, 20 đập nước và có các tuyến mương được xây dựng kiên cố hóa chủ động phục vụ nước tưới cho diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Hệ thống thủy lợi của 12 xã vùng cao và các xóm vùng cao thuộc các xã vùng thấp: Nước phục vụ sản xuất gần như phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa. Tuy đã được đầu tư xây dựng một số bể nước, hồ chứa nước rải địa, người dân tự mua, xây dựng các bể chứa nước mưa để phục vụ đời sống, nhưng tình trạng thiếu nước vẫn còn xảy ra.

2.5.3. Hệ thống điện

Hiện tại huyện được cấp nguồn từ lộ 372E16 và nhánh rẽ thuộc lộ 373F2 từ huyện Trùng Khánh tới. Huyện có tới 8/21 xã biên giới (là huyện có số xã biên giới nhiều nhất) song các xã này đều đã được cấp điện lưới quốc gia. Tỷ lệ hộ có điện của huyện đạt khá cao với 76,98%, số xã có điện đạt 21/21 xã. Mạng lưới điện quốc gia được bố trí dọc theo các trục lộ chính và các khu dân cư trọng điểm. Những năm qua một số trạm biến áp đã được xây dựng tuy nhiên hầu hết lưới điện không đạt tiêu chuẩn (chấp nối, một pha) nên khả năng cấp điện đến các hộ gia đình nhất là điện cho sản xuất rất hạn chế ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của nhân dân. Trong những năm tới Đảng bộ, chính quyền huyện và ngành điện cần quan tâm hơn nữa phấn đấu xây dựng hệ thống điện hoàn thiện hơn, đưa được điện đến tận những xã vùng sâu, vùng xa để phục vụ đời sống đồng bào.

2.5.4. Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt

Hiện nay nguồn nước sinh hoạt của bà con đồng bào các dân tộc huyện Hà Quảng tập trung nhờ vào các chương trình hỗ trợ bể nước hộ gia đình, dự án

HPM (sau là dự án DPPR) mỗi hộ đều có 1 đến 3 bể từ 4 - 6 m³ (có hộ đã xây bể từ 10 - 20 m³ để chứa nước sinh hoạt). Đến nay nhiều hình thức đầu tư cho các hộ như chương trình 134, chương trình của dự án phân cấp giảm nghèo, chương trình 135 giai đoạn II và đặc biệt là chương trình hồ treo. Một số công trình được xây dựng ở các trung tâm xã, đồn biên phòng. Ở các bản vùng cao, vùng giáp biên giới, vùng núi đá được hỗ trợ xây dựng bể chứa nước mưa cho các hộ gia đình bằng nguồn vốn của các dự án ĐCĐC, Chương trình 120 ..., các nguồn vốn tài trợ bởi các tổ chức trong và ngoài nước đã phần nào đáp ứng được nhu cầu cho sinh hoạt của nhân dân. Nước sinh hoạt vùng cao 6 tháng đầu năm 2024 đạt 48,5 lít/người/ngày, đạt 98% so với kế hoạch “48,5/49,5 lít/người/ngày).

2.5.5. Hệ thống bưu điện, truyền thanh, truyền hình

Mạng lưới bưu chính viễn thông của huyện được đầu tư ngày càng hiện đại và đồng bộ đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, vận chuyển thư báo nhanh chóng, kịp thời, an toàn, bí mật. Mở rộng diện phục vụ, các bưu cục được mở rộng, tăng cường nâng cao hoạt động các dịch vụ mới, như tiết kiệm bưu điện, chuyển tiền nhanh ... Thường xuyên mở cửa thư viện và phòng máy tính để phục vụ nhu cầu của nhân dân.

Mạng điện thoại cố định, phủ sóng di động đã có ở 21/21 xã, thị trấn đã góp phần quan trọng trong việc mở rộng diện phục vụ cũng như nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Hệ thống điện thoại di động Viettel đã phủ sóng trên toàn bộ vùng biên, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng. Trong công tác quản lý và hoạt động của các cơ quan chuyên môn bước đầu có sự ứng dụng tích cực các thành tựu công nghệ thông tin trong hoạt động. Mạng Internet được chú trọng phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và nâng cao dân trí.

Nhìn chung, hệ thống truyền thanh, truyền hình của huyện đã được quan tâm chú ý, tuy nhiên hiện nay toàn huyện mới có 10 trạm thu phát lại truyền thanh, truyền hình 1 trạm ở trung tâm Thị trấn Xuân Hoà và 9 trạm cơ sở. Các Trạm truyền thanh, truyền hình trên địa bàn huyện phát sóng đủ thời lượng 03 buổi/ngày và giờ quy định. Đưa tin kịp thời các tin tức về kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương. Thời lượng tiếp và phát sóng truyền hình: Đài truyền hình huyện là: 3.789 giờ. Thời lượng tiếp và phát sóng phát thanh: Đài phát thanh huyện là: 1.800 giờ. Trạm trung tâm Thị trấn duy trì đúng thời lượng phát sóng cùng lúc 2 kênh, ngoài ra do điều kiện đời sống kinh tế của nhân dân được nâng lên và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, đa số nhân dân tự lắp đặt chảo thu phát tại gia đình, do vậy đã nâng tỷ lệ hộ gia đình được xem truyền hình lên 97%.

Trong những năm qua công tác ứng dụng tin học tại các phòng chuyên môn và UBND các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Hà Quảng đã đạt được một số kết quả tích cực, hình thành nên một môi trường tin học bước đầu phục vụ có

hiệu quả công tác cải cách hành chính. 100% các phòng chức năng, xã, thị trấn được trang bị các thiết bị tin học máy tính, máy in. Tuy nhiên, phần lớn hệ thống trang thiết bị tin học tại các phòng chuyên môn và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hà Quảng đã được trang bị từ lâu và thiếu đồng bộ nên gặp nhiều hạn chế trong quá trình vận hành và phát triển hệ thống. Nhiều phần mềm ứng dụng được đưa vào triển khai như phần mềm kế toán, phần mềm quản lý đối tượng chính sách, phần mềm quản lý học sinh...

Văn phòng HĐND và UBND huyện phối hợp với Trung tâm viễn thông huyện tổ chức, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn về sử dụng phần mềm xử lý văn bản VNPT- ioffice; triển khai lắp đặt, bàn giao máy quét văn bản cho UBND các xã, thị trấn; triển khai nhận tin nhắn miễn phí để thực hiện truyền thông tại các xã, thị trấn và ban hành quy chế quản lý, sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT- ioffice trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, việc thực hiện phần mềm xử lý văn bản VNPT- ioffice tại các cơ quan, phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu trao đổi, luân chuyển văn bản điện tử trong môi trường mạng.

2.5.6. Giáo dục - đào tạo

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm, chỉ đạo; công tác rà soát, quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp, học sinh, giáo viên được triển khai thực hiện; chất lượng giáo dục năm học 2022-2023 cơ bản đạt kế hoạch đề ra; tổ chức chọn cử giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh cấp tiểu học năm học 2023 - 2024, kết quả đạt 45/51 giáo viên.

Tổ chức Hội khỏe Phù Đồng huyện Hà Quảng lần thứ XI năm 2024 và thành lập đoàn tham gia Hội Khỏe Phù Đồng tỉnh Cao Bằng lần thứ XI năm 2024. Tổ chức Cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường và lao động trẻ em” năm 2024 cấp huyện đạt 10 giải, tham dự cấp tỉnh đạt 02 giải. Tổ chức Hội thi “Giai điệu tuổi hồng” cấp huyện với 42 tiết mục dự thi đến từ 42 đơn vị. Tiếp nhận và cấp phát gạo cho học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ học kỳ II năm học 2023 – 2024; thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định. Chỉ đạo tổng kết năm học 2023-2024; công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2024-2025 theo kế hoạch.

2.5.7. Y tế

Công tác khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; công tác truyền thông về chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình được quan tâm triển khai

thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm 2024, có 29.934 lượt bệnh nhân đến khám tại Trung tâm Y tế và Bệnh viện đa khoa huyện (3.829 lượt bệnh nhân điều trị nội trú, 2.877 lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú, có 1.337 lượt bệnh nhân chuyển tuyến điều trị); có 416 trẻ em được sinh ra (trong đó có 233 bé trai, 183 bé gái); có 74 trường hợp sinh con thứ 3 trở lên, không có trường hợp là đảng viên.

Ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu và sử dụng thực phẩm; tăng cường kiểm soát, xử lý việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, kém chất lượng, phòng chống ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2024, tổ chức kiểm tra được 168 cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm, kết quả: 100% cơ sở được kiểm tra đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo cung ứng, phục vụ nhân dân.

2.5.8. Văn hoá thông tin, thể thao

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; bưu chính viễn thông; internet; công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn huyện kịp thời, đúng quy định; tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch nhân dịp xuân Giáp Thìn 2024 đảm bảo an toàn, thiết thực, hiệu quả; phối hợp với Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng tổ chức thành công lễ hội về nguồn Pác Bó năm 2024; phối hợp với Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Tỉnh Đoàn thanh niên tổ chức giải Việt dã toàn tỉnh lần thứ 62 năm 2024 với chủ đề “Về nguồn Pác Bó”. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ, các sự kiện chính trị của đất nước và địa phương; tổ chức thành công Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân huyện Hà Quảng năm 2024, với hơn 700 người tham gia và tiến hành chạy trên trục đường Hồ Chí Minh với cự ly 1000m; xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu các giải thể thao năm 2024 vui tươi, an toàn, tiết kiệm.

Ban hành Kế hoạch, triển khai thực hiện Nghị quyết 03-NQ/HU, ngày 23/4/2021 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hà Quảng (khóa XX) về phát triển dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện Hà Quảng năm 2024. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành khảo sát, gặp gỡ người dân tại các địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch tiêu biểu trong tháng 4 năm 2024 tổ chức khảo sát được 4 cuộc tại: Bãi tình, xã Thanh Long; xóm Pác Bó, Bản Hoàng, Bản Hoong xã Trường Hà; xóm Lũng Luông, xã Lũng Nặm; Xóm Bản Gải, xã Cần Yên. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá hình ảnh huyện Hà Quảng, các điểm di tích lịch sử, văn hóa, các điểm có tiềm năng phát triển du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Fanpage “Hà Quảng News”, 6 tháng đầu năm 2024 biên tập được 69 tin, bài; 16 video clip, phóng sự; tổng số lượt khách du lịch đến tham quan tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó và các điểm du lịch trên địa bàn huyện là 97.340 lượt khách.

2.6. Đánh giá chung

2.6.1. Kết quả đạt được

Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND huyện Hà Quảng đã tổ chức chỉ đạo, điều hành linh hoạt, sáng tạo các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo phù hợp với tình hình của địa phương. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm: Thực hiện tốt chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, Huyện ủy trong việc tổ chức cho nhân dân đón tết vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 và quyết liệt thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện; chỉ đạo triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá của Huyện ủy; chỉ đạo triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; chỉ đạo triển khai thực hiện Công điện số 01/CĐ-TTg ngày 01/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy tinh thần cao nhất, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án, công trình hạ tầng giao thông.

Các hoạt động văn hóa xã hội được triển khai kịp thời; công tác giáo dục và đào tạo được quan tâm, chỉ đạo, tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tổ chức các hoạt động dạy - học theo hướng đổi mới và nâng cao chất lượng; công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được quan tâm thực hiện; công tác đảm bảo an sinh xã hội được triển khai hiệu quả, đặc biệt là tổ chức tốt việc thăm, chúc tết, tặng quà cho các đơn vị lực lượng vũ trang, đối tượng người có công, đối tượng chính sách xã hội, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người lao động nhân dịp tết nguyên đán Giáp Thìn 2024; các chính sách dân tộc được triển khai kịp thời, hiệu quả. Cùng cố tổ chức bộ máy, sắp xếp đội ngũ cán bộ hành chính nhà nước các cấp đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại; giữ vững độc lập, chủ quyền, biên giới quốc gia.

2.6.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của huyện vẫn gặp một số khó khăn như: Diện tích một số loại cây trồng (lúa xuân, đỗ tương, cây mía) chưa đạt kế hoạch đề ra; mưa đá, gió lốc gây thiệt hại về tài sản, hoa màu của Nhân dân ước tính khoảng 9.993.590.000 đồng; tình hình dịch bệnh và rét đậm, rét hại, tổng đàn gia súc bị chết 158 con (*chết do tình hình dịch bệnh 79 con, chết do rét đậm, rét hại 79 con*); tình hình giải ngân các nguồn vốn, công tác di chuyển chuồng trại vẫn còn đạt thấp; công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gặp nhiều khó khăn, nhất là về cơ sở vật chất; tình trạng tảo hôn diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng; công tác giải quyết đơn thư của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế; công tác tuyên truyền,

phổ biến pháp luật đến người dân, nhất là chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được thường xuyên; là huyện sáp nhập và thực hiện sáp nhập nhiều đơn vị hành chính cấp xã nên số lượng cán bộ, công chức cấp xã còn dôi dư nhiều, khó khăn cho công tác sắp xếp, bố trí số lượng biên chế công chức cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Tình hình tai nạn giao thông có chiều hướng gia tăng (*tăng cả 3 tiêu chí: số vụ, số người chết, số người bị thương*); tình hình vi phạm luật lâm nghiệp, tội phạm và hành vi vi phạm về TTXH, tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy, tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường vẫn còn xảy ra; tình hình an ninh trật tự tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

2.6.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm, rét hại, mưa đá, gió lốc ảnh hưởng lớn đến cuộc sống và sản xuất của người dân trong huyện. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa đồng đều, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; là huyện miền núi, giao thông đi lại còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng chưa phát triển, chưa tạo ra sức hút tới các nhà đầu tư đến với huyện; các đơn vị chủ đầu tư vẫn chưa tập trung chú trọng vào khâu thanh toán khối lượng đang có, chưa quyết liệt đẩy mạnh làm thủ tục hồ sơ thanh toán khối lượng, chưa giải quyết sớm và kịp thời tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng; việc huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học theo lộ trình đạt chuẩn còn hạn chế so với nhu cầu và chưa đồng bộ, hiện đại nên ảnh hưởng đến công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống hiệu quả đạt được chưa cao; ý thức pháp luật trong việc bảo vệ, phát triển rừng và tiếp cận phương tiện truyền thông của người dân còn hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cơ sở còn bị động, thiếu kiên quyết, chưa đồng bộ. Công tác tham mưu, phối hợp của một số cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chưa thường xuyên; việc kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở đôi khi chưa được thường xuyên, liên tục.

2.7. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất; phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.7.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Kinh tế xã hội của huyện trong năm chưa phát triển tương xứng với tiềm năng đất đai và lợi thế về vị trí của huyện có Cửa khẩu Sóc Giang, trong đó:

- Lĩnh vực nông nghiệp chưa được đầu tư cả về kinh phí cũng như ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất trong đó kiến thức của người dân đóng vai trò chủ đạo trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh và kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa.

- Về lĩnh vực công nghiệp chưa thu hút được các nhà đầu tư, doanh nghiệp để đầu tư phát triển, xây dựng các nhà máy, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, cũng như phát triển cụm công nghiệp, khai thác các quỹ đất sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn 02 thị trấn cũng như khai thác lợi thế của huyện có cửa khẩu Sóc Giang.

- Về lĩnh vực thương mại, dịch vụ do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, dịch bệnh Covid 19 đã làm cho hoạt động thông thương quốc tế của Cửa khẩu Sóc Giang bị ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc bị chậm lại.

2.7.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan đến việc sử dụng đất

Do tốc độ tăng trưởng phát triển kinh tế của huyện còn ở mức khiêm tốn; Việc thu hút đầu tư cho phát triển các lĩnh vực nông nghiệp; công nghiệp và thương mại, dịch vụ chưa có tính đột phá trong năm kế hoạch, chưa có tính đột biến nên việc sử dụng đất của huyện vẫn nằm trong khung chỉ tiêu sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng.

2.7.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

- Năm 2023, dân số toàn huyện có 61.029 người, trong đó: dân số nam là 30.679 người, dân số nữ: 30.350 người. Dân số trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 67% dân số toàn huyện. Đây là lực lượng lao động có thể đáp ứng cho nhiều lĩnh vực kinh tế của huyện.

- Thu nhập bình quân đầu người tăng, năm sau cao hơn năm trước, năm 2023 đạt 26,5 triệu đồng/người/năm. Đời sống của nhân dân được nâng cao cả về vật chất và tinh thần.

Năm 2023, trên địa bàn huyện có 23 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*trong đó có 14 lao động xuất cảnh đã được hỗ trợ từ dự án với tổng số tiền 161,3 triệu đồng*); tuyên truyền phổ biến chính sách hỗ trợ việc làm, vay vốn từ quỹ quốc gia về việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại các xã, thị trấn được 21 cuộc với 1.640 đại biểu tham gia, mở được 16 lớp đào tạo nghề (8 lớp đào tạo nghề nông nghiệp, 6 lớp nghề phi nông nghiệp) với 533 học viên tham gia (277 người thuộc hộ nghèo, 63

người thuộc hộ cận nghèo, 65 người thuộc hộ mới thoát nghèo và 128 người thuộc đối tượng khác); Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện (đến hết năm 2023) lên 47,72% tăng 1,37% so với năm 2022, đạt 114% so với chỉ tiêu kế hoạch giao (1,37/1,2%).

2.7.4. Phân tích về nguồn lực của huyện và của tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất

Thực trạng tiềm năng phát triển kinh tế của huyện là rất lớn nhưng nguồn lực đầu tư để khai thác tiềm năng của huyện cho phát triển kinh tế còn nhiều khó khăn, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan như: Có vị trí cách xa các trung tâm kinh tế xã hội như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh ... khó kêu gọi thu hút đầu tư của các tập đoàn, doanh nghiệp, nhà đầu tư. Trong những năm qua nền kinh tế chịu sự tác động của dịch bệnh Covid 19, thiên tai đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế, khả năng đầu tư, tái đầu tư của các ngành lĩnh vực gặp nhiều khó khăn. Tỉnh Cao Bằng vẫn là địa phương chưa có nguồn thu ngân sách tự chủ, phần nhiều phụ thuộc vào cân đối đầu tư của Trung ương để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, nên khả năng tự cân đối nguồn ngân sách cho phát triển còn gặp nhiều khó khăn.

2.7.5. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

- Về lĩnh vực phát triển đô thị của huyện còn gặp nhiều khó khăn, hiện nay trên địa bàn có 02 thị trấn (Thị trấn Xuân Hoà; Thị trấn Thông Nông), cả 02 đô thị đã có quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch nhằm định hướng phát triển không gian đô thị. Tuy nhiên nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển không gian đô thị gặp nhiều khó khăn, việc đấu giá quyền sử dụng đất ở tại đô thị được tổ chức nhưng khả năng điều tiết của thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn cũng như nhu cầu tham dự đấu giá của người dân trên địa bàn thấp. Khả năng thu hút đầu tư của các tập đoàn, doanh nghiệp và nhà đầu tư hạn chế. Do vậy cả 02 thị trấn trên địa bàn có quá trình đô thị hóa thấp.

- Về lĩnh vực phát triển nông thôn trên địa bàn huyện đã được quan tâm chú trọng 19/19 xã đã được lập quy hoạch chung xây dựng và được UBND huyện Hà Quảng phê duyệt trong năm 2023. Được sự quan tâm của các cấp chính quyền nên bộ mặt nông thôn của huyện đã được đầu tư xây dựng có nhiều thay đổi, đời sống của nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên do địa hình các xã bị chia cắt mạnh nên việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các xã gặp nhiều khó khăn, suất đầu tư xây dựng các công trình, dự án cao trong khi đó việc cân đối nguồn lực cho đầu tư của huyện, của tỉnh hạn chế, đa phần phụ thuộc vào ngân sách của Trung ương. Trong những năm tới cần kêu gọi, thu hút đầu tư nguồn ngân sách của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, nguồn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ

tăng xã hội để khu vực nông thôn phát triển về kinh tế, xã hội và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hàng hóa, bảo vệ môi trường sinh thái.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

- Trong năm qua, công tác quản lý nhà nước về đất đai nói chung và lập, tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng đã được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện. Vì vậy, kế hoạch sử dụng đất từng bước đi vào nề nếp, tạo chủ động và giải quyết kịp thời nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn. Thông qua kế hoạch sử dụng đất, cơ cấu sử dụng giữa các loại đất đã được chuyển đổi phù hợp với quá trình đô thị hóa, thu hút đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, góp phần giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Bên cạnh đó, công tác tổ chức thực hiện, quản lý kế hoạch sử dụng đất được chú trọng, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất...cơ bản theo đúng quy định, đảm bảo phát huy có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, quyền sử dụng đất của người dân.

- Niêm yết công bố, công khai về kế hoạch sử dụng đất nhằm tạo thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các vi phạm trong công tác quản lý đất đai, làm căn cứ kiểm soát việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu số về quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, rà soát thực hiện trước những khu vực, dự án trọng điểm để tạo nguồn cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất phục vụ công tác quản lý, làm cơ sở để người sử dụng đất được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, thanh tra và giám sát việc quản lý, sử dụng đất theo kế hoạch, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, không thực hiện theo tiến độ cam kết. Tiến hành giải quyết kịp thời các kiến nghị của các xã, thị trấn đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đất đai; chỉ đạo thực hiện nghiêm kết luận sau thanh tra. Công khai các tổ chức, chủ đầu tư chậm triển khai dự án, vi phạm trong quản lý, sử dụng đất. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hiện tượng đầu cơ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật; không giao đất cho các chủ đầu tư không đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 122, Luật Đất đai 2024.

3.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

Thực hiện theo Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng V/v Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng. Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Điều chỉnh diện tích công trình, dự án đã được phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng (đợt 1). Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Điều chỉnh công trình, dự án tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng. Nghị quyết 75/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 03). Nghị quyết 76/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 03). Tờ trình số 2582/TTr-UBND ngày 15/8/2024 của UBND huyện Hà Quảng về việc đăng ký Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2024 (điều chỉnh, bổ sung đợt 3). Trên cơ sở các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024 và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất đã thực hiện trong năm 2024 so sánh với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được duyệt như sau:

Bảng 01: Đánh giá chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		81.117,52	81.117,52		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	75.924,48	75.973,07	48,58	100,06
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.906,36	2.927,03	20,67	100,71
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	890,97	904,18	13,22	101,48
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	2.015,39	2.022,85	7,46	100,37
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	10.043,21	10.062,30	19,09	100,19
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	371,13	373,09	1,96	100,53
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	47.992,28	48.014,57	22,29	100,05
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.308,74	1.308,94	0,20	100,02
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	13.256,34	13.240,36	-15,98	99,88

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	8.936,86	8.922,12	-14,74	99,84
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	46,39	46,74	0,34	100,74
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT				
1.11	Đất làm muối	LMU				
1.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,04	0,04		100,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.767,92	2.679,62	-88,30	96,81
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	507,13	504,60	-2,53	99,50
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	63,66	61,45	-2,21	96,53
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,46	14,37	-0,09	99,37
2.4	Đất quốc phòng	CQP	88,59	83,85	-4,74	94,65
2.5	Đất an ninh	CAN	7,08	2,10	-4,98	29,69
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	63,95	62,47	-1,49	97,67
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,84	0,55	-1,29	29,80
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,34	5,44	0,10	101,89
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,67	46,91	0,24	100,52
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	9,87	9,33	-0,54	94,53
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT				
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT				
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,24	0,24		100,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	45,35	24,82	-20,52	54,74
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất khu công nghiệp	SKK				
-	Đất cụm công nghiệp	SKN				
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT				
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,77	12,24	-20,53	37,36
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,42	2,42		100,00
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	10,16	10,17	0,01	100,07
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.465,40	1.413,26	-52,14	96,44
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.300,95	1.248,50	-52,45	95,97
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	62,49	63,09	0,60	100,96
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		0,06	0,06	
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	84,27	84,27		100,00
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,61	4,61		100,00

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,85	0,79	-0,06	93,38
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,57	0,57		100,00
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,96	4,67	-0,29	94,13
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	6,71	6,71		100,00
2.9	Đất tôn giáo	TON				
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,35	4,63	0,28	106,34
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	44,16	44,30	0,14	100,32
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	463,59	463,75	0,16	100,03
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,03	-0,18	14,90
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2425,11	2.464,83	39,72	101,64
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT				
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1.993,67	2.033,45	39,78	102,00
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	368,90	368,84	-0,06	99,98
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	62,54	62,54		100,00
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS				

a. Đất nông nghiệp

Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 75.924,48 ha, kết quả thực hiện được 75.973,07 ha, đạt 100,06% (diện tích chưa thực hiện được là 48,58 ha). Trong đó:

- Đất trồng lúa: theo kế hoạch được duyệt của năm 2023 toàn huyện là 2.906,36 ha, kết quả thực hiện được 2.927,03 ha, đạt 100,71% (diện tích đất trồng lúa chưa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp so với kế hoạch được duyệt là 20,67 ha). Nguyên nhân do chưa chuyển mục đích diện tích đất trồng lúa để thực hiện các dự án như: Doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng - Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng; Cải tạo mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng thuộc Công an tỉnh Cao Bằng; Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng; Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng... với tổng diện tích là 21,25 ha và chênh lệch do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Các công trình, dự án đã thực hiện trong năm kế hoạch lấy vào đất trồng lúa: Trường bắn, TTHL Ban CHQS huyện Hà Quảng; Đổ bê tông đường GTNT (Gần Gù - Biên Thố) xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông nội đồng xóm Nà Vạc, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Mương Lũng Bùng, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng,

tỉnh Cao Bằng; Trường Mầm non thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đập, nương thủy lợi Mốc 632, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích các công trình là 0,44 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 10.043,21 ha, kết quả thực hiện được 10.062,30 ha, đạt 100,19% (*diện tích đất trồng cây hàng năm khác chưa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp so với kế hoạch được duyệt là 19,09 ha*). Nguyên nhân do chưa chuyển mục đích diện tích đất trồng cây hàng năm để thực hiện dự án: Doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng - Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng; Cải tạo mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng thuộc Công an tỉnh Cao Bằng; Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng; Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Cần Yên), huyện Hà Quảng.....với tổng diện tích là 26,20 ha và chênh lệch do số liệu thống kê đất đai năm 2022 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Các công trình, dự án đã thực hiện trong năm kế hoạch lấy vào đất trồng cây hàng năm khác: Dự án ĐTXD công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế quốc phòng Thông Nông - Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1 - Đầu tư xây dựng công trình Đoàn: Doanh trại đội sản xuất số 8; Đường GTNT Pác Thín, xóm Pác Thín, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT Phiêng Pục - Bó Mọc, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn Co phây - Tả Piểu Nội Thôn - Ngườm Vải, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Nhùng, Quý Quân - xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT Sông Giang, Lũng Lặc, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Yên Sơn, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng...với tổng diện tích 6,37 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 371,13 ha, kết quả thực hiện được 373,09 ha, đạt 100,53% so với kế hoạch được duyệt, (*diện tích đất trồng cây lâu năm chưa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp so với kế hoạch được duyệt là 1,96 ha*). Nguyên nhân do chưa chuyển mục đích diện tích đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án: Doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng - Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng; Cải tạo mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng thuộc Công an tỉnh Cao Bằng; Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho

đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Cần Yên), huyện Hà Quảng... với tổng diện tích là 1,68 ha và chênh lệch do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Các công trình, dự án đã thực hiện trong năm kế hoạch lấy vào đất trồng cây lâu năm: Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Hà, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích 0,04 ha.

- Đất rừng phòng hộ: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 47.992,28 ha, kết quả thực hiện được 48.014,57 ha, đạt 100,05 % *(diện tích đất rừng phòng hộ chưa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp so với kế hoạch được duyệt là 22,29 ha)*. Nguyên nhân do chưa chuyển mục đích diện tích đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án như: Doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng - Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng; Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Cần Yên), huyện Hà Quảng; Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn; Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Bản Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng... với tổng diện tích là 38,51 ha và chênh lệch do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Các công trình, dự án đã thực hiện trong năm kế hoạch lấy vào đất rừng phòng hộ: Trường bắn, TTHL Ban CHQS huyện Hà Quảng; Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Khau Dừa, Xã Cần Nông - Xóm Lũng Tỳ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Khánh, Xã Đa Thông - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT Phia Viêng - Lũng Khánh, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT Phiêng Pục - Bó Mọc, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Nhùng, Quý Quân - xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đập, mương thủy lợi Mốc 632, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng... với tổng diện tích 8,29 ha.

- Đất rừng đặc dụng: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 1.308,74 ha, kết quả thực hiện được 1.308,94 ha, đạt 100,02 % so với kế hoạch được duyệt *(diện tích đất rừng đặc dụng chưa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp so với kế hoạch được duyệt là 0,20 ha)*. Nguyên nhân do

chưa chuyển mục đích diện tích đất rừng đặc dụng để thực hiện các dự án như: Đường giao thông liên xã: Đoạn Lũng Luông, xã Lũng Nặm - Bản Hoàng xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng với diện tích là 0,20 ha.

- Đất rừng sản xuất: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 13.256,34 ha, kết quả thực hiện được 13.240,36 ha, đạt 99,88 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt 15,98 ha*). Nguyên nhân do chưa thực hiện được công trình: Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã Hồng Sỹ - Tổng Cọt, huyện Hà Quảng (Lũng Lặc Hồng Sỹ - Thiêng Ngoạ, xã Tổng Cọt); Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn...với tổng diện tích là 1,63 ha và chênh lệch do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Các công trình, dự án đã thực hiện trong năm kế hoạch lấy vào đất rừng sản xuất: Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Đâu Hồng Sỹ - Xóm Noóc Mò, Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích 0,50 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 46,39 ha, kết quả thực hiện được 46,74 ha, đạt 100,74 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích đất nuôi trồng thủy sản chưa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp so với kế hoạch được duyệt là 0,34 ha*). Nguyên nhân do chưa chuyển mục đích diện tích đất nuôi trồng thủy sản để thực hiện các dự án như: Đầu tư xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng/Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1; Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Càn Yên), huyện Hà Quảng....với tổng diện tích 0,25 ha và chênh lệch do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Đất nông nghiệp khác: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 0,04 ha, kết quả thực hiện được 0,04 ha, đạt 100,00 % so với kế hoạch được duyệt.

b. Đất phi nông nghiệp

Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 2.767,92 ha, kết quả thực hiện được 2.679,62 ha, đạt 96,81 % (*diện tích chưa thực hiện được còn 88,30 ha*). Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 507,13 ha, kết quả thực hiện được 504,60 ha, đạt 99,50% (*diện tích chưa thực hiện còn 2,53ha*). Nguyên nhân do chưa thực hiện chuyển mục đích

đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn tại các xã trên địa bàn huyện đã đăng ký trong năm kế hoạch 2024.

- Đất ở tại đô thị: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 63,66 ha, kết quả thực hiện được 61,45 ha, đạt 96,53 % (*diện tích chưa thực hiện còn 2,21 ha*). Nguyên nhân do chưa thực hiện chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị tại thị trấn Xuân Hòa, thị trấn Thông Nông đã đăng ký trong năm kế hoạch 2024.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 14,46 ha, kết quả thực hiện được 14,37 ha, đạt 99,37 % (*diện tích chưa thực hiện là 0,09 ha*). Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án: Xây dựng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng; Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (chuyển từ đất quốc phòng sang đất xây dựng trụ sở, cụ thể từ Đồn Biên phòng Tổng Cột) với tổng diện tích 1,05 ha và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Đất quốc phòng: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2023 toàn huyện là 88,59 ha, kết quả thực hiện 83,85 ha, đạt 94,65% (*diện tích chưa thực hiện được còn 4,74 ha*). Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện được công trình: Doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng - Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng, diện tích 3,35 ha; Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình trong căn cứ chiến đấu huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 0,07 ha; Xây dựng chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Bao gồm cả hạng mục đường vào và chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cần Yên) diện tích 3,52 ha.

Các công trình, dự án đất quốc phòng đã thực hiện trong năm kế hoạch: Dự án ĐTXD công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế quốc phòng Thông Nông - Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1 - Đầu tư xây dựng công trình Đoàn: Doanh trại đội sản xuất số 8 diện tích 0,74 ha; Trường bắn, TTHL Ban CHQS huyện Hà Quảng diện tích 1,61 ha.

- Đất an ninh: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 7,08 ha, kết quả thực hiện được 2,10 ha, đạt 29,69 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được còn 4,98 ha*). Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện được công trình: Cải tạo mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng thuộc Công an tỉnh Cao Bằng; Trụ sở làm việc công an các xã: xã Thanh Long, xã Yên Sơn, xã Lương Thông, xã Quý Quân, xã Đa Thông...với tổng diện tích 4,88 ha.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 63,95 ha, kết quả thực hiện được 62,47 ha, đạt 97,67 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được còn 1,49 ha*). Trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 1,84 ha, kết quả thực hiện được 0,55 ha, đạt 29,80% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được là 1,29 ha*). Nguyên nhân chênh lệch là do chưa thực hiện được công trình: Xây mới nhà văn hóa xóm Đào Bắc, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Nhà văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Xây mới nhà văn hóa xóm Kéo Chang, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng ... và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Các công trình, dự án đất xây dựng cơ sở văn hoá đã thực hiện trong năm kế hoạch: Xây mới nhà văn hóa xóm Nà Rặc, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Hà, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Nhà văn hóa xóm Sơn Hà, xã Đa Thông với tổng diện tích các công trình, dự án là 0,13 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 5,34 ha, kết quả thực hiện được 5,44 ha, đạt 101,89 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện được cao hơn kế hoạch được duyệt là 0,10 ha*). Nguyên nhân thực hiện được cao hơn là do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 46,67 ha, kết quả thực hiện được 46,91 ha, đạt 100,52% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,24 ha*). Nguyên nhân thực hiện được cao hơn là do có các công trình lấy vào đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo trong năm 2024 nhưng chưa thực hiện được: Trụ sở làm việc Công an xã Yên Sơn thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Trụ sở làm việc Công an xã Lương Thông thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp nhà văn hóa xóm Địa Long, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng... và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Các công trình, dự án đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo đã thực hiện trong năm kế hoạch: Trường Mầm non thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Yên Sơn, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích thực hiện các dự án là 0,23 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 9,87 ha, kết quả thực hiện được 9,33 ha, đạt 94,53 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được là 0,54 ha*). Nguyên nhân chênh lệch là do chưa thực hiện được công trình: Sân vận động xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 0,54 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 0,24 ha, kết quả thực hiện được 0,24 ha, đạt 100,00 % so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 45,35 ha, kết quả thực hiện được 24,82 ha, đạt 54,74 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được là 20,52 ha*). Trong đó:

+ Đất thương mại, dịch vụ: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 32,77 ha, kết quả thực hiện được 12,24 ha, đạt 37,36 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được còn 20,53 ha*). Nguyên nhân chênh lệch do chưa thực hiện được các công trình: Điểm du lịch Bãi Tình tại xã Thanh Long giai đoạn 1; Hỗ trợ đầu tư du lịch cộng đồng tại Năm Ngựa, xã Ngọc Động (giai đoạn 2) và do số liệu thống đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 2,42 ha, kết quả thực hiện được 2,42 ha, đạt 100,00 % so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 10,16 ha, kết quả thực hiện được 10,17 ha, đạt 100,07 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,01 ha*). Nguyên nhân chênh lệch do số liệu thống đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Công trình chưa thực hiện được chuyển tiếp sang năm kế hoạch sử dụng đất là: Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Bản Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 2,134 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 1.465,40 ha, kết quả thực hiện được 1.413,26 ha, đạt 96,44 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được còn 52,14 ha*). Trong đó:

+ Đất công trình giao thông: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 1.300,95 ha, kết quả thực hiện được 1.248,50 ha, đạt 95,97% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được là 52,45 ha*). Nguyên nhân chênh lệch là do chưa thực hiện được các công trình: Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng; Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Cấn Yên), huyện Hà Quảng; Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn ... và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Các công trình, dự án đất giao thông đã thực hiện trong năm kế hoạch: Đường giao thông liên xã: Đường GTNT Pác Thín, xóm Pác Thín, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Khau Dưa, Xã Cần Nông - Xóm Lũng Tỳ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Pác Ngâm, Đa Thông - Xóm Ngọc Sỷ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Khinh, Xã Đa Thông - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT Phia Viêng - Lũng Khinh, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT Phiêng Pục - Bó Moọc, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Đầu Hồng Sỷ - Xóm Noóc Mò, Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Nhùng, Quý Quân - xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Dự án Định canh, định cư Tả Cán, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng (Đường giao thông từ Tả Cán - Đồn Biên Phòng); Đường GTNT Sông Giang, Lũng Lặc, xã Hồng Sỷ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT xóm Lũng Cát xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích các công trình, dự án đã thực hiện được là 13,46 ha.

+ Đất công trình thủy lợi: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 62,49 ha, kết quả thực hiện được 63,09 ha, đạt 100,96 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện được cao hơn kế hoạch được duyệt là 0,60 ha*). Nguyên nhân chênh lệch là do thực hiện được các công trình: Mương thủy lợi dẫn nước vào ruộng Năm Ràng xóm Kéo Sỷ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Mương Lũng Bùng, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng ; Đập, mương thủy lợi Móc 632, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

+ Đất công trình cấp nước, thoát nước: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 “Thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ tài nguyên và môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” là không có, kết quả thực hiện được 0,06 ha (*diện tích thực hiện được cao hơn kế hoạch được duyệt là 0,60 ha*). Nguyên nhân do thực hiện được các công trình: Bể nước sinh hoạt cộng đồng xóm Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Xây bể nước SHTT nhóm hộ Tềng Pô thuộc xóm Chông Mạ, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Công trình nước SHTT xóm Yên Luật, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 84,27 ha, kết quả thực hiện được 84,27 ha, đạt 100,00 % so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình xử lý chất thải: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 4,61 ha, kết quả thực hiện được 4,61 ha, đạt 100,00 % so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 0,85 ha, kết quả thực hiện được 0,79 ha, đạt 93,38% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được là 0,06 ha*). Nguyên nhân chênh lệch do chưa thực hiện được công trình: Công trình: Xây dựng, cải tạo lưới điện huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng năm 2024 và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 0,57 ha, kết quả thực hiện được 0,57 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 4,96 ha, kết quả thực hiện được 4,67 ha, đạt 94,13% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được là 0,29 ha*). Nguyên nhân chưa thực hiện được do chưa thực hiện được công trình: Xây mới chợ Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 0,28 ha và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 6,71 ha, kết quả thực hiện được 6,71 ha, đạt 100,00 % so với kế hoạch được duyệt.

- Đất tín ngưỡng: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 4,35 ha, kết quả thực hiện được 4,63 ha, đạt 106,34 % so với số liệu kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,28 ha*). Nguyên nhân diện tích thực hiện còn cao hơn là do chưa thực hiện công trình xây dựng Ổn định dân cư xóm Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 0,28 ha được lấy từ đất tín ngưỡng.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 44,16 ha, kết quả thực hiện được 44,30 ha, đạt 100,32% so với kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,14 ha*). Nguyên nhân chênh lệch diện tích thực hiện còn cao hơn là do chưa thực hiện công trình có lấy vào đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt là: Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 463,59 ha, kết quả thực hiện được 463,75 ha, đạt 100,03 % so với số liệu kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,16 ha*). Nguyên nhân là do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Đất phi nông nghiệp khác: Theo kế hoạch được duyệt của năm 2024 toàn huyện là 0,21 ha, kết quả thực hiện được 0,03 ha, đạt 14,90 % so với số liệu kế hoạch được duyệt (*diện tích chưa thực hiện được là 0,18 ha*). Nguyên nhân *diện tích đất chưa thực hiện được là do chưa chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình đã đăng ký sang đất phi nông nghiệp khác.*

c. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt là 2425,11 ha, thực hiện đến hết năm 2024 còn lại là 2.464,83 ha, đạt 101,64 % so với kế hoạch được duyệt (*diện tích thực hiện chưa hết theo kế hoạch được duyệt 39,72 ha*). Nguyên nhân do chưa thực hiện được công trình: Đầu tư xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng/Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1; Xây dựng chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Cần Yên), huyện Hà Quảng; Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng... và do số liệu thống kê đất đai năm 2023 được xác định là số liệu đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Các công trình, dự án đã thực hiện trong năm kế hoạch lấy vào đất chưa sử dụng: Dự án Định canh, định cư Tả Cán, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng (Đường giao thông từ Tả Cán - Đồn Biên Phòng); Đường GTNT Sông Giang, Lũng Lặc, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Đập, mương thủy lợi Mốc 632, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng... với tổng diện tích đất chưa sử dụng được đưa vào sử dụng của các công trình là 1,18 ha.

3.3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

*** Trong năm 2024 diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 15,19 ha, trong đó:**

- Diện tích đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,44 ha;
- Diện tích đất trồng cây hằng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 6,37 ha;
- Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,04 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 8,29 ha;

- Diện tích đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,05 ha;

Đối với chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tính đến thời điểm hiện tại ngày 30/9/2024 trên địa bàn huyện Hà Quảng chưa thực hiện được trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân nào.

*** Đánh giá kết quả thực hiện việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích**

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích đất phi nông nghiệp là 1,18 ha. Trong đó:

- Đất quốc phòng là 0,01 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo là 0,01 ha;
- Đất công trình giao thông là 1,10 ha;
- Đất công trình thủy lợi là 0,06 ha;

*** Đánh giá các công trình, dự án đã thực hiện và chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2024 được duyệt.**

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng V/v Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng. Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Điều chỉnh diện tích công trình, dự án đã được phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng (đợt 1). Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Điều chỉnh công trình, dự án tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng. Nghị quyết 75/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 03). Nghị quyết 76/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 03). Tờ trình số 2582/TTr-UBND ngày 15/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc đăng ký Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2024 (điều chỉnh, bổ sung đợt 3). Năm 2024 huyện Hà Quảng thực hiện được kết quả kế hoạch sử dụng đất như sau:

- Tổng số công trình đã thực hiện xong, đang thực hiện trong năm kế hoạch 2024 là 34 công trình. Trong đó theo: Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05/03/2024 đã thực hiện xong được 34 công trình. Tổng diện tích các công trình, dự án đã thực hiện được là 16,44 ha, trong đó chuyển mục đích: đất trồng lúa 0,44 ha, đất rừng phòng hộ là 8,29 ha, đất khác là 7,71 ha.

- Tổng số công trình chưa thực hiện, đang thực hiện sẽ được chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang năm 2025 là 84 công trình (Bao gồm: 53 công trình chưa thực hiện và 31 công trình đang thực hiện). Trong đó: Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05/03/2024; Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 (Đợt 1); Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 là 82 công trình; Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 3) và Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 (Bổ sung, điều chỉnh đợt 3) là 02 công trình.

- Hủy bỏ 06 công trình, dự án không đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng. Lý do hủy bỏ: Vì không còn phù hợp với thực tiễn, hủy bỏ theo Khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Khoản 1 điều 112 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (Công trình được thông qua từ năm 2022 nhưng quá 3 năm chưa thực hiện).

Bảng 02: Các công trình, dự án đã thực hiện xong trong năm 2024 trên địa bàn huyện Hà Quảng

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)
1	Dự án ĐTXD công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế quốc phòng Thông Nông - Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1 - Đầu tư xây dựng công trình Đoàn: Doanh trại đội sản xuất số 8	0,74	Xã Lũng Nặm
2	Trường bán, TTHL Ban CHQS huyện Hà Quảng	1,61	TT Xuân Hoà
3	Đường GTNT Pác Thín, xóm Pác Thín, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,95	Xã Lương Can
4	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Khau Dừa, Xã Càn Nông - Xóm Lũng Tỷ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1,00	Xã Càn Nông
		1,16	Xã Lương Thông
5	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Pác Ngảm, Đa Thông - Xóm Ngọc Sỹ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,55	Xã Đa Thông
		0,60	Xã Lương Thông
6	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Khinh, Xã Đa Thông - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,90	Xã Đa Thông
		0,84	Xã Lương Thông
7	Đường GTNT Phia Viêng - Lũng Khinh, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,78	Xã Đa Thông
8	Đường GTNT Phiêng Pục - Bó Moọc, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,82	Xã Ngọc Động
9	Đường giao thông Lũng Rịch - Rặc Rậy, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,72	Xã Lương Thông
10	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Đầu Hồng Sỹ - Xóm Noóc Mò, Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Hồng Sỹ
		0,16	Xã Ngọc Đào

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)
11	Đường giao thông liên xã: Đoạn Co phây - Tả Piểu Nội Thôn - Ngườm Vải, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Nội Thôn
		0,71	Xã Cải Viên
12	Đường GTNT từ nhà văn hóa Lũng Đa - nhóm Lũng Rầu B, xóm Nhi Đú, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,16	Xã Cải Viên
13	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Nhùng, Quý Quân - xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,95	Xã Quý Quân
		0,57	Xã Lương Thông
14	Dự án Định canh, định cư Tả Cán, xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng (Đường giao thông từ Tả Cán - Đồn Biên Phòng)	0,90	Xã Tổng Cọt
15	Đường GTNT Xam Kha - Cốc Lại, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,15	Xã Cần Yên
16	Đổ bê tông đường GTNT (Gần Gù - Biên Thố) xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,25	Xã Ngọc Đào
17	Đường giao thông Keng Tao, xóm Lũng Mới, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,50	Xã Quý Quân
18	Đường GTNT Sông Giang, Lũng Lặc, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,48	Xã Hồng Sỹ
19	Đường giao thông nội đồng xóm Nà Vạc, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	TT Xuân Hoà
20	Đường GTNT xóm Lũng Cát xã Nà Sác, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Trường Hà
21	Bể nước sinh hoạt cộng đồng xóm Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Mã Ba
22	Xây bể nước SHTT nhóm hộ Tềng Pô thuộc xóm Chông Ma, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Cải Viên
23	Mương thủy lợi dẫn nước vào ruộng Nậm Rạng xóm Kéo Sỹ, xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Tổng Cọt
24	Công trình nước SHTT xóm Yên Luật, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	TT Xuân Hoà
25	Mương Lũng Bùng, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Cần Yên
26	Nhà văn hoá xóm Nậm Đin, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Cải Viên
27	Xây mới nhà văn hóa xóm Nà Rặc, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
28	Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
29	Xây mới nhà văn hóa xóm Bản Hà, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
30	Nhà văn hóa xóm Sơn Hà, xã Đa Thông	0,04	Xã Đa Thông
31	Trường Mầm non thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (HM 06 lớp học và công trình phụ trợ)	0,11	TT Xuân Hoà
32	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Yên Sơn, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,12	Xã Yên Sơn

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)
33	Đập, nương thủy lợi Mốc 632, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,120	Xã Cần Yên
34	Đầu giá Trung tâm Y tế huyện Thông Nông cũ (Địa chỉ: thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng)	0,0169	TT Thông Nông

Bảng 03: Các công trình, dự án huỷ bỏ do quá 3 năm chưa thực hiện hoặc không khả thi huyện Hà Quảng

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú (Lý do huỷ bỏ)
1	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Mai Nưa, Xuân Hòa - xóm Kê Hiệt, xã Ngọc Đào	0,07	TT Xuân Hoà	Bỏ do không còn tính khả thi
		0,43	Xã Ngọc Đào	
2	Đường GTNT xóm Bó Thầu, xóm Tả Cáp đến xóm Nà Ca, xã Cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,23	Xã Cần Nông	Bỏ do trùng với tuyến Tả Cáp - Nà Ca, xã Cần Nông
3	Đường GTNT Tênh Cà Lừa Lũng Xám, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,60	Xã Quý Quân	Bỏ do chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện
4	Cầu giao thông Bản Giế, xóm Quang Trung 1, xã Lương Thông	0,03	Xã Lương Thông	Bỏ do chưa có nguồn vốn thực hiện và đã sửa chữa lại cầu cũ
5	Đường giao thông liên xã: Đoạn Lũng Luông, xã Lũng Nặm - Bản Hoàng xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,28	Xã Lũng Nặm	Bỏ do không còn tính khả thi
		0,23	Xã Trường Hà	
6	Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Nà Cháo, xóm Nà Cháo, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,45	Xã Sóc Hà	Do quá 3 năm chưa thực hiện hết dự án

*** Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng năm 2024 so với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng được phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng**

Bảng 04: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng năm 2024 so với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Điều chỉnh quy hoạch SDD được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		81.117,52	81.117,52		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	77.387,00	75.973,07	-1.413,93	98,17
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.003,00	2.927,03	-75,97	97,47

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Điều chỉnh quy hoạch SDD được duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	900,00	904,18	4,18	100,46
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	2.103,00	2.022,85	-80,15	96,19
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	8.833,44	10.062,30	1.228,86	113,91
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.351,00	373,09	-977,91	27,62
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	41.731,00	48.014,57	6.283,57	115,06
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.465,00	1.308,94	-156,06	89,35
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	20.940,00	13.240,36	-7.699,64	63,23
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	7.474,00	8.922,12	1.448,12	119,38
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	51,34	46,74	-4,60	91,04
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT				
1.11	Đất làm muối	LMU				
1.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	12,22	0,04	-12,18	0,36
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.505,00	2.679,62	-825,38	76,45
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	532,00	504,60	-27,40	94,85
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	87,00	61,45	-25,55	70,63
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	27,00	14,37	-12,63	53,24
2.4	Đất quốc phòng	CQP	247,00	83,85	-163,15	33,95
2.5	Đất an ninh	CAN	11,12	2,10	-9,02	18,90
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	78,12	62,47	-15,65	79,96
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,00	0,55	-3,45	13,70
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,00	5,44	-0,56	90,60
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	52,00	46,91	-5,09	90,21
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	15,00	9,33	-5,67	62,20
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT				
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT				
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,12	0,24	-0,88	21,43
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	419,99	24,82	-395,17	5,91
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất khu công nghiệp	SKK				
-	Đất cụm công nghiệp	SKN				
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT				
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	71,00	12,24	-58,76	17,25
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	32,00	2,42	-29,59	7,55
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	316,99	10,17	-306,83	3,21

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Điều chỉnh quy hoạch SDD được duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.578,05	1.413,26	-164,79	89,56
	Trong đó:					
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.380,00	1.248,50	-131,50	90,47
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	69,00	63,09	-5,91	91,43
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		0,06	0,06	
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	99,00	84,27	-14,73	85,12
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	8,00	4,61	-3,39	57,60
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,00	0,79	-0,21	79,00
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,00	0,57	-1,43	28,50
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,00	4,67	-1,34	77,75
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	13,05	6,71	-6,34	51,44
2.9	Đất tôn giáo	TON				
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,35	4,63	0,28	106,49
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	48,00	44,30	-3,70	92,29
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	471,34	463,75	-7,59	98,39
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,03	0,03	-1,00	3,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	225,52	2.464,83	2.239,31	1.092,94
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT				
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	54,14	2.033,45	1.979,31	3.755,98
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	108,84	368,84	260,00	338,88
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	62,54	62,54		100,00
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS				

(Nguồn: Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng; Số liệu Thống kê đất đai năm 2023 và kết quả thực hiện các công trình năm 2024 huyện Hà Quảng)

- Đất nông nghiệp: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt là 77.387,00 ha, thực hiện đến 31/12/2024 là 75.973,07 ha, thấp hơn 1.413,93 ha, đạt 98,17 % so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt là 3.505,00 ha, thực hiện đến 31/12/2024 là 2.679,62 ha, thấp hơn 825,38 ha, đạt 76,45 % so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

- Đất chưa sử dụng: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt là 225,52 ha, thực hiện đến 31/12/2024 là 2.464,83 ha, cao hơn 2.239,31 ha, đạt 1.092,94 % so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

3.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Hà Quảng, các công trình dự án đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024, tuy nhiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng triển khai chậm do thiếu vốn đầu tư nên phải chuyển tiếp sang năm 2025.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa điểm có hạng mục quy hoạch gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng... Kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp thấp so với chỉ tiêu.

- Nhiều trường hợp quy hoạch đúng, rất cần thiết, có lộ trình thực hiện, nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai quy hoạch đã phải dừng lại, nhất là các dự án quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

- Về việc xác minh loại đất và chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất để thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ gặp nhiều khó khăn do các hộ tự chia tách chuyển nhượng cho con cháu mà chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện kế hoạch sử dụng đất, trong đó có hai khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng và sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện. Cụ thể:

+ Đất nông nghiệp: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp vẫn còn cao hơn so với chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng năm 2024 được phê duyệt cho thấy:

- Công tác triển khai thực hiện các công trình, dự án không đạt.

- Diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp không đạt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng.

+ Đất phi nông nghiệp: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp đạt chỉ tiêu thấp trong kế hoạch sử dụng năm 2024. Các công trình, dự án đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa được triển khai thực hiện đúng theo danh mục đăng ký được phê duyệt. Một số công trình, dự án thực hiện theo nguồn ngân sách nhà nước chưa được giải ngân nên chậm tiến độ so với kế hoạch. Một số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 do các doanh nghiệp đăng ký nhưng chưa thực hiện nên cũng làm ảnh hưởng đến kết quả sử dụng đất của huyện.

- Nguyên nhân của tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

- + Thiếu vốn đầu tư đồng bộ và chưa đưa ra được các giải pháp thực hiện triệt để nên một số chỉ tiêu kế hoạch thực hiện chậm và kéo dài;

- + Các nhà đầu tư sau khi được thỏa thuận địa điểm xây dựng công trình còn chậm làm các thủ tục theo quy định để Nhà nước thu hồi, giao đất, cho thuê đất xây dựng công trình, dự án dẫn đến tình trạng thời gian thực hiện công trình dự án kéo dài.

- + Việc đánh giá, thẩm định kinh phí dự toán các công trình dự án thường

bị kéo dài do vướng nhiều thủ tục hành chính, thiếu Văn bản quy định chi tiết cụ thể nên khó khăn cho cán bộ chuyên môn thẩm định.

+ Công tác dân vận chưa phát huy tốt, để tuyên truyền cho nhân dân hiểu về giá trị của việc đầu tư xây dựng các công trình dự án và giá trị mang lại của công trình cho đời sống sinh hoạt của nhân dân.

+ Việc giám sát thực hiện các công trình dự án theo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước chưa cụ thể, gán trách nhiệm cho đơn vị, tổ chức, cá nhân để theo dõi giám sát chất lượng và tiến độ kế hoạch.

+ Các quy định và thủ tục quản lý nhà nước chưa hoàn chỉnh, bất cập và thiếu ổn định lâu dài gây nhiều khó khăn ách tắc cho các nhà đầu tư dẫn đến kế hoạch sử dụng đất bị chậm tiến độ quy hoạch.

3.5. Bài học kinh nghiệm trọng việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực, tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành và địa phương trong công tác lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Kế hoạch sử dụng đất cần phải đảm bảo tính đồng bộ, tính liên vùng và phát huy được thế mạnh của từng vùng để phát triển hài hòa của toàn khu vực.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lập, thẩm định, xét duyệt, công bố và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Giám sát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa có năng suất cao, đất có rừng sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Cần có chính sách ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị... ở những diện tích đất ít khả năng nông nghiệp.

IV. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện

a) Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Các đơn vị quốc phòng, an ninh trên địa bàn của tỉnh, huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện trong quá trình lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng bảo đảm quỹ đất cho quốc phòng, an ninh phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; rà soát, xác định vị trí, diện tích, ranh giới đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; xác định vị trí, diện tích, ranh giới đất quốc phòng, an ninh không còn nhu cầu sử dụng để bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng.

b) Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

- Kế hoạch sử dụng đất huyện Hà Quảng được xác định từ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên địa bàn huyện đã xác định rõ diện tích cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Dành quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn, quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

- Thông qua kế hoạch sử dụng đất, giá trị của đất được nâng lên, thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản, thị trường lao động, tạo ra nguồn vốn, nguồn lực vô cùng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Kế hoạch sử dụng đất đã tạo ra quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ và du lịch, đất ở đô thị và nông thôn.

- Việc khai thác, sử dụng đất cho các mục đích phát triển các hoạt động thương mại – dịch vụ, cơ sở sản xuất kinh doanh, khu dân cư cần hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải tập trung đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam trước khi thải ra môi trường.

c) Tính khả thi của việc thực hiện

- Các công trình dự án chưa thực hiện do thiếu vốn đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng ở một số công trình còn gặp nhiều khó khăn, một số công trình do lập hồ sơ thi công và hồ sơ đất đai chậm nên chưa thực hiện được trong năm 2024 đã được rà soát, đánh giá khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện do vậy trong năm 2025 sẽ tiếp tục chuyển tiếp các công trình, dự án vào thực hiện để đảm bảo theo đúng kế hoạch đã đề ra góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Các công trình đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Hà Quảng đều có chủ trương nguồn vốn đảm bảo để thực hiện được trong năm kế hoạch 2025. Huyện đặc biệt chú trọng đến các dự án trọng điểm và chỉ đưa ra các dự án chấp thuận chủ trương đầu tư, có nguồn vốn đầu tư công trong kế hoạch 2025, tránh tình trạng đưa tràn lan các dự án vào kế hoạch nhưng không có nguồn vốn hoặc không có khả năng thực hiện.

4.2. Xác định các chỉ tiêu trong kỳ kế hoạch sử dụng đất

4.2.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã

Hiện nay Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 chưa được phê duyệt nên chưa đủ căn cứ để phân bổ cho cấp huyện, như vậy chỉ tiêu sử dụng đất cho cấp huyện dựa trên Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà

Quảng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31/7/2024.

4.2.2. Xác định diện tích các loại đất do cấp huyện xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã

a) Chỉ tiêu sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện hết chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Một số công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 do thiếu vốn đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng ở một số hạng mục công trình còn gặp khó khăn vướng mắc do đó trong năm tới tiếp tục đưa vào thực hiện để đảm bảo theo đúng kế hoạch đã đề ra góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Đất ở tại đô thị: 1,822 ha.
- Đất ở tại nông thôn: 0,526 ha.
- Đất quốc phòng: 6,94 ha.
- Đất an ninh: 5,81 ha.
- Đất công trình giao thông: 107,122 ha.
- Đất công trình thủy lợi: 0,20 ha.
- Đất công trình cấp nước, thoát nước: 0,07 ha.
- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 0,28 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1,047 ha.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,3587 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 2,134 ha.
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,34 ha.
- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 0,54 ha.
- Đất xây dựng cơ sở văn hoá: 1,237 ha.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 3,76 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ: 20,58 ha.
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,005 ha.

Bảng 05: Danh mục công trình trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)
1	Trụ sở làm việc Công an xã Trường Hà thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Trường Hà
2	Trụ sở làm việc Công an xã Sóc Hà thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,16	Xã Sóc Hà
3	Trụ sở làm việc Công an xã Lũng Nặm thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,09	Xã Lũng Nặm
4	Trụ sở làm việc Công an xã Cản Yên thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Cản Yên
5	Trụ sở làm việc Công an xã Cản Nông thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,23	Xã Cản Nông

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)
6	Trụ sở làm việc Công an xã Cải Viên thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Cải Viên
7	Trụ sở làm việc Công an xã Tổng Cột thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,06	Xã Tổng Cột
8	Trụ sở làm việc Công an xã Nội Thôn thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Nội Thôn
9	Đầu tư xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng/Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1	3,35	TT Xuân Hoà
10	Cải tạo mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng thuộc Công an tỉnh Cao Bằng	4,20	TT Xuân Hoà
11	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Long thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,20	Xã Thanh Long
12	Trụ sở làm việc Công an xã Yên Sơn thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,13	Xã Yên Sơn
13	Trụ sở làm việc Công an xã Lương Thông thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Lương Thông
14	Trụ sở làm việc Công an xã Quý Quân thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,20	Xã Quý Quân
15	Trụ sở làm việc Công an xã Đa Thông thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Đa Thông
16	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình trong căn cứ chiến đấu huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Sóc Hà; Xã Trường Hà
17	Xây dựng chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới đất liền xã Càn Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Bao gồm cả hạng mục đường vào và chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới đất liền xã Càn Yên)	3,52	Xã Càn Yên
18	Dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Càn Yên), huyện Hà Quảng.	7,97	Xã Càn Yên
		9,99	Xã Lương Thông
		16,75	Xã Đa Thông
		2,08	TT Thông Nông
19	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	4,20	TT Xuân Hoà
20	Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	21,52	TT Xuân Hoà
		5,20	Xã Trường Hà
21	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Làng Lý, Nội Thôn - Xóm Bản Khèng, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng	0,97	Xã Nội Thôn
		0,85	Xã Cải Viên
22	Đường GTNT UBND xã - Hoà Trung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Ngọc Động
23	Đường nội đồng Đà Sa - Nà Khau, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,33	Xã Đa Thông
24	Đường nội đồng Phai Piếu - Bản Chang, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Đa Thông
25	Nâng cấp đường GTNT loại C từ nhà bia tưởng niệm đến nhóm Cô Mười (Xóm Nậm Đin), xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,04	Xã Cải Viên
26	Đường Làng Can - Roòng Thốc, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Lương Can
27	Đường giao thông nội đồng xóm Lũng Pươi, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,02	Xã Sóc Hà
28	Mở mới đường GTNT Lũng Chang - Lũng Khoen xóm Độc Kít xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,63	Xã Ngọc Đào

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)
29	Đổ bê tông đường nội đồng (Nà Vừ), xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Ngọc Đào
30	Đổ bê tông đường GTNT (Tín Đeng-Bó Mèo Vắn) xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,15	Xã Ngọc Đào
31	Đổ bê tông đường nội đồng Bó Khuất -Thôm Nura, xóm Kéo Chang, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng	0,07	Xã Ngọc Đào
32	Đường GTNT Lũng Xám, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Quý Quân
33	Đường giao thông liên xã: Xã Lương Can - TT. Thông Nông - Xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3,07	TT Thông Nông
		0,24	Xã Đa Thông
34	Nâng cấp đường GTNT Lũng Bông-Khau Sở, xóm Lũng Bông, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,60	Xã Hồng Sỹ
35	Mở mới đường GTNT từ Làng Linh đến Lũng Mên, xóm Lũng Ngàn, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,18	Xã Hồng Sỹ
36	Đường nội đồng Cốc Chia - Nà Tẻ, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Đa Thông
37	Đường GTNT Cột Nura - Lũng Mẩn, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,11	Xã Tổng Cột
38	Đường giao thông liên xã Hồng Sỹ - Tổng Cột, huyện Hà Quảng (Lũng Lặc Hồng Sỹ - Thiêng Ngoạ, xã Tổng Cột)	0,08	Xã Tổng Cột
		0,05	Xã Hồng Sỹ
39	Đường GTNT Lũng Đa - Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Cải Viên
40	Bê tông đường GTNT Cha Vạc - nhóm Cô Phầy, xã Cải Viên	0,07	Xã Cải Viên
41	Đường GTNT liên xã: Pó Dài xã Nội Thôn - Tả Cán xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,25	Xã Nội Thôn
42	Đường GTNT từ nhóm Pò Tán sang Lũng Nặm xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,06	Xã Lũng Nặm
43	Mở mới đường GTNT Lũng In-Lũng Chấn, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Lũng Nặm
44	Bê tông tuyến Cá Thỏ-Nậm Nà, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,06	Xã Thượng Thôn
45	Đường GTNT Mũng Mùn-Tràng Đi, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Thượng Thôn
46	Đường GTNT Mạ Ràng-Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,12	Xã Mã Ba
47	Đường GTNT Lũng Niềng - Lũng Nội, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,09	Xã Mã Ba
48	Đường GTNT Vải Thai - Pèng, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Yên Sơn
49	Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn	5,19	Xã Thanh Long
		6,84	Xã Yên Sơn
50	Đường nội đồng Bản Gải - Bó Rằng, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Cản Yên
51	Đường GTNT nội đồng xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,39	Xã Cản Yên
52	Đường giao thông Khuổi Diều, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Lương Can
53	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Bản Láp, xã Quý Quân - Nà Cháo, Lũng Mật, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Sóc Hà
54	Đường giao thông Nà Đuôn (nối tiếp) và xây mới cầu vượt lũ Nà Đuôm - Nà Đin xóm Nà Nghiêng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,05	Xã Sóc Hà

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)
55	Xây dựng bể nước SHTT nhóm hộ Cô Mười xóm Nặm Đin, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Cải Viên
56	Làm mới nước SHTT Nà Tôm, Quang Trung 2, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Lương Thông
57	Kè chống sạt lở xóm Dê Gà, Bản Lích, xã Lương Thông	0,15	Xã Lương Thông
58	Mương thủy lợi Rằng Hán xóm Kéo Sỷ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Tổng Cột
59	Mương thủy lợi xóm Cột Phố 01 tuyến Rằng Pú-Lũng Khuyen, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Tổng Cột
60	Nước sinh hoạt xóm Lũng Tô, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Nội Thôn
61	Bể nước sinh hoạt tập trung xóm Rủ Rả, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Nội Thôn
62	Xây mới nhà văn hóa xóm Đào Bắc, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
63	Xây mới nhà văn hóa xóm Kéo Chang, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
64	Nhà văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Bao gồm cả phần đường giao thông vào Nhà văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng)	1,03	TT Xuân Hoà
65	Nâng cấp nhà văn hóa xóm Địa Long, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,09	Xã Sóc Hà
66	Trường PT Dân tộc bán trú TH&THCS Bình Lãng, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Thanh Long
67	Trường mầm non Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,20	Xã Trường Hà
68	Xây mới chợ Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,28	Xã Cản Yên
69	Sân vận động xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,54	Xã Đa Thông
70	Xây dựng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng	0,28	TT Xuân Hoà
71	Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu tỉnh Cao Bằng, vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu		
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Lũng Hóng xã Thượng Thôn	0,32	Xã Thượng Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Lũng Chúp xã Thượng Thôn	0,22	Xã Thượng Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Bó Pu xã Thượng Thôn	0,41	Xã Thượng Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Lũng Sang xã Thượng Thôn	0,30	Xã Thượng Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Cả Poóc xã Mã Ba	0,21	Xã Mã Ba
	- Hồ chứa nước vại địa xóm Kéo Nặm xã Mã Ba	0,22	Xã Mã Ba
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Lũng Pán xã Cải Viên	0,28	Xã Cải Viên
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Lũng Rầu xã Cải Viên	0,22	Xã Cải Viên
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Đông Có xã Cải Viên	0,21	Xã Cải Viên
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Cả Giông xã Lũng Nặm	0,22	Xã Lũng Nặm
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Lũng Rỳ xã Nội Thôn	0,31	Xã Nội Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Pác Hoan xã Nội Thôn	0,25	Xã Nội Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Ngườm Luông xã Tổng Cột	0,31	Xã Tổng Cột
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Cột Nưa xã Tổng Cột	0,28	Xã Tổng Cột
72	Điểm du lịch Bãi Tình tại xã Thanh Long giai đoạn 1	20,00	Xã Thanh Long

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (đến cấp xã)
73	Hỗ trợ đầu tư du lịch cộng đồng tại Nậm Ngừa, xã Ngọc Động (giai đoạn 2)	0,58	Xã Ngọc Động
74	Công trình: Xây dựng, cải tạo lưới điện huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng năm 2024	0,0008	Xã Cản Yên
		0,0044	Xã Lương Can
75	Ổn định dân cư xóm Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2,094	Xã Cải Viên
76	Ổn định dân cư xóm Ngườm Vải, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3,614	Xã Nội Thôn
77	Nâng cấp, mở rộng đường liên xóm từ Quốc lộ 4A đến Giăng Hán – Kéo Sỷ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2,581	Xã Tổng Cột
78	Mở mới tuyến đường Tả Cáp – Nà Ca, xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	4,417	Xã Cản Nông
79	Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1,61	Xã Đa Thông
		2,49	TT Xuân Hoà
		2,78	Xã Quý Quân
80	Đấu giá Phòng Tài chính - Kế hoạch (huyện Thông Nông cũ) (Địa chỉ: thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng)	0,0621	TT Thông Nông
81	Đấu giá Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,3587	TT Xuân Hoà
82	Đấu giá quyền sử dụng đất: Các lô đất TĐC tại khu Tái định cư Cửa khẩu Sóc Giang, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,5260	Xã Sóc Hà
83	Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Bản Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2,134	Xã Ngọc Đào
84	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (chuyển từ đất quốc phòng sang đất xây dựng trụ sở, cụ thể từ Đồn Biên phòng Tổng Cột)	0,767	Xã Tổng Cột

b) Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

** Đất trồng cây hàng năm khác*

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2025 bổ sung thêm 0,12 ha trên địa bàn thị trấn Xuân Hoà 0,04 ha, xã Trường Hà 0,08 ha.

** Đất trồng cây lâu năm*

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây lâu năm, năm 2025 bổ sung thêm 0,22 ha trên địa bàn xã Ngọc Đào 0,15 ha, xã Trường Hà 0,07 ha.

** Đất ở tại nông thôn*

Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2025 bổ sung thêm 3,69 ha trên địa bàn xã Cản Nông 0,03 ha, xã Lũng Nặm 0,03 ha, xã Lương Can 0,04 ha, xã Lương Thông 0,14 ha, xã Ngọc Đào 0,41 ha, xã Ngọc Động 0,43 ha, xã Quý Quân 0,05 ha, xã Sóc Hà 1,23 ha, xã Thanh Long 0,11 ha, xã Tổng Cột 0,24 ha, xã Trường Hà 0,55 ha, xã Yên Sơn 0,13 ha.

** Đất ở tại đô thị*

Nhu cầu sử dụng đất ở tại đô thị năm 2025 bổ sung thêm 2,58 ha trên địa bàn thị trấn Xuân Hoà 2,48 ha, thị trấn Thông Nông 0,10 ha.

** Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2025 bổ sung thêm 1,05 ha trên địa bàn thị trấn Xuân Hoà 0,28 ha, xã Tổng Cột 0,77 ha.

** Đất quốc phòng*

Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng năm 2025 bổ sung thêm 6,94 ha trên địa bàn thị trấn Xuân Hoà 3,35 ha, xã Cần Yên 3,52 ha, xã Sóc Hà 0,063 ha, xã Trường Hà 0,003 ha.

** Đất an ninh*

Nhu cầu sử dụng đất an ninh năm 2025 bổ sung thêm 5,81 ha trên địa bàn thị trấn Xuân Hoà 4,33 ha, thị trấn Thông Nông 0,12 ha, xã Đa Thông 0,07 ha, xã Hồng Sỹ 0,20 ha, xã Lương Can 0,10 ha, xã Lương Thông 0,08 ha, xã Mã Ba 0,07 ha, xã Ngọc Đào 0,05 ha, xã Ngọc Động 0,12 ha, xã Quý Quân 0,20 ha, xã Thanh Long 0,20 ha, xã Thượng Thôn 0,14 ha, xã Yên Sơn 0,13 ha.

** Đất xây dựng cơ sở văn hoá*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hoá năm 2025 bổ sung thêm 1,47 ha trên địa bàn thị trấn Xuân Hoà 1,05 ha, thị trấn Thông Nông 0,09 ha, xã Cải Viên 0,08 ha, xã Ngọc Đào 0,04 ha, xã Quý Quân 0,03 ha, xã Sóc Hà 0,09 ha, xã Thượng Thôn 0,10 ha.

** Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo năm 2025 bổ sung thêm 0,42 ha trên địa bàn xã Ngọc Đào 0,08 ha, xã Thanh Long 0,14 ha, xã Trường Hà 0,20 ha.

** Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục – thể thao năm 2025 bổ sung thêm 0,54 ha trên địa bàn xã Đa Thông 0,54 ha.

** Đất thương mại, dịch vụ*

Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2025 bổ sung thêm 20,65 ha trên địa bàn xã Ngọc Động 0,58 ha, xã Thanh Long 20,00 ha, xã Trường Hà 0,07 ha.

** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*

Nhu cầu sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2025 bổ sung thêm 2,13 ha trên địa bàn xã Ngọc Đào 2,13 ha.

** Đất công trình giao thông*

Nhu cầu sử dụng đất công trình giao thông năm 2025 bổ sung thêm 117,50 ha trên địa bàn thị trấn Xuân Hoà 28,27 ha, thị trấn Thông Nông 6,38 ha, xã Cải Viên 3,04 ha, xã Cần Nông 4,42 ha, xã Cần Yên 8,43 ha, xã Đa Thông 22,23 ha, xã Hồng Sỹ 0,98 ha, xã Lũng Nặm 0,11 ha, xã Lương Can 0,18 ha, xã Lương Thông 9,99 ha, xã Mã Ba 0,21 ha, xã Ngọc Đào 1,43 ha, xã Ngọc Động 0,03 ha, xã Nội Thôn 5,39 ha, xã Quý Quân 4,56 ha, xã Sóc Hà 0,23 ha, xã Thanh Long 5,19 ha, xã Thượng Thôn 0,52 ha, xã Tổng Cột 3,10 ha, xã Trường Hà 5,90 ha, xã Yên Sơn 6,91 ha.

** Đất công trình thuỷ lợi*

Nhu cầu sử dụng đất công trình thuỷ lợi năm 2025 bổ sung thêm 0,52 ha trên địa bàn xã Lương Thông 0,15 ha, xã Sóc Hà 0,32 ha, xã Tổng Cột 0,05 ha.

** Đất công trình cấp nước, thoát nước*

Nhu cầu sử dụng đất công trình cấp nước, thoát nước năm 2025 bổ sung thêm 0,32 ha trên địa bàn xã Cải Viên 0,04 ha, xã Lũng Nặm 0,02 ha, xã Lương Thông 0,01 ha, xã Nội Thôn 0,18 ha, xã Trường Hà 0,07 ha.

*** Đất công trình năng lượng**

Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng năm 2025 bổ sung thêm 0,0460 ha trên địa bàn thị trấn Xuân Hoà 0,0052 ha, xã Cần Yên 0,0008 ha, xã Lương Can 0,0044 ha, xã Lương Thông 0,0200 ha, xã Mã Ba 0,0008 ha, xã Nội Thôn 0,0120 ha, xã Thanh Long 0,0028 ha.

*** Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối**

Nhu cầu sử dụng đất chợ dân sinh, chợ đầu mối năm 2025 bổ sung thêm 0,28 ha trên địa bàn xã Cần Yên 0,28 ha.

*** Đất có mặt nước chuyên dùng**

Nhu cầu sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng năm 2025 bổ sung thêm 3,76 ha trên địa bàn xã Cải Viên 0,71 ha, xã Lũng Nặm 0,22 ha, xã Mã Ba 0,43ha, xã Nội Thôn 0,56 ha, xã Thượng Thôn 1,25 ha, xã Tổng Cọt 0,59 ha.

*** Đất phi nông nghiệp khác**

Nhu cầu sử dụng đất có phi nông nghiệp khác năm 2025 bổ sung thêm 0,18 ha trên địa bàn xã Ngọc Đào 0,18 ha.

4.2.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã

Trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực, của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện và tổng hợp các công trình dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Chỉ tiêu sử dụng các loại đất trong năm kế hoạch 2025 của huyện Hà Quảng như sau:

Bảng 06: Chỉ tiêu sử dụng các loại đất trong năm kế hoạch 2025

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2024		Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Điều chỉnh quy hoạch SDD được duyệt (ha)		Biến động diện tích	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Biến động diện tích 2025/2024	Biến động diện tích 2030/2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)-(4)	(11)=(8)-(6)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		81.117,52	100,00	81.117,52	100,00	81.117,52	100,00		
1	Đất nông nghiệp	NNP	75.973,07	93,66	75.870,33	93,53	77.387,00	95,40	-102,74	1.516,67
	<i>Trong đó:</i>									
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.927,03	3,61	2.902,31	3,58	3.003,00	3,70	-24,72	100,69
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	904,18	1,11	889,44	1,10	900,00	1,11	-14,75	10,56
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	2.022,85	2,49	2.012,88	2,48	2.103,00	2,59	-9,97	90,12
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	10.062,30	12,40	10.033,04	12,37	8.833,44	10,89	-29,26	-1.199,60
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	373,09	0,46	371,07	0,46	1.351,00	1,67	-2,02	979,93
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	48.014,57	59,19	47.969,86	59,14	41.731,00	51,45	-44,71	-6.238,86
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.308,94	1,61	1.308,94	1,61	1.465,00	1,81		156,06
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	13.240,36	16,32	13.238,67	16,32	20.940,00	25,81	-1,69	7.701,33
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>8.922,12</i>	<i>11,00</i>	<i>8.922,12</i>	<i>11,00</i>	<i>7.474,00</i>	<i>9,21</i>		<i>-1.448,12</i>
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	46,74	0,06	46,39	0,06	51,34	0,06	-0,35	4,95
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT								
1.11	Đất làm muối	LMU								
1.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,04	0,00	0,04	0,00	12,22	0,02		12,18
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.679,62	3,30	2.818,66	3,47	3.505,00	4,32	139,03	686,34

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2024		Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Điều chỉnh quy hoạch SDD được duyệt (ha)		Biến động diện tích	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Biến động diện tích 2025/2024	Biến động diện tích 2030/2025
	Trong đó:									
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	504,60	0,62	506,87	0,62	532,00	0,66	2,27	25,13
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	61,45	0,08	63,22	0,08	87,00	0,11	1,77	23,78
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,37	0,02	14,61	0,02	27,00	0,03	0,24	12,39
2.4	Đất quốc phòng	CQP	83,85	0,10	89,69	0,11	247,00	0,30	5,85	157,31
2.5	Đất an ninh	CAN	2,10	0,00	7,91	0,01	11,12	0,01	5,81	3,21
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	62,47	0,08	64,01	0,08	78,12	0,10	1,54	14,11
	Trong đó:									
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,55	0,00	2,00	0,00	4,00	0,00	1,45	2,00
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH								
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,44	0,01	5,37	0,01	6,00	0,01	-0,07	0,63
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,91	0,06	46,66	0,06	52,00	0,06	-0,25	5,34
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	9,33	0,01	9,87	0,01	15,00	0,02	0,54	5,13
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT								
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT								
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,24	0,00	0,12	0,00	1,12	0,00	-0,12	1,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	24,82	0,03	47,61	0,06	419,99	0,52	22,78	372,39
	Trong đó:									
-	Đất khu công nghiệp	SKK								
-	Đất cụm công nghiệp	SKN								
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	12,24	0,02	32,89	0,04	71,00	0,09	20,65	38,11
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,42	0,00	2,42	0,00	32,00	0,04		29,59
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	10,17	0,01	12,30	0,02	316,99	0,39	2,13	304,69
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.413,26	1,74	1.509,66	1,86	1.578,05	1,95	96,40	68,39
	Trong đó:									
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.248,50	1,54	1.345,20	1,66	1.380,00	1,70	96,70	34,80
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	63,09	0,08	62,16	0,08	69,00	0,09	-0,93	6,84
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,06	0,00	0,38	0,00			0,32	-0,38
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	84,27	0,10	84,27	0,10	99,00	0,12		14,73
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,61	0,01	4,61	0,01	8,00	0,01		3,39
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,79	0,00	0,82	0,00	1,00	0,00	0,03	0,18
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,57	0,00	0,57	0,00	2,00	0,00		1,43
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,67	0,01	4,94	0,01	6,00	0,01	0,27	1,07
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	6,71	0,01	6,71	0,01	13,05	0,02		6,34
2.9	Đất tôn giáo	TON								
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,63	0,01	4,35	0,01	4,35	0,01	-0,28	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	44,30	0,05	43,86	0,05	48,00	0,06	-0,44	4,14
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	463,75	0,57	466,66	0,58	471,34	0,58	2,91	4,68
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,03	0,00	0,21	0,00	1,03	0,00	0,18	0,82
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.464,83	3,04	2.428,54	2,99	225,52	0,28	-36,30	-2.203,02
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT								

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2024		Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Điều chỉnh quy hoạch SDD được duyệt (ha)		Biến động diện tích	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Biến động diện tích 2025/2024	Biến động diện tích 2030/2025
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	2.033,45	2,51	1.997,23	2,46	54,14	0,07	-36,22	-1.943,09
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	368,84	0,45	368,77	0,45	108,84	0,13	-0,08	-259,92
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	62,54	0,08	62,54	0,08	62,54	0,08		
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS								

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2025 là 75.870,33 ha. Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 75.870,25 ha, thực giảm 102,74 ha so với năm 2024. Trong đó giảm 102,82 ha do chuyển các loại đất:

⊕ Đất ở tại nông thôn	:	3,69 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	:	1,94 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,25 ha;
⊕ Đất quốc phòng	:	3,82 ha;
⊕ Đất an ninh	:	3,79 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	1,10 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	:	0,09 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	:	0,54 ha;
⊕ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,66 ha;
⊕ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	:	2,13 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	:	80,15 ha;
⊕ Đất công trình thủy lợi	:	0,27 ha;
⊕ Đất công trình cấp nước, thoát nước	:	0,27 ha;
⊕ Đất công trình năng lượng	:	0,04 ha;
⊕ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	:	0,28 ha;
⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng	:	3,61 ha;
⊕ Đất phi nông nghiệp khác	:	0,18 ha.

Đồng thời diện tích đất nông nghiệp tăng 0,08 ha do lấy từ đất ở tại nông thôn 0,08 ha.

Diện tích đất nông nghiệp phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	3.150,54	12	Xã Ngọc Đào	3.676,02
2	TT. Thông Nông	1.026,15	13	Xã Ngọc Động	3.583,17
3	Xã Cải Viên	3.057,88	14	Xã Nội Thôn	3.373,80
4	Xã Cản Nông	2.559,60	15	Xã Quý Quân	2.624,31
5	Xã Cản Yên	4.339,96	16	Xã Sóc Hà	3.053,83
6	Xã Đa Thông	4.950,81	17	Xã Thanh Long	4.871,81

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
7	Xã Hồng Sỹ	3.237,73	18	Xã Thượng Thôn	4.536,45
8	Xã Lũng Nặm	4.397,06	19	Xã Tổng Cột	2.873,52
9	Xã Lương Can	2.927,64	20	Xã Trường Hà	4.518,93
10	Xã Lương Thông	6.917,83	21	Xã Yên Sơn	2.778,61
11	Xã Mã Ba	3.414,68			

Biến động các loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: năm 2025 là 2.902,31 ha. Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 2.902,31 ha, giảm 24,72 ha so với năm 2024. Trong đó:

⊕ Đất trồng cây hàng năm khác	: 0,04 ha;
⊕ Đất trồng cây lâu năm	: 0,22 ha;
⊕ Đất ở tại nông thôn	: 1,99 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 1,59 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,21 ha;
⊕ Đất quốc phòng	: 0,74 ha;
⊕ Đất an ninh	: 2,09 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 0,88 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	: 0,03 ha;
⊕ Đất thương mại, dịch vụ	: 0,60 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 16,03 ha;
⊕ Đất công trình thủy lợi	: 0,12 ha;
⊕ Đất công trình năng lượng	: 0,01 ha;
⊕ Đất phi nông nghiệp khác	: 0,17 ha.

Diện tích đất trồng lúa phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	254,22	12	Xã Ngọc Đào	494,45
2	TT. Thông Nông	58,34	13	Xã Ngọc Động	78,96
3	Xã Cải Viên	27,57	14	Xã Nội Thôn	2,76
4	Xã Cản Nông	92,58	15	Xã Quý Quân	76,99
5	Xã Cản Yên	270,98	16	Xã Sóc Hà	193,48
6	Xã Đa Thông	262,53	17	Xã Thanh Long	233,78
7	Xã Hồng Sỹ	1,95	18	Xã Thượng Thôn	7,26
8	Xã Lũng Nặm	144,50	19	Xã Tổng Cột	18,15
9	Xã Lương Can	261,24	20	Xã Trường Hà	243,99
10	Xã Lương Thông	165,19	21	Xã Yên Sơn	13,40
11	Xã Mã Ba				

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước năm 2025 là 889,44 ha, không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 889,44 ha, giảm 14,75 ha so với năm 2024. Trong đó: Giảm 14,75 ha, do chuyển sang:

⊕ Đất ở tại nông thôn	: 0,37 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 1,36 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,21 ha;
⊕ Đất an ninh	: 0,48 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 0,84 ha;
⊕ Đất thương mại dịch vụ	: 0,03 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 11,29 ha;
⊕ Đất xây dựng công trình năng lượng	: 0,01 ha;
⊕ Đất phi nông nghiệp khác	: 0,17 ha.

Diện tích đất chuyên trồng lúa nước phân bổ tại: Thị trấn Xuân Hòa 164,88 ha; Thị trấn Thông Nông 24,53 ha; Xã Càn Nông 3,20 ha; Xã Đa Thông 199,73 ha; Xã Hồng Sỹ 1,73 ha; Xã Lương Can 81,83 ha; Xã Ngọc Đào 222,44 ha; Xã Quý Quân 32,63 ha; Xã Sóc Hà 0,47 ha; Xã Thanh Long 0,77 ha; Xã Thượng Thôn 1,58 ha; Xã Trường Hà 155,65 ha.

- Đất trồng cây hằng năm khác: Năm 2025 là 10.033,04 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 10.032,92 ha, thực giảm 29,26 ha so với năm 2024. Trong đó:

Giảm: 29,37 ha do chuyển sang đất:

⊕ Đất ở tại nông thôn	: 1,43 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 0,21 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,04 ha;
⊕ Đất quốc phòng	: 2,03 ha;
⊕ Đất an ninh	: 1,09 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 0,12 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	: 0,06 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	: 0,54 ha;
⊕ Đất thương mại, dịch vụ	: 0,06 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 19,76 ha;
⊕ Đất công trình thủy lợi	: 0,15 ha;
⊕ Đất công trình cấp nước, thoát nước	: 0,21 ha;
⊕ Đất công trình năng lượng	: 0,02 ha;
⊕ Đất chợ	: 0,28 ha;
⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng	: 3,37 ha;
⊕ Đất phi nông nghiệp khác	: 0,005 ha.

Đồng thời tăng 0,12 ha lấy từ đất trồng lúa 0,04 ha, đất ở tại nông thôn 0,08 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	89,89	12	Xã Ngọc Đào	151,76
2	TT. Thông Nông	137,24	13	Xã Ngọc Động	516,53
3	Xã Cải Viên	567,38	14	Xã Nội Thôn	651,85
4	Xã Cản Nông	272,27	15	Xã Quý Quân	190,53
5	Xã Cản Yên	477,22	16	Xã Sóc Hà	234,70
6	Xã Đa Thông	627,71	17	Xã Thanh Long	695,29
7	Xã Hồng Sỹ	857,13	18	Xã Thượng Thôn	1.044,03
8	Xã Lũng Nặm	588,64	19	Xã Tổng Cột	552,75
9	Xã Lương Can	150,44	20	Xã Trường Hà	270,87
10	Xã Lương Thông	903,57	21	Xã Yên Sơn	317,49
11	Xã Mã Ba	735,75			

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2025 là 371,07 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 370,85 ha, thực giảm 2,02 ha so với năm 2024 trong đó:

Giảm 2,24 ha do chuyển sang đất:

⊕ Đất ở tại nông thôn	: 0,18 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 0,12 ha;
⊕ Đất quốc phòng	: 0,13 ha;
⊕ Đất an ninh	: 0,40 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 0,002 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 1,37 ha;
⊕ Đất công trình cấp nước, thoát nước	: 0,03 ha;
⊕ Đất xây dựng công trình năng lượng	: 0,0004 ha.

Đồng thời tăng 0,22 ha lấy từ đất trồng lúa 0,22 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	30,80	12	Xã Ngọc Đào	34,08
2	TT. Thông Nông	37,84	13	Xã Ngọc Động	5,21
3	Xã Cải Viên	3,88	14	Xã Nội Thôn	2,54
4	Xã Cản Nông	3,88	15	Xã Quý Quân	7,99
5	Xã Cản Yên	20,85	16	Xã Sóc Hà	42,86
6	Xã Đa Thông	22,25	17	Xã Thanh Long	12,29
7	Xã Hồng Sỹ	10,70	18	Xã Thượng Thôn	14,17
8	Xã Lũng Nặm	33,03	19	Xã Tổng Cột	4,69
9	Xã Lương Can	21,60	20	Xã Trường Hà	20,33

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
10	Xã Lương Thông	12,55	21	Xã Yên Sơn	11,81
11	Xã Mã Ba	17,73			

- Đất rừng phòng hộ: Năm 2025 là 47.969,86 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 47.969,86 ha, giảm 44,71 ha so với năm 2024 do chuyển sang:

⊕ Đất quốc phòng	: 0,83 ha;
⊕ Đất an ninh	: 0,20 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 0,05 ha;
⊕ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	: 2,13 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 41,21 ha;
⊕ Đất công trình cấp nước, thoát nước	: 0,03 ha;
⊕ Đất công trình năng lượng	: 0,01 ha;
⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng	: 0,24 ha.

Diện tích đất rừng phòng hộ phân bổ tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	565,60	12	Xã Ngọc Đào	2.127,62
2	TT. Thông Nông	473,72	13	Xã Ngọc Động	2.982,23
3	Xã Cải Viên	2.277,31	14	Xã Nội Thôn	2.257,00
4	Xã Cản Nông	1.904,73	15	Xã Quý Quân	1.617,75
5	Xã Cản Yên	2.875,85	16	Xã Sóc Hà	2.044,64
6	Xã Đa Thông	1.826,64	17	Xã Thanh Long	2.964,05
7	Xã Hồng Sỹ	2.158,34	18	Xã Thượng Thôn	3.393,25
8	Xã Lũng Nặm	3.338,15	19	Xã Tổng Cột	2.087,79
9	Xã Lương Can	877,62	20	Xã Trường Hà	2.375,46
10	Xã Lương Thông	5.035,72	21	Xã Yên Sơn	2.125,22
11	Xã Mã Ba	2.661,20			

- Đất rừng đặc dụng: Năm 2025 là 1.308,94 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 1.308,94 ha, không biến động so với năm 2024. Diện tích đất rừng đặc dụng phân bổ tại xã Trường Hà 1.308,94 ha.

- Đất rừng sản xuất: Năm 2025 là 13.238,67 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 13.238,67 ha, giảm 1,69 ha so với năm 2024. Trong đó giảm 0,63 ha do chuyển sang đất:

⊕ Đất quốc phòng	: 0,02 ha;
------------------	------------

- ⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá : 0,06 ha;
- ⊕ Đất công trình giao thông : 1,61 ha;
- ⊕ Đất công trình năng lượng : 0,001 ha.

Diện tích đất rừng sản xuất phân bổ tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	2.204,29	12	Xã Ngọc Đào	853,44
2	TT. Thông Nông	317,03	13	Xã Ngọc Động	
3	Xã Cải Viên	181,59	14	Xã Nội Thôn	459,65
4	Xã Cản Nông	285,91	15	Xã Quý Quân	729,85
5	Xã Cản Yên	692,32	16	Xã Sóc Hà	534,64
6	Xã Đa Thông	2.208,56	17	Xã Thanh Long	964,37
7	Xã Hồng Sỹ	209,49	18	Xã Thượng Thôn	77,68
8	Xã Lũng Nặm	292,48	19	Xã Tổng Cột	209,78
9	Xã Lương Can	1.614,23	20	Xã Trường Hà	293,94
10	Xã Lương Thông	798,94	21	Xã Yên Sơn	310,49
11	Xã Mã Ba				

Trong đó: Đất có rừng là rừng sản xuất tự nhiên đến năm 2025 là 8.922,12 ha. Diện tích đất có rừng là rừng sản xuất tự nhiên phân bổ tại: Thị trấn Xuân Hòa 1.961,48 ha; Thị trấn Thông Nông 308,20 ha; Xã Cải Viên 52,67 ha; Xã Cản Nông 97,03 ha; Xã Cản Yên 412,27 ha; Xã Đa Thông 1.587,50 ha; Xã Hồng Sỹ 105,22 ha; Xã Lũng Nặm 146,54 ha; Xã Lương Can 791,70 ha; Xã Lương Thông 519,63 ha; Xã Ngọc Đào 633,34 ha; Xã Nội Thôn 238,40 ha; Xã Quý Quân 690,50 ha; Xã Sóc Hà 465,98 ha; Xã Thanh Long 324,98 ha; Xã Thượng Thôn 21,00 ha; Xã Tổng Cột 136,43 ha; Xã Trường Hà 249,35 ha; Xã Yên Sơn 179,90 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2025 là 46,39 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 46,39 ha, giảm 0,35 ha so với năm 2024. Trong đó:

Giảm 0,35 ha do chuyển sang đất:

- ⊕ Đất ở tại nông thôn : 0,09 ha;
- ⊕ Đất ở tại đô thị : 0,01 ha;
- ⊕ Đất quốc phòng : 0,07 ha;
- ⊕ Đất an ninh : 0,01 ha;
- ⊕ Đất công trình giao thông : 0,17 ha;
- ⊕ Đất phi nông nghiệp khác : 0,004 ha.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bổ tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	5,74	12	Xã Ngọc Đào	14,66
2	TT. Thông Nông	1,99	13	Xã Ngọc Động	0,25
3	Xã Cải Viên	0,15	14	Xã Nội Thôn	
4	Xã Cản Nông	0,22	15	Xã Quý Quân	1,20
5	Xã Cản Yên	2,69	16	Xã Sóc Hà	3,52
6	Xã Đa Thông	3,13	17	Xã Thanh Long	2,04
7	Xã Hồng Sỹ	0,13	18	Xã Thượng Thôn	0,06
8	Xã Lũng Nặm	0,26	19	Xã Tổng Cột	0,37
9	Xã Lương Can	2,51	20	Xã Trường Hà	5,41
10	Xã Lương Thông	1,86	21	Xã Yên Sơn	0,20
11	Xã Mã Ba				

- Đất nông nghiệp khác: Năm 2025 là 0,04 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 0,04 ha, không biến động so với năm 2024. Diện tích đất nông nghiệp khác phân bổ tại xã Cản Yên 0,04 ha.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2025 có 2.818,66 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 2.679,55 ha, thực tăng 139,03 ha so với năm 2024. Trong đó:

Tăng 139,11 ha do lấy từ đất:

⊕ Đất trồng lúa	: 24,46 ha;
⊕ Đất trồng cây hàng năm khác	: 29,37 ha;
⊕ Đất trồng cây lâu năm	: 2,24 ha;
⊕ Đất rừng phòng hộ	: 44,71 ha;
⊕ Đất rừng sản xuất	: 1,69 ha;
⊕ Đất nuôi trồng thủy sản	: 0,35 ha;
⊕ Đất chưa sử dụng	: 36,30 ha.

Đồng thời giảm 0,08 ha do chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 0,08 ha.

Diện tích đất phi nông nghiệp phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	238,37	12	Xã Ngọc Đào	269,65
2	TT. Thông Nông	103,39	13	Xã Ngọc Động	98,39
3	Xã Cải Viên	69,58	14	Xã Nội Thôn	63,55
4	Xã Cản Nông	83,63	15	Xã Quý Quân	66,93
5	Xã Cản Yên	182,67	16	Xã Sóc Hà	139,35

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
6	Xã Đa Thông	214,10	17	Xã Thanh Long	166,94
7	Xã Hồng Sỹ	111,11	18	Xã Thượng Thôn	115,06
8	Xã Lũng Nặm	113,63	19	Xã Tổng Cột	71,00
9	Xã Lương Can	118,38	20	Xã Trường Hà	276,03
10	Xã Lương Thông	180,98	21	Xã Yên Sơn	59,50
11	Xã Mã Ba	76,45			

Đất phi nông nghiệp được phân bổ cho các mục đích sau:

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2025 là 506,87 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 503,18 ha, thực tăng 2,27 ha so với năm 2024. Trong đó:

Tăng 3,69 ha do lấy từ các loại đất:

- ⊕ Đất trồng lúa : 1,99 ha;
- ⊕ Đất trồng cây hàng năm khác : 1,43 ha;
- ⊕ Đất trồng cây lâu năm : 0,18 ha;
- ⊕ Đất nuôi trồng thủy sản : 0,09 ha.

Đồng thời giảm 1,42 ha do chuyển các loại đất:

- ⊕ Đất trồng cây hàng năm khác : 0,08 ha;
- ⊕ Đất quốc phòng : 0,04 ha;
- ⊕ Đất giao thông : 1,30 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở trên địa bàn các xã. Cụ thể:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
1	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn	0,33	Xã Cầm Nông
		0,03	Xã Lũng Nặm
		0,04	Xã Lương Can
		0,14	Xã Lương Thông
		0,41	Xã Ngọc Đào
		0,43	Xã Ngọc Động
		0,05	Xã Quý Quân
		1,23	Xã Sóc Hà
		0,11	Xã Thanh Long
		0,24	Xã Tổng Cột
		0,55	Xã Trường Hà
		0,13	Xã Yên Sơn

Diện tích đất ở tại nông thôn phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa		12	Xã Ngọc Đào	59,61
2	TT. Thông Nông		13	Xã Ngọc Động	19,32
3	Xã Cải Viên	16,04	14	Xã Nội Thôn	14,61
4	Xã Cản Nông	19,00	15	Xã Quý Quân	14,64
5	Xã Cản Yên	32,51	16	Xã Sóc Hà	31,34
6	Xã Đa Thông	38,31	17	Xã Thanh Long	31,13
7	Xã Hồng Sỹ	23,52	18	Xã Thượng Thôn	33,50
8	Xã Lũng Nặm	23,11	19	Xã Tổng Cột	19,88
9	Xã Lương Can	19,26	20	Xã Trường Hà	36,58
10	Xã Lương Thông	38,10	21	Xã Yên Sơn	10,56
11	Xã Mã Ba	25,84			

- Đất ở tại đô thị: Năm 2025 là 63,22 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 60,65 ha, thực tăng 1,77 ha so với năm 2024. Trong đó: Tăng 2,58 ha do lấy từ đất:

- ⊕ Đất trồng lúa : 1,59 ha;
- ⊕ Đất trồng cây hàng năm khác : 0,21 ha;
- ⊕ Đất trồng cây lâu năm : 0,12 ha;
- ⊕ Đất nuôi trồng thủy sản : 0,01 ha;
- ⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,06 ha;
- ⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng : 0,07 ha;
- ⊕ Đất chưa sử dụng : 0,51 ha.

Đồng thời giảm 0,80 ha do chuyển sang đất:

- ⊕ Đất quốc phòng : 0,10 ha;
- ⊕ Đất an ninh : 0,12 ha;
- ⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá : 0,05 ha;
- ⊕ Đất công trình giao thông : 0,54 ha;
- ⊕ Đất công trình năng lượng : 0,0002 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện các công trình:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
1	Đầu giá Trụ sở làm việc của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hà Quảng (huyện Thông Nông cũ)	0,062	TT. Thông Nông
2	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị	0,721	TT. Xuân Hoà
		0,036	TT Thông Nông
3	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Diện tích 4,20 ha. Trong đó: Đất công trình giao thông 2,44 ha và Đất ở tại đô thị 1,76 ha)	1,760	TT. Xuân Hoà

Diện tích đất ở tại đô thị phân bổ tại thị trấn Xuân Hòa 39,87 ha, thị trấn Thông Nông 23,35 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2025 là 14,61 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 13,56 ha, thực tăng 0,24 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng 1,05 ha do lấy từ các loại đất:

- ⊕ Đất trồng lúa : 0,21 ha;
- ⊕ Đất trồng cây hàng năm khác : 0,04 ha;
- ⊕ Đất quốc phòng : 0,77 ha;
- ⊕ Đất chưa sử dụng : 0,03 ha.

Đồng thời giảm 0,81 ha do chuyển sang đất:

- ⊕ Đất ở tại đô thị : 0,06 ha.
- ⊕ Đất an ninh : 0,59 ha;
- ⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá : 0,04 ha;
- ⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo : 0,09 ha;
- ⊕ Đất công trình giao thông : 0,03 ha.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình:

+ Xây dựng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng: 0,28 ha.

+ Trụ sở UBND xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng: 0,77 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan phân bổ tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	5,58	12	Xã Ngọc Đào	0,40
2	TT. Thông Nông	1,88	13	Xã Ngọc Động	0,20
3	Xã Cải Viên	0,36	14	Xã Nội Thôn	0,15
4	Xã Cản Nông	0,20	15	Xã Quý Quân	0,15
5	Xã Cản Yên	0,44	16	Xã Sóc Hà	1,23
6	Xã Đa Thông	0,22	17	Xã Thanh Long	0,14
7	Xã Hồng Sỹ	0,69	18	Xã Thượng Thôn	0,47
8	Xã Lũng Nặm	0,10	19	Xã Tổng Cột	0,81
9	Xã Lương Can	0,10	20	Xã Trường Hà	0,42
10	Xã Lương Thông	0,14	21	Xã Yên Sơn	0,13
11	Xã Mã Ba	0,80			

- Đất quốc phòng: Đến năm 2025 là 89,69 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 82,76 ha, thực tăng 5,85 ha so với năm 2024. Trong đó diện tích tăng 6,94 ha do lấy từ đất:

⊕ Đất trồng lúa	: 0,74 ha;
⊕ Đất trồng cây hàng năm khác	: 2,03 ha;
⊕ Đất trồng cây lâu năm	: 0,13 ha;
⊕ Đất rừng phòng hộ	: 0,83 ha;
⊕ Đất rừng sản xuất	: 0,02 ha;
⊕ Đất nuôi trồng thủy sản	: 0,07 ha;
⊕ Đất ở tại nông thôn	: 0,04 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 0,10 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	: 0,01 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 0,31 ha;
⊕ Đất công trình thủy lợi	: 0,02 ha;
⊕ Đất bằng chưa sử dụng	: 2,63 ha.

Đồng thời giảm 1,09 ha. Do chuyển sang đất: Đất giao thông 0,32 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,77 ha.

Đất quốc phòng được phân bổ trên địa bàn các xã:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	11,07	12	Xã Ngọc Đào	
2	TT. Thông Nông	4,09	13	Xã Ngọc Động	2,27
3	Xã Cải Viên	0,22	14	Xã Nội Thôn	0,03
4	Xã Cản Nông	0,10	15	Xã Quý Quân	0,01
5	Xã Cản Yên	6,00	16	Xã Sóc Hà	9,63
6	Xã Đa Thông	2,33	17	Xã Thanh Long	
7	Xã Hồng Sỹ		18	Xã Thượng Thôn	
8	Xã Lũng Nặm	5,97	19	Xã Tổng Cột	4,38
9	Xã Lương Can		20	Xã Trường Hà	43,31
10	Xã Lương Thông	0,30	21	Xã Yên Sơn	
11	Xã Mã Ba				

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình: Đầu tư xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng/Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1 diện tích 3,35 ha. Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình trong căn cứ chiến đấu huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 0,07 ha. Xây dựng chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 3,52 ha.

- Đất an ninh: Đến năm 2025 là 7,91 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 2,10 ha, tăng 5,81 ha so với năm 2024. Diện tích tăng lên do lấy từ đất:

⊕ Đất trồng lúa	: 2,09 ha;
⊕ Đất trồng cây hàng năm khác	: 1,09 ha;
⊕ Đất trồng cây lâu năm	: 0,40 ha;
⊕ Đất rừng phòng hộ	: 0,20 ha;
⊕ Đất nuôi trồng thủy sản	: 0,01 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 0,12 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,59 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở y tế	: 0,07 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	: 0,33 ha;
⊕ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	: 0,12 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 0,29 ha;
⊕ Đất bằng chưa sử dụng	: 0,50 ha.

Đất an ninh được phân bổ trên địa bàn thị trấn Xuân Hòa 4,77 ha, thị trấn Thông Nông 0,85 ha, xã Cải Viên 0,05 ha, xã Cần Nông 0,23 ha, xã Cần Yên 0,10 ha, xã Đa Thông 0,07 ha, xã Hồng Sỹ 0,20 ha, xã Lũng Nặm 0,09 ha, xã Lương Can 0,10 ha, xã Lương Thông 0,08 ha, xã Mã Ba 0,07 ha, xã Ngọc Đào 0,05 ha, xã Ngọc Động 0,12 ha, xã Nội Thôn 0,14 ha, xã Quý Quân 0,20 ha, xã Sóc Hà 0,16 ha, xã Thanh Long 0,20 ha, xã Thượng Thôn 0,14 ha, xã Tổng Cột 0,06 ha, xã Trường Hà 0,10 ha, xã Yên Sơn 0,13 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình: Cải tạo mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng thuộc Công an tỉnh Cao Bằng tại thị trấn Xuân Hoà 4,20 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Trường Hà 0,10 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Sóc Hà 0,16 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Lũng Nặm 0,09 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Cần Yên 0,10 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Cần Nông 0,23 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Cải Viên 0,05 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Tổng Cột 0,06 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Nội Thôn 0,14 ha. Trụ sở làm việc công an xã Thanh Long 0,20 ha. Trụ sở làm việc công an xã Yên Sơn 0,13 ha. Trụ sở làm việc công an xã Lương Thông 0,08 ha. Trụ sở làm việc công an xã Quý Quân 0,20 ha. Trụ sở làm việc công an xã Đa Thông 0,07 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Lương Can 0,10 ha. Trụ sở làm việc Công an thị trấn Xuân Hòa 0,13 ha. Trụ sở làm việc Công an thị trấn Thông Nông 0,12 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Hồng Sỹ 0,20 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Mã Ba 0,07 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Ngọc Đào 0,05 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Ngọc Động 0,12 ha. Trụ sở làm việc Công an xã Thượng Thôn 0,14 ha.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Đến năm 2025 là 64,01 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 61,75 ha, thực tăng 1,54 ha so với năm 2024. Trong đó diện tích tăng 2,26 ha do lấy từ đất:

⊕ Đất trồng lúa	: 0,91 ha;
⊕ Đất trồng cây hàng năm khác	: 0,72 ha;
⊕ Đất trồng cây lâu năm	: 0,002 ha;
⊕ Đất rừng phòng hộ	: 0,05 ha;
⊕ Đất rừng sản xuất	: 0,06 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 0,05 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,13 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	: 0,09 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 0,03 ha;
⊕ Đất công trình thủy lợi	: 0,01 ha;
⊕ Đất tín ngưỡng	: 0,08 ha;
⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng	: 0,004 ha.
⊕ Đất bằng chưa sử dụng	: 0,15 ha.

Đồng thời giảm 0,72 ha. Do chuyển sang đất: Đất quốc phòng 0,01 ha; Đất an ninh 0,52 ha; Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,09 ha; Đất giao thông 0,10 ha;

Đất xây dựng công trình sự nghiệp được phân bổ trên địa bàn các xã:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	9,95	12	Xã Ngọc Đào	4,13
2	TT. Thông Nông	5,33	13	Xã Ngọc Động	1,66
3	Xã Cải Viên	2,26	14	Xã Nội Thôn	1,35
4	Xã Càn Nông	1,52	15	Xã Quý Quân	1,98
5	Xã Càn Yên	3,28	16	Xã Sóc Hà	1,69
6	Xã Đa Thông	3,03	17	Xã Thanh Long	2,17
7	Xã Hồng Sỹ	2,47	18	Xã Thượng Thôn	5,18
8	Xã Lũng Nặm	3,99	19	Xã Tổng Cột	2,53
9	Xã Lương Can	1,97	20	Xã Trường Hà	4,22
10	Xã Lương Thông	2,08	21	Xã Yên Sơn	1,49
11	Xã Mã Ba	1,74			

Chi tiết các loại trong đất xây dựng công trình sự nghiệp như sau:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá: Năm 2025 là 2,00 ha, thực tăng 1,45 ha so với năm 2024. Trong đó tăng 1,47 ha do lấy từ đất:

⊕ Đất trồng lúa	: 0,88 ha;
⊕ Đất trồng hằng năm khác	: 0,12 ha;
⊕ Đất trồng cây lâu năm	: 0,002 ha;

⊕ Đất rừng phòng hộ	: 0,05 ha;
⊕ Đất rừng sản xuất	: 0,06 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 0,05 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,04 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	: 0,09 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	: 0,03 ha;
⊕ Đất công trình thủy lợi	: 0,01 ha;
⊕ Đất tín ngưỡng	: 0,08 ha;
⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng	: 0,004 ha;
⊕ Đất bằng chưa sử dụng	: 0,08 ha.

Đồng thời đất xây dựng cơ sở văn hoá giảm 0,02 ha do chuyển sang đất: Đất quốc phòng 0,01 ha. Đất giao thông 0,01 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
1	Ổn định dân cư xóm Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Diện tích 2,094 ha. Trong đó: Đất công trình giao thông 1,999 ha. Đất công trình cấp nước, thoát nước 0,020 ha. Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,075)	0,075	Xã Cải Viên
2	Xây mới nhà văn hóa xóm Đào Bắc, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
3	Xây mới nhà văn hóa xóm Kéo Chang, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
4	Nhà văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Bao gồm cả phần đường giao thông vào Nhà văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng)	1,03	TT Xuân Hoà
5	Nâng cấp nhà văn hóa xóm Địa Long, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,09	Xã Sóc Hà
6	Nhà bia tưởng niệm xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Quý Quân
7	Xây mới nhà văn hóa xóm Mai Nưa, Thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng	0,02	TT Xuân Hoà
8	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa Tổ phố 2, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	0,02	TT Thông Nông
9	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa Tổ phố 3, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	0,01	TT Thông Nông
10	Xây mới nhà văn hóa Tổ phố 5, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	0,02	TT Thông Nông
11	Xây mới nhà văn hóa Tổ phố 6, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	0,04	TT Thông Nông
12	Quy hoạch nhà văn hóa xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Thượng Thôn

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Năm 2025 là 5,37 ha, giảm 0,07 ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang: Đất an ninh 0,07 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo: Năm 2025 là 46,66 ha, thực giảm 0,25 ha so với năm 2024.

Trong đó diện tích giảm 0,50 ha do chuyển sang đất: Đất an ninh 0,33 ha. Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,09 ha. Đất công trình giao thông 0,09 ha.

Đồng thời tăng 0,25 ha do lấy từ đất: Đất trồng lúa 0,03 ha. Đất trồng cây hàng năm khác 0,06 ha. Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,09 ha. Đất bằng chưa sử dụng 0,07 ha. Diện tích tăng lên do thực hiện công trình:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
1	Trường PT Dân tộc bán trú TH&THCS Bình Lãng, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Thanh Long
2	Trường mầm non Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,20	Xã Trường Hà
3	Trường THCS Đào Ngạn, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Ngọc Đào

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Năm 2025 là 9,87 ha, tăng 0,54 ha so với năm 2024. Diện tích tăng do lấy từ đất:

⊕ Đất trồng cây hàng năm khác : 0,54 ha;

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình: Sân vận động xã Đa Thông, huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng diện tích 0,54 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Năm 2025 là 0,12 ha, giảm 0,12 ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất: Đất an ninh 0,12 ha.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Năm 2025 là 47,61 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 24,82 ha, tăng 22,78 ha so với năm 2024. Diện tích tăng do lấy từ đất:

⊕ Đất trồng lúa : 0,60 ha;

⊕ Đất trồng hằng năm khác : 0,06 ha;

⊕ Đất rừng phòng hộ : 2,13 ha;

⊕ Đất bằng chưa sử dụng : 19,99 ha.

Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp được phân bổ trên địa bàn các xã: Thị trấn Xuân Hoà 9,18 ha, thị trấn Thông Nông 2,84 ha, xã Cần Yên 0,06 ha, xã Đa Thông 0,18 ha, xã Lũng Nặm 0,01 ha, xã Ngọc Đào 5,15 ha, xã Ngọc Động 0,99 ha, xã Sóc Hà 8,18 ha, xã Thanh Long 20,14 ha, xã Thượng Thôn 0,36 ha, xã Tổng Cọt 0,08 ha, xã Trường Hà 0,44 ha.

Chi tiết các loại trong đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp như sau:

+ Đất thương mại, dịch vụ: Đến năm 2025 là 32,89 ha, diện tích không

thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 12,24 ha, tăng 20,65 ha so với năm 2024. Diện tích tăng do lấy từ đất:

- ⊕ Đất trồng lúa : 0,60 ha;
- ⊕ Đất trồng cây hằng năm khác : 0,06 ha;
- ⊕ Đất bằng chưa sử dụng : 19,99 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện các công trình và đăng ký chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ: Điểm du lịch Bãi Tình tại xã Thanh Long (giai đoạn 1) diện tích 20,00 ha. Hỗ trợ đầu tư du lịch cộng đồng tại Năm Ngựa, xã Ngọc Động (giai đoạn 2) diện tích 0,58 ha. Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ xã Trường Hà 0,07 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2025 là 2,42 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch 2,42 ha, không biến động so với năm 2024.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Năm 2025 là 12,30 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 10,17 ha, tăng 2,13 ha so với năm 2024. Diện tích tăng do lấy từ đất: Đất rừng phòng hộ 2,13 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện các công trình: Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Bản Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 2,134 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Năm 2025 là 1.509,66 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch 1.411,16 ha, thực tăng 96,40 ha so với năm 2024.

Trong đó diện tích tăng 98,50 ha do lấy từ các loại đất:

- ⊕ Đất trồng lúa : 16,15 ha;
- ⊕ Đất trồng hằng năm khác : 20,42 ha;
- ⊕ Đất trồng cây lâu năm : 1,40 ha;
- ⊕ Đất rừng phòng hộ : 41,26 ha;
- ⊕ Đất rừng sản xuất : 1,61 ha;
- ⊕ Đất nuôi trồng thủy sản : 0,17 ha;
- ⊕ Đất ở tại nông thôn : 1,30 ha;
- ⊕ Đất ở tại đô thị : 0,54 ha;
- ⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,03 ha;
- ⊕ Đất quốc phòng : 0,32 ha;
- ⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá : 0,01 ha;
- ⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo : 0,09 ha;
- ⊕ Đất công trình giao thông : 0,003 ha;
- ⊕ Đất công trình thủy lợi : 1,42 ha;
- ⊕ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng : 0,01 ha;
- ⊕ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối : 0,01 ha;
- ⊕ Đất tín ngưỡng : 0,21 ha;

- ⊕ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; : 0,44 ha;
đất cơ sở lưu giữ tro cốt
- ⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng : 0,77 ha;
- ⊕ Đất bằng chưa sử dụng : 12,26 ha.

Đồng thời giảm 2,10 ha. Do chuyển sang đất: Đất quốc phòng 0,33 ha; Đất an ninh 0,29 ha; Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,04 ha; Đất giao thông 1,44 ha; Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,003 ha;

Diện tích sử dụng vào mục đích công cộng phân bổ tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	117,38	12	Xã Ngọc Đào	136,90
2	TT. Thông Nông	35,74	13	Xã Ngọc Động	58,47
3	Xã Cải Viên	47,35	14	Xã Nội Thôn	41,33
4	Xã Cản Nông	48,83	15	Xã Quý Quân	33,78
5	Xã Cản Yên	113,44	16	Xã Sóc Hà	50,34
6	Xã Đa Thông	109,75	17	Xã Thanh Long	82,98
7	Xã Hồng Sỹ	79,88	18	Xã Thượng Thôn	68,51
8	Xã Lũng Nặm	67,72	19	Xã Tổng Cột	37,77
9	Xã Lương Can	48,69	20	Xã Trường Hà	157,08
10	Xã Lương Thông	85,10	21	Xã Yên Sơn	45,24
11	Xã Mã Ba	43,36			

Biến động cụ thể các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng như sau:

+ Đất giao thông: Năm 2025 là 1.345,20 ha, thực tăng 96,70 ha so với năm 2024. Diện tích tăng 97,34 ha do lấy từ các loại đất:

- ⊕ Đất trồng lúa : 16,03 ha;
- ⊕ Đất trồng cây hằng năm khác : 19,76 ha;
- ⊕ Đất trồng cây lâu năm : 1,37 ha;
- ⊕ Đất rừng phòng hộ : 41,21 ha;
- ⊕ Đất rừng sản xuất : 1,61 ha;
- ⊕ Đất nuôi trồng thủy sản : 0,17 ha;
- ⊕ Đất ở tại nông thôn : 1,30 ha;
- ⊕ Đất ở tại đô thị : 0,54 ha;
- ⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,03 ha;
- ⊕ Đất quốc phòng : 0,32 ha;
- ⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá : 0,01 ha;
- ⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo : 0,09 ha;
- ⊕ Đất công trình thủy lợi : 1,42 ha;
- ⊕ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng : 0,01 ha;

⊕ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	: 0,01 ha;
⊕ Đất tín ngưỡng	: 0,21 ha;
⊕ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	: 0,44 ha;
⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng	: 0,67 ha;
⊕ Đất bằng chưa sử dụng	: 12,06 ha;
⊕ Đất đồi núi chưa sử dụng	: 0,08 ha.

Đồng thời đất giao thông giảm 0,63 ha. Do chuyển sang các loại đất: Đất quốc phòng 0,31 ha. Đất an ninh 0,29 ha. Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,03 ha. Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,003 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp, xã)
1	Dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Cần Yên), huyện Hà Quảng	7,97	Xã Cần Yên
		9,99	Xã Lương Thông
		16,75	Xã Đa Thông
		2,08	TT Thông Nông
2	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Diện tích 4,20 ha. Trong đó: Đất công trình giao thông 2,44 ha và Đất ở tại đô thị 1,76 ha)	2,44	TT Xuân Hoà
3	Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	21,52	TT Xuân Hoà
		5,20	Xã Trường Hà
4	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Làng Lỷ, Nội Thôn - Xóm Bản Khèng, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng	0,97	Xã Nội Thôn
		0,85	Xã Cải Viên
5	Đường GTNT UBND xã - Hoà Trung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Ngọc Động
6	Đường nội đồng Đà Sa - Nà Khau, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,33	Xã Đa Thông
7	Đường nội đồng Phai Piêu - Bản Chang, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Đa Thông
8	Nâng cấp đường GTNT loại C từ nhà bia tường niệm đến nhóm Cô Mười (Xóm Nậm Đin), xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,04	Xã Cải Viên
9	Đường Làng Can - Roọng Thốc, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Lương Can
10	Đường giao thông nội đồng xóm Lũng Pươi, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,02	Xã Sóc Hà
11	Mở mới đường GTNT Lũng Chang - Lũng Khoen xóm Độc Kít xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,63	Xã Ngọc Đào
12	Đổ bê tông đường nội đồng (Nà Vừ), xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Ngọc Đào
13	Đổ bê tông đường GTNT (Tín Đeng-Bó Mèo Vắn) xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,15	Xã Ngọc Đào

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp, xã)
14	Đổ bê tông đường nội đồng Bó Khuất -Thôm Nưa, xóm Kéo Chang, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng	0,07	Xã Ngọc Đào
15	Đường GTNT Lũng Xám, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Quý Quân
16	Đường giao thông liên xã: Xã Lương Can - TT. Thông Nông - Xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3,07	TT Thông Nông
		0,24	Xã Đa Thông
17	Nâng cấp đường GTNT Lũng Bông-Khau Sỏ, xóm Lũng Bông, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,60	Xã Hồng Sỹ
18	Mở mới đường GTNT từ Làng Linh đến Lũng Mênh, xóm Lũng Ngàn, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,18	Xã Hồng Sỹ
19	Đường nội đồng Cốc Chia - Nhà Tẻ, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Đa Thông
20	Đường GTNT Cột Nưa - Lũng Mẩn, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,11	Xã Tổng Cột
21	Đường giao thông liên xã Hồng Sỹ - Tổng Cột, huyện Hà Quảng (Lũng Lặc Hồng Sỹ - Thiêng Ngoạ, xã Tổng Cột)	0,08	Xã Tổng Cột
		0,05	Xã Hồng Sỹ
22	Đường GTNT Lũng Đa - Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Cải Viên
23	Bê tông đường GTNT Cha Vạc - nhóm Cô Phầy, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng	0,07	Xã Cải Viên
24	Đường GTNT liên xã: Pó Dài xã Nội Thôn - Tả Cán xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,25	Xã Nội Thôn
25	Đường GTNT từ nhóm Pò Tán sang Lũng Nặm xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,06	Xã Lũng Nặm
26	Mở mới đường GTNT Lũng In-Lũng Chấn, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Lũng Nặm
27	Bê tông tuyến Cả Thỏ-Nặm Nà, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,06	Xã Thượng Thôn
28	Đường GTNT Mũng Mùn-Tràng Đi, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Thượng Thôn
29	Đường GTNT Mạ Rạng-Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,12	Xã Mã Ba
30	Đường GTNT Lũng Niềng - Lũng Nội, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,09	Xã Mã Ba
31	Đường GTNT Vải Thai - Pèng, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Yên Sơn
32	Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn	5,19	Xã Thanh Long
		6,84	Xã Yên Sơn
33	Đường nội đồng Bản Gải - Bó Rạng, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Cản Yên
34	Đường GTNT nội đồng xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,39	Xã Cản Yên
35	Đường giao thông Khuổi Điều, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Lương Can
36	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Bản Láp, xã Quý Quân - Nhà Cháo, Lũng Mật, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Sóc Hà

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp, xã)
37	Đường giao thông Nà Đuôn (nối tiếp) và xây mới cầu vượt lũ Nà Đuôm - Nà Đin xóm Nà Nghiêng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,05	Xã Sóc Hà
38	Ổn định dân cư xóm Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Diện tích 2,094 ha. Trong đó: Đất công trình giao thông 1,999 ha. Đất công trình cấp nước, thoát nước 0,020 ha. Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,075)	1,999	Xã Cải Viên
39	Ổn định dân cư xóm Ngườm Vải, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3,614	Xã Nội Thôn
40	Nâng cấp, mở rộng đường liên xóm từ Quốc lộ 4A đến Giăng Hán – Kéo Sỷ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2,581	Xã Tổng Cột
41	Mở mới tuyến đường Tả Cáp – Nà Ca, xã Cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	4,417	Xã Cần Nông
42	Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	4,29	TT Xuân Hoà
		4,26	Xã Quý Quân
		4,72	Xã Đa Thông
		1,23	TT Thông Nông
43	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Nà Giảo, Ngọc Đào - Làng Linh, Hồng Sỷ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,25	Xã Ngọc Đào
		0,15	Xã Hồng Sỷ
44	Đường giao thông xóm Lũng Lâu - Lũng Nái Trong, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,36	Xã Thượng Thôn
45	Mở mới đường giao thông liên xóm Bản Hoong - Nà Lặng, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,70	Xã Trường Hà
46	Đường GTNT NVH Nà Việt - Gạm Dầu, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Lương Can
47	Đường nội đồng Cốc Vường (Mở mới đoạn 150m - Bê tông toàn tuyến dài 446m)	0,06	Xã Sóc Hà
48	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ QL4A đến xóm Lũng Rai, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Nội Thôn
49	Mở mới đường GTNT Lũng Chuổng - Tiếng Lầm, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,26	Xã Nội Thôn
50	Đường nội đồng Kéo Sỷ - Lũng Cáo - Lũng Cáo Nhỏ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,33	Xã Tổng Cột
51	Đường GTNT nội đồng xóm Nà Giảo, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Ngọc Đào
52	Đường nội đồng Đồng Gà - Nà Dạng, xóm Bản Giăng, thị trấn Xuân Hoà, Hà Quảng, Cao Bằng	0,02	TT Xuân Hoà

+ Đất thủy lợi: Năm 2025 là 62,16 ha, thực giảm 0,93 ha so với năm 2024. Diện tích giảm 1,45 ha do chuyển sang các loại đất: Đất quốc phòng 0,02 ha. Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,01 ha. Đất công trình giao thông 1,42 ha.

Đồng thời diện tích đất thủy lợi tăng 0,52 ha do lấy từ đất:

- ⊕ Đất trồng lúa : 0,12 ha;
- ⊕ Đất trồng cây hàng năm khác : 0,15 ha;

⊕ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối : 0,10 ha;

⊕ Đất bằng chưa sử dụng : 0,15 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
1	Kè chống sạt lở xóm Dẻ Gà, Bản Lích, xã Lương Thông	0,15	Xã Lương Thông
2	Mương thủy lợi Rằng Hán xóm Kéo Sỹ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Tổng Cột
3	Mương thủy lợi xóm Cột Phố 01 tuyến Rằng Pú-Lũng Khuyen, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Tổng Cột
4	Mương Nà Tọ - Nà Cọn - Bó Tào (Đoạn nối tiếp mở mới 100m - Đổ bê tông toàn tuyến dài 300m - rộng 2m)	0,02	Xã Sóc Hà
5	Xây kè bờ suối xóm Cốc Vương, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Sóc Hà

+ Đất công trình cấp nước, thoát nước: Năm 2025 là 0,38 ha, tăng 0,32 ha so với năm 2024. Diện tích tăng 0,32 do lấy từ các loại đất:

⊕ Đất trồng cây hằng năm khác : 0,21 ha;

⊕ Đất trồng cây lâu năm : 0,03 ha;

⊕ Đất rừng phòng hộ : 0,03 ha;

⊕ Đất bằng chưa sử dụng : 0,05 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
1	Ổn định dân cư xóm Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Diện tích 2,094 ha. Trong đó: Đất công trình giao thông 1,999 ha. Đất công trình cấp nước, thoát nước 0,020 ha. Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,075)	0,02	Xã Cải Viên
2	Xây dựng bể nước SHTT nhóm hộ Cô Mười xóm Năm Đìn, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Cải Viên
3	Làm mới nước SHTT Nà Tôm, Quang Trung 2, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Lương Thông
4	Nước sinh hoạt xóm Lũng Tô, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Nội Thôn
5	Bể nước sinh hoạt tập trung xóm Rủ Rả, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Nội Thôn
6	Xây dựng bể nước xóm Làng Lý (Trưởng xóm 7)	0,02	Xã Nội Thôn
7	Xây dựng bể nước xóm Làng Lý (Giáp hộ Lý Thanh Bình)	0,02	Xã Nội Thôn
8	Xây dựng bể nước xóm Làng Lý (Giáp hộ Lý Tu A)	0,02	Xã Nội Thôn

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
9	Xây dựng bể nước xóm Làng Lý (Giáp hộ Bí thư xóm của xóm Làng Lý - Khu các hộ sâm canh trên địa bàn xã Lũng Nặm)	0,02	Xã Lũng Nặm
10	Bể nước công cộng xóm Ngườm Vài, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng	0,03	Xã Nội Thôn
11	Bể nước công cộng xóm Nhi Tảo, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng	0,03	Xã Nội Thôn
12	Bể nước công cộng xóm Cả Tiêng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Nội Thôn
13	Bể nước công cộng xóm Lũng Chuổng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Nội Thôn
14	Bể nước tập trung Lũng Loỏng, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Trường Hà
15	Bể nước tập trung Mã Líp, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Trường Hà
16	Bể nước tập trung Lũng Pìa, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Trường Hà

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Năm 2025 là 84,27 ha, không biến động so với năm 2024.

+ Đất công trình xử lý chất thải: Năm 2025 là 4,61 ha, không biến động so với năm 2024.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Năm 2025 là 0,82 ha, thực tăng 0,03 ha so với năm 2024. Diện tích tăng 0,05 do lấy từ các loại đất:

⊕ Đất trồng lúa	: 0,01 ha;
⊕ Đất trồng cây hằng năm khác	: 0,02 ha;
⊕ Đất trồng cây lâu năm	: 0,0004 ha;
⊕ Đất rừng phòng hộ	: 0,01 ha;
⊕ Đất rừng sản xuất	: 0,001 ha;
⊕ Đất ở tại đô thị	: 0,0002 ha;
⊕ Đất giao thông	: 0,003 ha;
⊕ Đất bằng chưa sử dụng	: 0,002 ha.

Đồng thời giảm 0,01 ha do chuyển sang đất: Đất công trình giao thông 0,01 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
1	Công trình: Xây dựng, cải tạo lưới điện huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng năm 2024	0,0008	Xã Càn Yên
		0,0044	Xã Lương Can
2	Xây dựng, cải tạo, CQT, nâng cao ĐTCCCCĐ, giảm TTĐN lưới điện khu vực huyện Hà Quảng, tỉnh	0,0052	TT Xuân Hoà
		0,0008	Xã Mã Ba

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
	Cao Bằng năm 2025	0,0120	Xã Nội Thôn
		0,0028	Xã Thanh Long
3	Điện sinh hoạt xóm Trà Phìn, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Lương Thông

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Năm 2025 là 0,57 ha, không biến động so với năm 2024.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Năm 2025 là 4,94 ha, thực tăng 0,27 ha so với năm 2024. Diện tích tăng 0,28 ha do lấy từ đất: Đất trồng cây hàng năm khác 0,28 ha.

Đồng thời đất chợ dân sinh, chợ đầu mối giảm 0,01 ha do chuyển sang đất: Đất công trình giao thông 0,01 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện công trình: Xây mới chợ Cản Yên, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng diện tích 0,28 ha.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Năm 2025 là 6,71 ha, không biến động so với năm 2024.

- Đất tín ngưỡng: Năm 2025 là 4,35 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 4,35 ha, giảm 0,28 ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất: Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,08 ha. Đất công trình giao thông 0,21 ha. Diện tích đất tín ngưỡng phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	0,08	12	Xã Ngọc Đào	0,14
2	TT. Thông Nông	0,05	13	Xã Ngọc Động	0,11
3	Xã Cải Viên	1,38	14	Xã Nội Thôn	0,27
4	Xã Cản Nông		15	Xã Quý Quân	0,01
5	Xã Cản Yên	0,14	16	Xã Sóc Hà	0,48
6	Xã Đa Thông	0,05	17	Xã Thanh Long	0,04
7	Xã Hồng Sỹ	0,09	18	Xã Thượng Thôn	0,66
8	Xã Lũng Nặm	0,36	19	Xã Tổng Cột	0,21
9	Xã Lương Can		20	Xã Trường Hà	0,08
10	Xã Lương Thông	0,08	21	Xã Yên Sơn	0,10
11	Xã Mã Ba	0,02			

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Năm 2025 là 43,86 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 43,86 ha, giảm 0,44 ha so với năm 2024. Diện tích giảm do

chuyển đất công trình giao thông 0,44 ha. Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	2,33	12	Xã Ngọc Đào	10,12
2	TT. Thông Nông	1,68	13	Xã Ngọc Động	0,87
3	Xã Cải Viên	0,01	14	Xã Nội Thôn	2,85
4	Xã Cản Nông	0,03	15	Xã Quý Quân	0,25
5	Xã Cản Yên	1,33	16	Xã Sóc Hà	9,96
6	Xã Đa Thông	0,93	17	Xã Thanh Long	1,18
7	Xã Hồng Sỹ	1,52	18	Xã Thượng Thôn	0,64
8	Xã Lũng Nặm	2,58	19	Xã Tổng Cột	3,54
9	Xã Lương Can	0,46	20	Xã Trường Hà	1,11
10	Xã Lương Thông	0,99	21	Xã Yên Sơn	1,23
11	Xã Mã Ba	0,25			

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Năm 2025 là 466,66 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 462,90 ha, thực tăng 2,91 ha so với năm 2024. Diện tích tăng 3,76 ha do lấy từ các loại đất:

⊕ Đất trồng cây hằng năm khác : 3,37 ha;

⊕ Đất rừng phòng hộ : 0,24 ha;

⊕ Đất bằng chưa sử dụng : 0,15 ha.

Đồng thời diện tích đất có mặt nước chuyên dùng giảm 0,85 ha do chuyển sang các loại đất: Đất ở tại đô thị 0,07 ha. Đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,004 ha. Đất công trình giao thông 0,67 ha. Đất công trình thủy lợi 0,10 ha.

Diện tích tăng lên do thực hiện các hạng mục sau:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu tỉnh Cao Bằng, vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu			
1	Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Lũng Hóng xã Thượng Thôn	0,32	Xã Thượng Thôn
2	Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Lũng Chíp xã Thượng Thôn	0,22	Xã Thượng Thôn
3	Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Bó Pu xã Thượng Thôn	0,41	Xã Thượng Thôn
4	Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Lũng Sang xã Thượng Thôn	0,30	Xã Thượng Thôn
5	Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Cản Poóc xã Mã Ba	0,21	Xã Mã Ba
6	Hồ chứa nước vại địa xóm Kéo Nặm xã Mã Ba	0,22	Xã Mã Ba

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
7	Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Lũng Pán xã Cải Viên	0,28	Xã Cải Viên
8	Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Lũng Rầu xã Cải Viên	0,22	Xã Cải Viên
9	Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Đông Có xã Cải Viên	0,21	Xã Cải Viên
10	Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa Cà Giồng xã Lũng Nặm	0,22	Xã Lũng Nặm
11	Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Lũng Rỳ xã Nội Thôn	0,31	Xã Nội Thôn
12	Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Pác Hoan xã Nội Thôn	0,25	Xã Nội Thôn
13	Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Ngườm Luông xã Tổng Cọt	0,31	Xã Tổng Cọt
14	Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Cọt Nưa xã Tổng Cọt	0,28	Xã Tổng Cọt

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	38,16	12	Xã Ngọc Đào	52,98
2	TT. Thông Nông	27,54	13	Xã Ngọc Động	14,38
3	Xã Cải Viên	1,91	14	Xã Nội Thôn	2,82
4	Xã Cản Nông	13,71	15	Xã Quý Quân	15,91
5	Xã Cản Yên	25,37	16	Xã Sóc Hà	26,35
6	Xã Đa Thông	59,24	17	Xã Thanh Long	28,96
7	Xã Hồng Sỹ	2,73	18	Xã Thượng Thôn	5,60
8	Xã Lũng Nặm	9,70	19	Xã Tổng Cọt	1,73
9	Xã Lương Can	47,80	20	Xã Trường Hà	32,69
10	Xã Lương Thông	54,12	21	Xã Yên Sơn	0,62
11	Xã Mã Ba	4,37			

- Đất phi nông nghiệp khác: Năm 2025 là 0,21 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 0,03 ha, tăng 0,18 ha so với năm 2024. Diện tích tăng lên do lấy từ các loại đất sau:

⊕ Đất trồng lúa : 0,17 ha;

⊕ Đất trồng cây hằng năm khác : 0,005 ha;

⊕ Đất nuôi trồng thủy sản : 0,004 ha.

Diện tích đất phi nông nghiệp khác phân bổ tại thị trấn Thông Nông 0,03 ha, xã Ngọc Đào 0,18 ha.

c. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng năm 2025 là 2.428,54 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 2.428,54 ha, giảm 36,30 ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất:

⊕ Đất ở tại đô thị	:	0,51 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,03 ha;
⊕ Đất quốc phòng	:	2,63 ha;
⊕ Đất an ninh	:	0,50 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	:	0,08 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	:	0,07 ha;
⊕ Đất thương mại dịch vụ	:	19,99 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	:	12,13 ha;
⊕ Đất công trình thuỷ lợi	:	0,15 ha;
⊕ Đất công trình cấp nước, thoát nước	:	0,05 ha;
⊕ Đất công trình năng lượng	:	0,002 ha;
⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng	:	0,15 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	55,40	12	Xã Ngọc Đào	22,37
2	TT. Thông Nông	11,91	13	Xã Ngọc Động	58,87
3	Xã Cải Viên	211,99	14	Xã Nội Thôn	86,01
4	Xã Cản Nông	29,99	15	Xã Quý Quân	75,26
5	Xã Cản Yên	70,30	16	Xã Sóc Hà	40,34
6	Xã Đa Thông	39,73	17	Xã Thanh Long	113,65
7	Xã Hồng Sỹ	242,04	18	Xã Thượng Thôn	342,47
8	Xã Lũng Nặm	253,83	19	Xã Tổng Cột	241,00
9	Xã Lương Can	37,00	20	Xã Trường Hà	91,08
10	Xã Lương Thông	99,32	21	Xã Yên Sơn	131,34
11	Xã Mã Ba	174,66			

Chi tiết các loại đất trong đất chưa sử dụng như sau:

- Đất bằng chưa sử dụng: Năm 2025 là 1.997,23 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 1.997,23 ha, giảm 36,22 ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất:

⊕ Đất ở tại đô thị	:	0,51 ha;
⊕ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,03 ha;
⊕ Đất quốc phòng	:	2,63 ha;
⊕ Đất an ninh	:	0,50 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở văn hoá	:	0,08 ha;
⊕ Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo	:	0,07 ha;

⊕ Đất thương mại dịch vụ	:	19,99 ha;
⊕ Đất công trình giao thông	:	12,06 ha;
⊕ Đất công trình thủy lợi	:	0,15 ha;
⊕ Đất công trình cấp nước, thoát nước	:	0,05 ha;
⊕ Đất công trình năng lượng	:	0,002 ha;
⊕ Đất có mặt nước chuyên dùng	:	0,15 ha.

Diện tích đất bằng chưa sử dụng phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	27,73	12	Xã Ngọc Đào	12,50
2	TT. Thông Nông	9,58	13	Xã Ngọc Động	52,25
3	Xã Cải Viên	195,56	14	Xã Nội Thôn	75,39
4	Xã Cản Nông	28,18	15	Xã Quý Quân	62,82
5	Xã Cản Yên	60,86	16	Xã Sóc Hà	26,50
6	Xã Đa Thông	32,69	17	Xã Thanh Long	109,21
7	Xã Hồng Sỹ	215,91	18	Xã Thượng Thôn	306,37
8	Xã Lũng Nặm	246,06	19	Xã Tổng Cột	75,81
9	Xã Lương Can	31,89	20	Xã Trường Hà	67,02
10	Xã Lương Thông	87,73	21	Xã Yên Sơn	127,38
11	Xã Mã Ba	145,81			

- Đất đồi núi chưa sử dụng: Năm 2025 là 368,77 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 368,77 ha, giảm 0,08 ha so với năm 2024. Diện tích giảm do chuyển sang đất công trình giao thông 0,08 ha.

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng phân bổ cụ thể tại:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	27,66	12	Xã Ngọc Đào	9,60
2	TT. Thông Nông	2,33	13	Xã Ngọc Động	
3	Xã Cải Viên	15,93	14	Xã Nội Thôn	5,92
4	Xã Cản Nông	1,81	15	Xã Quý Quân	11,17
5	Xã Cản Yên	9,44	16	Xã Sóc Hà	1,85
6	Xã Đa Thông	7,04	17	Xã Thanh Long	1,13
7	Xã Hồng Sỹ	16,27	18	Xã Thượng Thôn	28,68
8	Xã Lũng Nặm	6,38	19	Xã Tổng Cột	158,69
9	Xã Lương Can	5,12	20	Xã Trường Hà	24,06

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
10	Xã Lương Thông	11,59	21	Xã Yên Sơn	3,96
11	Xã Mã Ba	20,14			

- Đất núi đá không có rừng cây: Năm 2025 là 62,54 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm kế hoạch là 62,54 ha, không biến động so với năm 2024. Diện tích đất núi đá không có rừng cây phân bổ cụ thể tại: Xã Cải Viên 0,50 ha, xã Hồng Sỹ 9,86 ha, xã Lũng Nặm 1,40 ha, xã Mã Ba 8,70 ha, xã Ngọc Đào 0,27 ha, xã Ngọc Động 6,61 ha, xã Nội Thôn 4,70 ha, xã Quý Quân 1,27 ha, xã Sóc Hà 11,99 ha, xã Thanh Long 3,32 ha, xã Thượng Thôn 7,43 ha, xã Tổng Cột 6,50 ha.

4.3. Xác định diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch

* Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 73,09 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 24,46 ha, phân bổ ở các xã, thị trấn:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	12,79	12	Xã Ngọc Đào	0,81
2	TT. Thông Nông	0,56	13	Xã Ngọc Động	0,48
3	Xã Cải Viên	0,06	14	Xã Nội Thôn	
4	Xã Cản Nông	0,70	15	Xã Quý Quân	0,17
5	Xã Cản Yên	1,00	16	Xã Sóc Hà	1,01
6	Xã Đa Thông	3,07	17	Xã Thanh Long	0,30
7	Xã Hồng Sỹ		18	Xã Thượng Thôn	
8	Xã Lũng Nặm	0,03	19	Xã Tổng Cột	0,14
9	Xã Lương Can	0,16	20	Xã Trường Hà	2,74
10	Xã Lương Thông	0,43	21	Xã Yên Sơn	
11	Xã Mã Ba				

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 2,24 ha, phân bổ ở các xã, thị trấn:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	0,82	12	Xã Ngọc Đào	
2	TT. Thông Nông	0,26	13	Xã Ngọc Động	0,01

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
3	Xã Cải Viên	0,09	14	Xã Nội Thôn	0,01
4	Xã Cần Nông	0,001	15	Xã Quý Quân	
5	Xã Cần Yên	0,29	16	Xã Sóc Hà	0,10
6	Xã Đa Thông	0,17	17	Xã Thanh Long	
7	Xã Hồng Sỹ		18	Xã Thượng Thôn	0,11
8	Xã Lũng Nặm		19	Xã Tổng Cột	0,06
9	Xã Lương Can	0,03	20	Xã Trường Hà	0,07
10	Xã Lương Thông	0,19	21	Xã Yên Sơn	0,01
11	Xã Mã Ba				

+ Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp 44,71 ha, phân bổ ở các xã, thị trấn:

STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)	STT	Xã, thị trấn	Diện tích (Ha)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	TT.Xuân Hòa	13,91	12	Xã Ngọc Đào	2,91
2	TT. Thông Nông	2,53	13	Xã Ngọc Động	
3	Xã Cải Viên	0,61	14	Xã Nội Thôn	2,03
4	Xã Cần Nông	2,12	15	Xã Quý Quân	4,18
5	Xã Cần Yên	1,26	16	Xã Sóc Hà	0,09
6	Xã Đa Thông	8,87	17	Xã Thanh Long	0,97
7	Xã Hồng Sỹ	0,10	18	Xã Thượng Thôn	0,27
8	Xã Lũng Nặm	0,03	19	Xã Tổng Cột	0,12
9	Xã Lương Can	0,02	20	Xã Trường Hà	0,36
10	Xã Lương Thông	2,39	21	Xã Yên Sơn	1,90
11	Xã Mã Ba	0,02			

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp 1,69 ha, phân bổ tại thị trấn Xuân Hoà 0,46 ha, xã Cần Yên 0,02 ha, xã Hồng Sỹ 0,05 ha, xã Lương Can 0,02 ha, xã Nội Thôn 0,001 ha, xã Thanh Long 0,02 ha, xã Thượng Thôn 0,06 ha, xã Trường Hà 1,06 ha.

* Diện tích đất nông nghiệp chuyển nội bộ trong đất nông nghiệp là 0,22 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,22 ha, phân bổ tại xã Ngọc Đào 0,15 ha, xã Trường Hà 0,07 ha.

* Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp là 0,20 ha. Trong đó:

+ Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật này là 0,07 ha. Phân bổ tại: Thị trấn Xuân Hoà 0,001 ha, thị trấn Thông Nông 0,062 ha, xã Lương Can 0,002 ha.

+ Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 0,13 ha. Phân bổ tại: Thị trấn Xuân Hoà 0,07 ha, thị trấn Thông Nông 0,06 ha.

4.4. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch 2025

4.4.1. Các dự án quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch

Các dự án quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Luật Đất đai được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 07: Các dự án quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Luật Đất đai

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN MỤC ĐÍCH QUỐC PHÒNG, AN NINH		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Trường Hà thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Trường Hà
2	Trụ sở làm việc Công an xã Sóc Hà thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,16	Xã Sóc Hà
3	Trụ sở làm việc Công an xã Lũng Nặm thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,09	Xã Lũng Nặm
4	Trụ sở làm việc Công an xã Cần Yên thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Cần Yên
5	Trụ sở làm việc Công an xã Cần Nông thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,23	Xã Cần Nông
6	Trụ sở làm việc Công an xã Cải Viên thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Cải Viên
7	Trụ sở làm việc Công an xã Tổng Cột thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,06	Xã Tổng Cột
8	Trụ sở làm việc Công an xã Nội Thôn thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Nội Thôn
9	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Long thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,20	Xã Thanh Long
10	Trụ sở làm việc Công an xã Yên Sơn thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,13	Xã Yên Sơn
11	Trụ sở làm việc Công an xã Lương Thông thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Lương Thông
12	Trụ sở làm việc Công an xã Quý Quân thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,20	Xã Quý Quân
13	Trụ sở làm việc Công an xã Đa Thông thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Đa Thông
14	Cải tạo mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Hà Quảng thuộc Công an tỉnh Cao Bằng	4,20	TT Xuân Hoà

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
15	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình trong căn cứ chiến đấu huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Sóc Hà; Xã Trường Hà
16	Xây dựng chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Bao gồm cả hạng mục đường vào và chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cản Yên)	3,52	Xã Cản Yên
17	Đầu tư xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng/Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1	3,35	TT Xuân Hoà
18	Trụ sở làm việc Công an xã Lương Can thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Lương Can
19	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Xuân Hòa thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,13	TT Xuân Hoà
20	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Thông Nông thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,12	TT Thông Nông
21	Trụ sở làm việc Công an xã Hồng Sỹ thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,20	Xã Hồng Sỹ
22	Trụ sở làm việc Công an xã Mã Ba thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Mã Ba
23	Trụ sở làm việc Công an xã Ngọc Đào thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Ngọc Đào
24	Trụ sở làm việc Công an xã Ngọc Động thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,12	Xã Ngọc Động
25	Trụ sở làm việc Công an xã Thượng Thôn thuộc Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Thượng Thôn
B	DỰ ÁN DO THỦ TƯỚNG CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ		
1	Dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía bắc, tỉnh Cao Bằng. Tiểu dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - xã Cản Yên), huyện Hà Quảng.	7,97	Xã Cản Yên
		9,99	Xã Lương Thông
		16,75	Xã Đa Thông
		2,08	TT Thông Nông
C	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH CHẤP THUẬN MÀ PHẢI THU HỒI ĐẤT		
1	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	4,20	TT Xuân Hoà
2	Đường tránh thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	21,52	TT Xuân Hoà
		5,20	Xã Trường Hà
3	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Làng Lý, Nội Thôn - Xóm Bản Khèng, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng	0,97	Xã Nội Thôn
		0,85	Xã Cải Viên
4	Đường GTNT UBND xã - Hoà Trung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Ngọc Động

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
5	Đường nội đồng Đà Sa - Nà Khau, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,33	Xã Đa Thông
6	Đường nội đồng Phai Piếu - Bản Chang, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Đa Thông
7	Nâng cấp đường GTNT loại C từ nhà bia tường niệm đến nhóm Cô Mười (Xóm Nặm Đin), xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,04	Xã Cải Viên
8	Đường Làng Can - Roóng Thốc, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Lương Can
9	Đường giao thông nội đồng xóm Lũng Pươi, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,02	Xã Sóc Hà
10	Mở mới đường GTNT Lũng Chang - Lũng Khoen xóm Độc Kít xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,63	Xã Ngọc Đào
11	Đổ bê tông đường nội đồng (Nà Vừ), xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Ngọc Đào
12	Đổ bê tông đường GTNT (Tín Đeng-Bó Mèo Vắn) xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,15	Xã Ngọc Đào
13	Đổ bê tông đường nội đồng Bó Khuất -Thôm Nura, xóm Kéo Chang, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng	0,07	Xã Ngọc Đào
14	Đường GTNT Lũng Xám, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Quý Quân
15	Đường giao thông liên xã: Xã Lương Can - TT. Thông Nông - Xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3,07	TT Thông Nông
		0,24	Xã Đa Thông
16	Nâng cấp đường GTNT Lũng Bông-Khau Sớ, xóm Lũng Bông, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,60	Xã Hồng Sỹ
17	Mở mới đường GTNT từ Làng Linh đến Lũng Mãnh, xóm Lũng Ngàn, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,18	Xã Hồng Sỹ
18	Đường nội đồng Cốc Chia - Nà Tẻ, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Đa Thông
19	Đường GTNT Cột Nura - Lũng Mẩn, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,11	Xã Tổng Cột
20	Đường giao thông liên xã Hồng Sỹ - Tổng Cột, huyện Hà Quảng (Lũng Lặc Hồng Sỹ - Thiêng Ngoạ, xã Tổng Cột)	0,08	Xã Tổng Cột
		0,05	Xã Hồng Sỹ
21	Đường GTNT Lũng Đa - Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Cải Viên
22	Bê tông đường GTNT Cha Vạc - nhóm Cô Phầy, xã Cải Viên	0,07	Xã Cải Viên
23	Đường GTNT liên xã: Pó Dài xã Nội Thôn - Tả Cán xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,25	Xã Nội Thôn
24	Đường GTNT từ nhóm Pò Tán sang Lũng Nặm xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,06	Xã Lũng Nặm
25	Mở mới đường GTNT Lũng In-Lũng Chấn, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Lũng Nặm

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
26	Bê tông tuyến Cả Thổ-Nậm Nà, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,06	Xã Thượng Thôn
27	Đường GTNT Mũng Mùn-Tràng Đi, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Thượng Thôn
28	Đường GTNT Mạ Rằng-Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,12	Xã Mã Ba
29	Đường GTNT Lũng Niêng - Lũng Nọi, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,09	Xã Mã Ba
30	Đường GTNT Vải Thai - Pèng, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Yên Sơn
31	Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn	5,19	Xã Thanh Long
		6,84	Xã Yên Sơn
32	Đường nội đồng Bản Gải - Bó Rằng, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,07	Xã Cần Yên
33	Đường GTNT nội đồng xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,39	Xã Cần Yên
34	Đường giao thông Khuổi Diều, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Lương Can
35	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Bản Láp, xã Quý Quân - Nà Cháo, Lũng Mật, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Sóc Hà
36	Đường giao thông Nà Đuôn (nối tiếp) và xây mới cầu vượt lũ Nà Đuôm - Nà Đin xóm Nà Nghiêng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,05	Xã Sóc Hà
37	Ổn định dân cư xóm Cô Mười, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2,094	Xã Cải Viên
38	Ổn định dân cư xóm Ngườm Vải, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3,614	Xã Nội Thôn
39	Nâng cấp, mở rộng đường liên xóm từ Quốc lộ 4A đến Giăng Hán – Kéo Sỷ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2,581	Xã Tổng Cột
40	Mở mới tuyến đường Tả Cáp – Nà Ca, xã Cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	4,417	Xã Cần Nông
41	Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	4,29	TT Xuân Hoà
		4,26	Xã Quý Quân
		4,72	Xã Đa Thông
		1,23	TT Thông Nông
42	Kè chống sạt lở xóm Dẻ Gà, Bản Lịch, xã Lương Thông	0,15	Xã Lương Thông
43	Mương thủy lợi Rằng Hán xóm Kéo Sỷ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Tổng Cột
44	Mương thủy lợi xóm Cột Phố 01 tuyến Rằng Pú-Lũng Khuyen, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Tổng Cột

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
45	Xây dựng bể nước SHTT nhóm hộ Cô Mười xóm Năm Đìn, xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Cải Viên
46	Làm mới nước SHTT Nà Tôm, Quang Trung 2, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Lương Thông
47	Nước sinh hoạt xóm Lũng Tô, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Nội Thôn
48	Bể nước sinh hoạt tập trung xóm Rủ Rả, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,01	Xã Nội Thôn
49	Xây mới nhà văn hóa xóm Đào Bắc, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
50	Xây mới nhà văn hóa xóm Kéo Chang, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Ngọc Đào
51	Nhà văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Bao gồm cả phần đường giao thông vào Nhà văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng)	1,03	TT Xuân Hoà
52	Nâng cấp nhà văn hóa xóm Địa Long, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,09	Xã Sóc Hà
53	Trường PT Dân tộc bán trú TH&THCS Bình Lăng, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,14	Xã Thanh Long
54	Trường mầm non Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,20	Xã Trường Hà
55	Xây mới chợ Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,28	Xã Cản Yên
56	Sân vận động xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,54	Xã Đa Thông
57	Xây dựng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng	0,28	TT Xuân Hoà
58	Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu tỉnh Cao Bằng, vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu		
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Lũng Hóng xã Thượng Thôn	0,32	Xã Thượng Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Lũng Chúp xã Thượng Thôn	0,22	Xã Thượng Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Bó Pu xã Thượng Thôn	0,41	Xã Thượng Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Lũng Sang xã Thượng Thôn	0,30	Xã Thượng Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa Cỏ Poóc xã Mã Ba	0,21	Xã Mã Ba
	- Hồ chứa nước vại địa xóm Kéo Nặm xã Mã Ba	0,22	Xã Mã Ba
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Lũng Pán xã Cải Viên	0,28	Xã Cải Viên
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Lũng Rầu xã Cải Viên	0,22	Xã Cải Viên
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vại địa xóm Đông Có xã Cải Viên	0,21	Xã Cải Viên

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa Cả Giồng xã Lũng Nặm	0,22	Xã Lũng Nặm
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Lũng Rỳ xã Nội Thôn	0,31	Xã Nội Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Pác Hoan xã Nội Thôn	0,25	Xã Nội Thôn
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Ngườm Luông xã Tổng Cột	0,31	Xã Tổng Cột
	- Hồ chứa nước sinh hoạt vải địa xóm Cột Nưa xã Tổng Cột	0,28	Xã Tổng Cột
59	Điểm du lịch Bãi Tình tại xã Thanh Long giai đoạn 1	20,00	Xã Thanh Long
60	Hỗ trợ đầu tư du lịch cộng đồng tại Nặm Ngùa, xã Ngọc Động (giai đoạn 2)	0,58	Xã Ngọc Động
61	Công trình: Xây dựng, cải tạo lưới điện huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng năm 2024	0,0008	Xã Cản Yên
		0,0044	Xã Lương Can
62	Nhà bia tưởng niệm xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Quý Quân
63	Xây mới nhà văn hóa xóm Mai Nưa, Thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng	0,02	TT Xuân Hoà
64	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa Tổ phố 2, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	0,02	TT Thông Nông
65	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà văn hóa Tổ phố 3, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	0,01	TT Thông Nông
66	Xây mới nhà văn hóa Tổ phố 5, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	0,02	TT Thông Nông
67	Xây mới nhà văn hóa Tổ phố 6, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	0,04	TT Thông Nông
68	Quy hoạch nhà văn hóa xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,10	Xã Thượng Thôn
69	Trường THCS Đào Ngạn, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,08	Xã Ngọc Đào
70	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Nà Giảo, Ngọc Đào - Làng Linh, Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.	0,25	Xã Ngọc Đào
		0,15	Xã Hồng Sỹ
71	Đường giao thông xóm Lũng Lâu - Lũng Nái Trong, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,36	Xã Thượng Thôn
72	Mở mới đường giao thông liên xóm Bản Hoong - Nà Lặng, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,70	Xã Trường Hà
73	Đường GTNT NVH Nà Việt - Gạm Dầu, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,05	Xã Lương Can
74	Đường nội đồng Cốc Vương (Mở mới đoạn 150m - Bê tông toàn tuyến dài 446m)	0,06	Xã Sóc Hà
75	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ QL4A đến xóm Lũng Rại, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,30	Xã Nội Thôn

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
76	Mở mới đường GTNT Lũng Chuổng - Tiêng Lằm, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,26	Xã Nội Thôn
77	Đường nội đồng Kéo Sỷ - Lũng Cáo - Lũng Cáo Nhỏ, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,33	Xã Tổng Cột
78	Đường GTNT nội đồng xóm Nà Giảo, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Ngọc Đào
79	Đường nội đồng Đồng Gà - Nà Dạng, xóm Bản Giàng, thị trấn Xuân Hoà, Hà Quảng, Cao Bằng	0,02	TT Xuân Hoà
80	Mương Nà Tọ - Nà Cọn - Bó Tào (Đoạn nối tiếp mở mới 100m - Đỗ bê tông toàn tuyến dài 300m - rộng 2m)	0,02	Xã Sóc Hà
81	Xây kè bờ suối xóm Cốc Vương, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	0,30	Xã Sóc Hà
82	Xây dựng bể nước xóm Làng Lý (Trường xóm 7)	0,02	Xã Nội Thôn
83	Xây dựng bể nước xóm Làng Lý (Giáp hộ Lý Thanh Bình)	0,02	Xã Nội Thôn
84	Xây dựng bể nước xóm Làng Lý (Giáp hộ Lý Tu A)	0,02	Xã Nội Thôn
85	Xây dựng bể nước xóm Làng Lý (Giáp hộ Bí thư xóm của xóm Làng Lý - Khu các hộ sâm canh trên địa bàn xã Lũng Nặm)	0,02	Xã Lũng Nặm
86	Bể nước công cộng xóm Ngườm Vải, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng	0,03	Xã Nội Thôn
87	Bể nước công cộng xóm Nhi Tào, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng	0,03	Xã Nội Thôn
88	Bể nước công cộng xóm Cả Tiêng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Nội Thôn
89	Bể nước công cộng xóm Lũng Chuổng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Nội Thôn
90	Bể nước tập trung Lũng Loóng, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Trường Hà
91	Bể nước tập trung Mã Líp, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,03	Xã Trường Hà
92	Bể nước tập trung Lũng Pìa, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Trường Hà
93	Xây dựng, cải tạo, CQT, nâng cao ĐTCCCD, giảm TTĐN lưới điện khu vực huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng năm 2025	0,0052	TT Xuân Hoà
		0,0008	Xã Mã Ba
		0,0120	Xã Nội Thôn
		0,0028	Xã Thanh Long
94	Điện sinh hoạt xóm Trà Phìn, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,02	Xã Lương Thông

4.4.2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Địa điểm (Cấp xã)
1	Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Bản Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2,13	Xã Ngọc Đào
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (chuyển từ đất quốc phòng sang đất xây dựng trụ sở, cụ thể từ Đồn Biên phòng Tổng Cột)	0,77	Xã Tổng Cột

4.4.3. Các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất; bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Vị trí, địa điểm (Cấp xã)
1	Đấu giá Trụ sở làm việc của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hà Quảng (huyện Thông Nông cũ)	0,0621	TT. Thông Nông
2	Đấu giá Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,3587	TT. Xuân Hoà
3	Đấu giá quyền sử dụng đất: Các lô đất TĐC tại khu Tái định cư Cửa khẩu Sóc Giang, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,5260	Xã Sóc Hà

4.5. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 so với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được duyệt

Bảng 08: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 so với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được duyệt

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Điều chỉnh quy hoạch SDD đến năm 2030 được duyệt (ha)		Tăng (+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)-(6)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		81.117,52	100,00	81.117,52	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	75.870,33	93,53	77.387,00	95,40	-1.516,67
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.902,31	3,58	3.003,00	3,70	-100,69
1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	889,44	1,10	900,00	1,11	-10,56
1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	2.012,88	2,48	2.103,00	2,59	-90,12
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	10.033,04	12,37	8.833,44	10,89	1.199,60
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	371,07	0,46	1.351,00	1,67	-979,93
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH	47.969,86	59,14	41.731,00	51,45	6.238,86
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.308,94	1,61	1.465,00	1,81	-156,06
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	13.238,67	16,32	20.940,00	25,81	-7.701,33
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>8.922,12</i>	<i>11,00</i>	<i>7.474,00</i>	<i>9,21</i>	<i>1.448,12</i>
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	46,39	0,06	51,34	0,06	-4,95
1.10	Đất chăn nuôi tập trung	CNT					
1.11	Đất làm muối	LMU					
1.12	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,04	0,00	12,22	0,02	-12,18
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.818,66	3,47	3.505,00	4,32	-686,34
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	506,87	0,62	532,00	0,66	-25,13

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Điều chỉnh quy hoạch SDD đến năm 2030 được duyệt (ha)		Tăng (+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	63,22	0,08	87,00	0,11	-23,78
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,61	0,02	27,00	0,03	-12,39
2.4	Đất quốc phòng	CQP	89,69	0,11	247,00	0,30	-157,31
2.5	Đất an ninh	CAN	7,91	0,01	11,12	0,01	-3,21
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	64,01	0,08	78,12	0,10	-14,11
	Trong đó:						
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,00	0,00	4,00	0,00	-2,00
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH					
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,37	0,01	6,00	0,01	-0,63
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,66	0,06	52,00	0,06	-5,34
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	9,87	0,01	15,00	0,02	-5,13
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT					
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT					
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,12	0,00	1,12	0,00	-1,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	47,61	0,06	419,99	0,52	-372,39
	Trong đó:						
-	Đất khu công nghiệp	SKK					
-	Đất cụm công nghiệp	SKN					
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT					
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,89	0,04	71,00	0,09	-38,11
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,42	0,00	32,00	0,04	-29,59
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	12,30	0,02	316,99	0,39	-304,69
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.509,66	1,86	1.578,05	1,95	-68,39
	Trong đó:						
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.345,20	1,66	1.380,00	1,70	-34,80
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	62,16	0,08	69,00	0,09	-6,84
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,38	0,00			0,38
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	84,27	0,10	99,00	0,12	-14,73
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,61	0,01	8,00	0,01	-3,39
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,82	0,00	1,00	0,00	-0,18
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,57	0,00	2,00	0,00	-1,43
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,94	0,01	6,00	0,01	-1,07
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	6,71	0,01	13,05	0,02	-6,34
2.9	Đất tôn giáo	TON					
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,35	0,01	4,35	0,01	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	43,86	0,05	48,00	0,06	-4,14
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	466,66	0,58	471,34	0,58	-4,68
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,00	1,03	0,00	-0,82
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.428,54	2,99	225,52	0,28	2.203,02

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Điều chỉnh quy hoạch SDD đến năm 2030 được duyệt (ha)		Tăng (+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT					
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1.997,23	2,46	54,14	0,07	1.943,09
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	368,77	0,45	108,84	0,13	259,92
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	62,54	0,08	62,54	0,08	
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS					

So sánh với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt tại quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 như sau:

- Chỉ tiêu đất nông nghiệp đến năm 2030 theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 77.387,00 ha, chỉ tiêu thực hiện năm 2025 là 75.870,33 ha, chỉ tiêu còn lại chưa thực hiện so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt là 1.516,67 ha. Diện tích chưa thực hiện được là do chưa khai thác hết quỹ đất chưa sử dụng có thể sử dụng để đưa vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp.

- Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đến năm 2030 theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 3.505,00 ha, chỉ tiêu thực hiện năm 2025 là 2.818,66 ha, chỉ tiêu còn lại chưa thực hiện so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt là 686,34 ha. Diện tích chưa thực hiện được là do đang trong quá trình triển khai thực hiện các công trình, dự án đã đề ra trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt.

- Chỉ tiêu đất chưa sử dụng đến năm 2030 theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 225,52 ha, chỉ tiêu thực hiện năm 2025 là 2.428,54 ha, chỉ tiêu còn cao hơn so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt là 2.203,02 ha. Diện tích đất chưa sử dụng còn cao hơn là do chưa khai thác hết quỹ đất chưa sử dụng có thể sử dụng để đưa vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp và một phần chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện Hà Quảng.

UBND huyện đã cập nhật các công trình, dự án đã đủ điều kiện vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của người dân, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện cho các xóm, phù hợp với các tiêu chí Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Các chỉ tiêu đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng cơ bản đã phù hợp và đảm bảo với chỉ tiêu trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng được duyệt và không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khu chức năng.

4.6. Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch 2025 của huyện Hà Quảng được dựa trên các căn cứ chính sau đây:

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 của Quốc Hội ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Ban hành quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
- Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b. Ước tính các khoản thu, chi

*** Phương pháp tính**

- Đối với các khoản thu từ giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, đất thương mại, dịch vụ, đất cho hoạt động khoáng sản, đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm, cho thuê đất, giao đất cho các tổ chức có thu tiền sử dụng đất được tính bằng diện tích tăng bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 nhân với giá đất bình quân của từng loại đất của từng xã, thị trấn theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đối với các khoản chi đền bù: được tính bằng diện tích của loại đất bị thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhân với giá đất và hệ số quy định tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

*** Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất:**

Bảng 09: Dự tính thu chi từ đất trong KHSDD năm 2025

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (1000 đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất K	Thành tiền (tỷ đồng)
I. Các khoản thu				183,76
- Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị	2,58	1.700.000	1,20	52,60
- Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn	3,69	600.000	1,10	24,35
- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	20,65	480.000	1,00	99,12
- Thu tiền cho thuê đất vào mục đích hoạt động khai thác khoáng sản	2,13	360.000	1,00	7,68
II. Các khoản chi				120,03
- Chi bồi thường khi Thu hồi đất nông nghiệp				20,83
+ Chi bồi thường khi Thu hồi đất trồng lúa nước	21,13	30.000	1,00	6,34
+ Chi bồi thường khi Thu hồi đất trồng cây hàng năm	27,73	28.000	1,00	7,76
+ Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	1,94	32.000	1,00	0,62
+ Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	0,42	18.000	1,00	0,08
+ Chi bồi thường khi Thu hồi đất rừng sản xuất	1,69	13.000	1,00	0,22

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (1000 đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất K	Thành tiền (tỷ đồng)
+ Chi bồi thường khu thu hồi đất rừng phòng hộ	44,71	13.000	1,00	5,81
- Chi bồi thường khi Thu hồi đất phi nông nghiệp				16,50
+ Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	1,42	269.000	1,10	4,20
+ Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị	0,80	1.275.000	1,20	12,30
- Chi bồi thường hỗ trợ tái định cư và xây dựng cơ sở hạ tầng (tính bằng 45% của khoản thu)				82,69
Cân đối thu - chi (I - II)				63,73

Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 63,73 tỷ đồng.

Trên đây là dự tính thu chi giả định dựa trên những khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 (bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024). Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án và vị trí cụ thể của từng loại đất trên cơ sở áp dụng các khung giá quy định tại các thời điểm đó đối với các dự án cụ thể.

V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

5.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Để kế hoạch sử dụng đất huyện Hà Quảng năm 2025 đi vào thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu đất đai cho các ngành, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đất đai, tài nguyên môi trường được bảo vệ ngày một tốt hơn, cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sau:

a. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất

- Đổi mới, nâng cao tính liên kết, đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh, của huyện, quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất theo hướng quy hoạch sử dụng đất phải tổng hợp, cân đối, phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả đất đai, phòng chống thoái hóa đất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Thực hiện các biện pháp trồng rừng theo hình thức nông - lâm kết hợp trên đất dốc, hạn chế việc cày xới bề mặt đất trong mùa mưa và khai thác trắng đối với rừng sản xuất, đề chống xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất.

- Không nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông - lâm nghiệp, tích cực bồi bổ làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Sử dụng đất khai thác khoáng sản và làm nguyên vật liệu xây dựng phải có phương án bảo vệ môi trường. Sau khi kết thúc khai thác phải có kế hoạch

phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu, hoặc trồng rừng để bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn; khu du lịch, kinh doanh dịch vụ... khai thác triệt để cả không gian và chiều sâu trong quá trình sử dụng đất như: Xây nhà cao tầng, kết hợp giao thông với hệ thống cấp thoát nước, chuyển dẫn năng lượng truyền thông,....

- Phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ...

- Có kế hoạch khai hoang, phục hoá đất chưa sử dụng để tăng quỹ đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và tạo thêm mặt bằng xây dựng.

- Phát huy tối đa khả năng đất trống đồi núi trọc vào trồng rừng mới, làm tăng độ che phủ của đất.

- Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, tích cực đưa mặt nước hoang hoá vào sử dụng.

- Bằng biện pháp giao đất cụ thể đến các đối tượng trực tiếp sử dụng đất, phát triển cơ sở hạ tầng (nhất là giao thông) đến các địa bàn còn đất trống, tạo vốn, nhân lực, vật tư để đẩy mạnh trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc làm tăng độ che phủ của rừng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xây dựng lực lượng kiểm lâm nhân dân đủ lực lượng và phương tiện làm việc, giao đất giao rừng tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. nhằm bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng và các vốn rừng hiện có.

b. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Nâng cao hiệu quả đánh giá tác động môi trường, bảo đảm chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường từ khâu lập, phê duyệt và triển khai thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với các cơ sở công nghiệp, xử lý nghiêm các cơ sở có hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích việc nhập khẩu công nghệ và thiết bị xử lý chất thải, phát triển các cơ sở dịch vụ xử lý chất thải. Có chính sách xử phạt thích đáng với những hành vi gây tổn hại đến đất đai và môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, giảm thiểu lượng phát thải ra môi trường và giảm thiểu các tác động ô nhiễm môi trường.

c. Giải pháp trồng rừng thay thế

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu đúng, ủng hộ chủ trương trồng rừng thay thế. Bên cạnh đó, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của người dân ngay từ ban đầu, ràng buộc các đơn vị thi công phải sử dụng lao động

địa phương ngay từ giai đoạn trồng, đến chăm sóc, quản lý, bảo vệ và thực hiện giao nhận khoán sau kết thúc dự án.

- Tổ chức đánh giá tổng thể diện tích đã trồng rừng thay thế, đối với diện tích có tỷ lệ cây sống thấp, phát triển không hiệu quả, không phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng cần khẩn trương trồng dặm với loại cây thích hợp, nhằm đảm bảo về mật độ theo thiết kế kỹ thuật, khả năng sinh trưởng đồng đều giữa các loại cây trên cùng diện tích.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung quỹ đất chưa có rừng thuộc quy hoạch rừng; thanh lý rừng trồng kém chất lượng để phục vụ trồng rừng thay thế.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp tăng quy mô, nâng cao chất lượng nguồn cây giống bản địa, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để đáp ứng nhu cầu cây giống trồng rừng trên địa bàn huyện.

- Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế của các đơn vị.

5.2. Giải pháp nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

a. Giải pháp về công tác quản lý

- Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để cho các tổ chức, cá nhân được biết.

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch và pháp luật. Lấy quy hoạch làm căn cứ để kế hoạch hóa việc sử dụng đất của các cấp, các ngành... Các nhu cầu sử dụng đất chỉ được giải quyết theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai tại Luật Đất đai hiện hành.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Các cấp, các ngành trong quá trình quản lý và sử dụng phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật Đất đai và các quy định của Nhà nước.

- Khi có biến động lớn về nhu cầu sử dụng đất thì phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất,...

b. Giải pháp về đầu tư

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất.

- Cần ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm.
- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.
- Đầu tư cho việc xây dựng các tư liệu phục vụ quản lý đất đai như đo đạc bản đồ địa chính (tập trung cho các xã chưa có bản đồ địa chính), quy hoạch, kế hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và phát triển các lĩnh vực trong đó chú trọng công tác quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường.
- Đầu tư trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện.

c. Giải pháp về cơ chế chính sách

**** Chính sách về đất đai***

- Tiếp tục cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai, các văn bản của Trung ương, tỉnh phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Có chính sách cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất nông nghiệp, thủy sản nhằm tăng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái.

**** Những chính sách nhằm bảo vệ và phát triển quỹ đất nông nghiệp***

- Chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Chính sách hỗ trợ, bồi thường thỏa đáng để có thể khai hoang, tăng vụ bù sản lượng do mất đất trồng lúa.
- Hạn chế tối đa nhằm chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong vùng quy hoạch sang phi nông nghiệp bằng chính sách thuế chuyển mục đích sử dụng vv...

**** Chính sách sử dụng hợp lý các loại đất mang tính chất đặc thù***

- Chính sách ưu tiên dành đất cho những nhu cầu đặc biệt có tính bắt buộc về an ninh, quốc phòng.
- Chính sách khuyến khích sử dụng tiết kiệm diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa bằng cách quy tập và quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa.
- Chính sách chuyển các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp.

**** Chính sách về ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và duy trì cải thiện môi trường trong việc khai thác sử dụng đất đai***

- Chính sách khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong phát triển nông nghiệp.

- Chính sách ưu tiên để đón trước các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đầu tư xây dựng cơ bản (cơ sở hạ tầng, công nghiệp, đô thị).

- Chính sách xử phạt những hành vi gây tổn hại đến đất đai, môi trường.

**** Chính sách ưu đãi***

- Chính sách đánh thuế theo hướng ưu tiên sản xuất nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến nông sản...

- Tạo mọi điều kiện về thủ tục, về những điều kiện có thể đảm bảo nhằm có thể thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư và ưu đãi cho vùng khó khăn về cơ sở hạ tầng, về khoa học kỹ thuật... để nâng cao đời sống nhân dân và làm cho nhân dân có trách nhiệm trong việc khai thác có hiệu quả và bảo vệ đất đai.

- Chấp hành tốt các chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách xã hội khác.

- Ưu tiên những cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn, tay nghề cao để thu hút nguồn nhân lực này góp phần vào xây dựng phát triển kinh tế xã hội của huyện.

**** Chính sách tạo nguồn vốn từ đất để đầu tư trở lại***

- Nguồn thu từ đất được sử dụng một phần thỏa đáng để nhằm cải tạo đất, điều tra, đánh giá phân loại đất đai.

- Xác định giá đất hợp lý nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo công bằng xã hội và kích thích sản xuất.

- Rà soát, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu.

- Mọi đối tượng thuê đất đều phải nộp tiền thuê đất đầy đủ, đúng thời gian nếu không có lý do chính đáng được các cấp có thẩm quyền cho phép.

- Rà soát lại việc sử dụng đất của các đơn vị, tổ chức không phải thuê đất để có kế hoạch sử dụng, tránh lãng phí về đất đai.

5.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực, tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành và địa phương trong công tác lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Kế hoạch sử dụng đất cần phải đảm bảo tính đồng bộ, tính liên vùng và phát huy được thế mạnh của từng vùng để phát triển hài hòa của toàn khu vực.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lập, thẩm định, xét duyệt, công bố và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Giám sát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa có năng suất cao, đất có rừng sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Cần có chính sách ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị... ở những diện tích đất ít khả năng nông nghiệp.

- Thường xuyên và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện KHSD đất.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tăng cường công tác vận động, thuyết phục người dân thực hiện di dời để đảm bảo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới để khai thác tài nguyên đất đai vào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các công trình xây dựng nông thôn mới: đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa thôn,...

- Những khu dân cư quy hoạch bố trí xen ghép hoặc cải tạo chỉnh trang thì cho phép nhân dân được phép tự chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất mà không tiến hành thu hồi đất để nâng cao tính khả thi của phương án kế hoạch và đảm bảo tiến độ thực hiện cũng như đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành, các địa phương để thực hiện kế hoạch sử dụng đất được tốt nhất.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương và cơ sở trên lĩnh vực quản lý đất đai. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng được phê duyệt để điều tra, lập kế hoạch đào tạo, chuyển đổi ngành nghề cho số lao động tại các khu vực sẽ bị thu hồi đất, nhằm giúp cho người bị thu hồi đất có thể nhanh chóng tìm được việc làm mới và ổn định cuộc sống.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Hà Quảng thể hiện chiến lược sử dụng đất của huyện. Có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị, đồng thời là công cụ quan trọng để UBND huyện Hà Quảng thực hiện thống nhất quản lý đất đai theo kế hoạch. Là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, là cơ sở để chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với đặc điểm của từng khu vực, đáp ứng nhu cầu đất đai tối ưu cho chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá; phát triển theo hướng kinh tế mở của huyện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng là cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Phân bổ quỹ đất để tạo mặt bằng xây dựng và phát triển sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội.
- Đối với những hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, chuyển đổi nghề nghiệp, được bố trí tái định cư và ưu tiên đào tạo nghề, tuyển dụng lao động vào các cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất đai, đề nghị:

- Đề nghị UBND tỉnh và các cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phương án kế hoạch sử dụng đất được thực hiện.
- Đề nghị UBND tỉnh Cao Bằng dành cho huyện những nguồn vốn ưu tiên để phương án kế hoạch sử dụng đất được hoàn thành. Tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng được phê duyệt là căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện các dự án thành phần, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Hà Quảng./.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện Hà Quảng - tỉnh Cao Bằng
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện Hà Quảng
3	Biểu 05/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Hà Quảng - tỉnh Cao Bằng
4	Biểu 06/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của huyện Hà Quảng
5	Biểu 07/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Hà Quảng - tỉnh Cao Bằng
6	Biểu 09/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Hà Quảng
7	Biểu 10/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng đất các khu chức năng huyện Hà Quảng - tỉnh Cao Bằng
8	Phụ lục 01	Tổng hợp nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025 huyện Hà Quảng - tỉnh Cao Bằng Danh sách các hộ gia đình, cá nhân đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Hà Quảng
9	Phụ lục 02	Danh sách các hộ đăng ký xin giao đất năm 2025 trên địa bàn huyện Hà Quảng
10	Phụ lục 03	Danh mục rà soát các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước quản lý trên địa bàn huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
11	Phụ lục 04	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 phân bổ đến từng xã, thị trấn của huyện Hà Quảng - tỉnh Cao Bằng

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1.1. Cơ sở pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất	2
1.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ lập kế hoạch sử dụng đất.....	4
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	12
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	12
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	13
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất	17
1.4. Đánh giá chung	17
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	18
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	18
2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.....	19
2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất	22
2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.....	23
2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	25
2.6. Đánh giá chung	30
2.7. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực của huyện và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất; phát triển đô thị và phát triển nông thôn	31
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	34
3.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp.....	34
3.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất	35
3.3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.....	46
3.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	53
3.5. Bài học kinh nghiệm trọng việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	54
IV. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	54

4.1. Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện	54
4.2. Xác định các chỉ tiêu trong kỳ kế hoạch sử dụng đất	55
4.2.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.....	55
4.2.2. Xác định diện tích các loại đất do cấp huyện xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã	56
4.2.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã	62
4.3. Xác định diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.....	91
4.4. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch 2025.....	93
4.5. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 so với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được duyệt	100
4.6. Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	103
V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	105
5.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	105
5.2. Giải pháp nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	107
5.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	109
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	111
1. Kết luận	111
2. Kiến nghị	111